

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

(Giấy CNĐKDN số 0301446260 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp lần đầu ngày 24/09/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02/01/2014)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

(Quyết định đăng ký niêm yết số: .4.3../QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM cấp ngày 24 tháng 02 năm 2015)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

1. CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

Trụ sở chính: 22 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM

2. CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Trụ sở chính: 56 - 68 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp.HCM

Chi nhánh Hà Nội: 181 Nguyễn Lương Bằng, Quận Đống Đa, Hà Nội

Chi nhánh Đông Sài Gòn: Tầng 7, tòa nhà 134/1 Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM

Phụ trách công bố thông tin

Họ tên: Ông **Lê Tùng Lâm**

Số điện thoại: (08) 3829 6620 – 3822 5373

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

(Giấy CNĐKDN số 0301446260 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp lần đầu ngày 24/09/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02/01/2014)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

Tên cổ phiếu: Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam
Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu: CSV
Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
Tổng số lượng niêm yết: 44.200.000 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá): 442.000.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi hai tỷ đồng)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Địa chỉ: 01 Lê Phụng Hiểu, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (04) 3824 1990 Fax: (04) 3825 3973

Website: www.aasc.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Trụ sở chính: 56 – 68 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (08) 3821 8666 Fax: (08) 3914 4372

Chi nhánh Hà Nội: 181 Nguyễn Lương Bằng, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3944 5175 Fax: (04) 3944 5178

Chi nhánh Đông Sài Gòn: Tầng 7, tòa nhà 134/1 Tô Hiến Thành, P.15, Quận 10, Tp.HCM

Điện thoại: (08) 3862 9666 Fax: (08) 3868 4748

Website: www.dag.vn

MỤC LỤC



I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	6
1. Rủi ro về kinh tế	6
2. Rủi ro về luật pháp	7
3. Rủi ro đặc thù	7
4. Rủi ro khác	12
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	13
1. Tổ chức niêm yết	13
2. Tổ chức tư vấn	13
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	13
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	15
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	15
1.1 Giới thiệu về Công ty	15
1.2 Lịch sử hình thành và phát triển	15
1.3 Ngành nghề kinh doanh và sản phẩm, dịch vụ của Công ty	17
1.4 Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty	17
2. Cơ cấu tổ chức Công ty	18
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.....	19
3.1 Đại hội đồng cổ đông	19
3.2 Hội đồng quản trị	20
3.3 Ban kiểm soát	21
3.4 Ban Tổng Giám đốc	21
3.5 Các phòng ban, đơn vị trong Công ty	22
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ Công ty, danh sách cổ đông sáng lập, danh sách cổ đông hạn chế chuyển nhượng và cơ cấu cổ đông	37
4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ	37
4.2 Danh sách cổ đông sáng lập	38
4.3 Cơ cấu cổ đông	38
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết.....	38
6. Hoạt động kinh doanh	39
6.1 Sản phẩm và dịch vụ chính.....	39
6.2 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm.....	39
6.3 Nguyên vật liệu.....	45
6.4 Chi phí sản xuất	47
6.5 Trình độ công nghệ	49
6.6 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới	50
6.7 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ.....	51

6.8	Hoạt động Marketing	51
6.9	Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	52
6.10	Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.....	52
7.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2012, 2013, 2014	56
7.1	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012, 2013, 2014.....	56
7.2	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo 2013	59
8.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	61
8.1	Vị thế của Công ty trong ngành và so sánh tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành	61
8.2	Triển vọng phát triển của ngành.....	64
8.3	Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới	64
9.	Chính sách đối với người lao động.....	65
9.1	Số lượng lao động trong Công ty	65
	Số lượng lao động trong Công ty	65
9.2	Chính sách đối với người lao động.....	66
10.	Chính sách cổ tức	67
11.	Tình hình tài chính.....	67
11.1	Các chỉ tiêu cơ bản.....	67
11.2	Thu nhập bình quân của người lao động	68
11.3	Thanh toán các khoản nợ đến hạn	69
11.4	Các khoản phải nộp theo luật định	69
11.5	Trích lập các quỹ.....	69
11.6	Tổng dư nợ vay.....	70
11.7	Tình hình công nợ hiện nay.....	70
11.8	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	71
12.	Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng	73
12.1	Hội đồng quản trị	74
12.2	Ban kiểm soát	81
12.3	Ban Tổng Giám đốc	85
12.4	Kế toán trưởng	87
13.	Tài sản	88
14.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo.....	90
14.1	Định hướng phát triển của Công ty	90
14.2	Kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2015 - 2016	90
14.3	Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên	93
15.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	94
16.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết	95
17.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết	95
V.	CỔ PHIẾU NIÊM YẾT	96

1. Loại cổ phiếu	96
2. Mệnh giá	96
3. Tổng số chứng khoán niêm yết.....	96
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết.....	96
5. Phương pháp tính giá.....	97
5.1 Tiêu chí lựa chọn công ty để so sánh	97
5.2 Công thức tính theo phương pháp P/E.....	97
5.3 Công thức tính theo phương pháp P/BV	98
5.4 Xác định $(P/BV)_{BQ}$ và $(P/E)_{BQ}$:	98
5.5 Xác định giá cổ phiếu.....	99
5.6 Tổng hợp kết quả.....	99
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	99
7. Các loại thuế có liên quan	100
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	101
1. Tổ chức tư vấn.....	101
2. Tổ chức kiểm toán	101
VI. PHỤ LỤC LIÊN QUAN CỦA BẢN CÁO BẠCH.....	102

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế có ảnh hưởng trực tiếp đến các ngành nghề kinh tế nói chung và ngành hóa chất nói riêng. Khi kinh tế tăng trưởng, nhu cầu hóa chất trong công nghiệp, nông nghiệp và tiêu dùng cũng tăng và ngược lại, do đó sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Là một công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm hóa chất là nguyên liệu đầu vào của nhiều ngành công nghiệp, có thể nói, môi trường kinh tế vĩ mô có những ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Nền kinh tế Việt Nam đã chịu ảnh hưởng rõ nét và toàn diện kể từ khi tham gia sâu vào sân chơi kinh tế quốc tế, đặc biệt sau khi gia nhập WTO. Hiện nay với nguy cơ suy thoái kép của nền kinh tế thế giới bắt nguồn từ cuộc khủng hoảng tài chính diễn ra từ cuối năm 2007 và nợ công khu vực Châu Âu cùng tăng trưởng chậm của các nền kinh tế lớn trên toàn cầu trong thời gian gần đây đã làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp trên thế giới rơi vào tình trạng ảm đạm do cung cầu khó gặp nhau, Việt Nam cũng không là ngoại lệ, dẫn tới hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp chịu ảnh hưởng xấu. Chỉ số BDI, chỉ số đo sức khỏe của hoạt động thương mại toàn cầu, đã liên tục sụt giảm trong thời gian gần đây và chưa có dấu hiệu cho thấy kinh tế thế giới sẽ hồi phục và phát triển bền vững. Như vậy, sau gần 5 năm kể từ cuộc khủng hoảng tài chính thế giới và sau hơn 2 năm kể từ khi cuộc khủng hoảng nợ công Châu Âu nổ ra đầu tiên tại Hy Lạp, kinh tế toàn cầu vẫn chưa hoàn toàn thoát khỏi bóng ma của cuộc khủng hoảng, hơn nữa, trong thời gian gần đây, vấn đề nợ công của các nước trong khu vực đồng tiền chung Châu Âu đã lan rộng và chưa đến hồi kết thúc.

Chất lượng kinh tế vĩ mô của Việt Nam trong năm 2013 đã được cải thiện khá nhiều so với năm 2012. Lạm phát giảm đáng kể là cơ sở để Chính phủ hạ lãi suất. Theo Tổng cục Thống kê, tăng trưởng GDP năm 2013 tăng 5,42% so với năm 2012. Mức tăng trưởng này đã được cải thiện đáng kể so với mức tăng trưởng 5,03% của năm 2012 so với năm 2011. GDP quý I/2014 cho thấy, chỉ tiêu này ước tính đã tăng 4,96% so với cùng kỳ năm 2013, cao hơn mức tăng cùng kỳ của 3 năm trở lại đây. Trong đó, cả ba khu vực đều đạt mức tăng cao hơn mức tăng cùng kỳ năm trước. Cụ thể, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,37% (quý I/2013 tăng 2,24%); khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 4,69% (quý I/2013 tăng 4,61%) và khu vực dịch vụ tăng 5,95% (quý I/2013 tăng 5,65%). Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, tuy mức tăng của cả khu vực không cao, ở mức 4,69% so với cùng kỳ năm 2013 nhưng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt mức tăng khá với 7,3%, cao hơn nhiều mức tăng cùng kỳ một số năm trước.

Như vậy, sau một loạt các chính sách vĩ mô được đưa ra nhằm điều tiết nền kinh tế, nền kinh tế Việt Nam đã có những tín hiệu tích cực. Khi nền kinh tế dần phục hồi và ổn định sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh

vực sản xuất các sản phẩm hóa chất nói chung và Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam nói riêng.

2. Rủi ro về luật pháp

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh bởi hệ thống pháp luật và chính sách của Nhà nước, bao gồm: luật doanh nghiệp, các chính sách thuế, các cam kết hội nhập, các quy định về bảo vệ môi trường... Khi tham gia thị trường chứng khoán, Công ty còn chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về thị trường chứng khoán.

Việt Nam đang ở giai đoạn đầu của thời kỳ hội nhập kinh tế thế giới, hệ thống văn bản pháp quy chưa hoàn thiện, chưa đồng bộ và hòa nhập với hệ thống luật, cũng như thông lệ quốc tế. Là một đất nước đang phát triển, các thể chế, chính sách cũng như pháp luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện nên thường có sự thay đổi. Chính sách và pháp luật có tác dụng định hướng phát triển chung cho nền kinh tế cũng như cho các doanh nghiệp. Do đó, mỗi thay đổi về mặt chính sách và pháp luật có thể tạo cơ hội hay rủi ro cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Rủi ro đặc thù

Rủi ro ô nhiễm môi trường

Đặc thù của ngành sản xuất hóa chất là có khả năng gây ô nhiễm môi trường cao và nếu xảy ra thì hậu quả rất nghiêm trọng. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực hóa chất nên các vấn đề liên quan đến xử lý chất thải, giảm thiểu các tác động của hoạt động sản xuất đến môi trường luôn được Công ty chú trọng, đảm bảo phù hợp với các tiêu chuẩn của Nhà nước. Do đó, Công ty thường xuyên kiểm tra chất lượng sản phẩm và kiểm tra chất thải nhằm đảm bảo theo đúng quy chuẩn môi trường của Nhà nước. Công ty cũng liên tục cải tiến các dây chuyền nhằm tăng năng suất và hạn chế, giảm bớt các thành phần độc hại trong chất thải.

Rủi ro trong quá trình vận chuyển, lưu trữ, bảo quản các sản phẩm hóa chất và rủi ro về an toàn lao động do tính chất nguy hiểm, độc hại của những sản phẩm này

Công ty sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hóa chất cơ bản với sản phẩm chính là xút lỏng 32% NaOH, khí clo hóa lỏng 99,9% Cl₂, keo thủy tinh lỏng Na₂SiO₃, axit clohydric 32% HCl, axit sulfuric H₂SO₄, axit phosphoric H₃PO₄ và các hợp chất muối vô cơ của chúng... Tất cả các sản phẩm hóa chất của Công ty được phân loại vào nhóm hóa chất nguy hiểm do tính chất ăn mòn hóa học của chúng (phân loại theo Nghị định số 104/2009/NĐ-CP của Chính phủ).

Tính chất ăn mòn hóa học tạo ra một mức độ rủi ro nhất định có khả năng tác động xấu đối với con người, máy móc thiết bị và môi trường nếu hóa chất không được kiểm soát tốt, bị rò rỉ hoặc phát tán ra môi trường. Do đó, các sản phẩm của Công ty đều có khả năng tác động nhất định đến cộng đồng và môi trường cũng như tồn tại các rủi ro về an toàn lao động trong các hoạt động sản xuất, lưu trữ, bảo quản và vận chuyển đi phân phối trên thị trường (sau đây gọi tắt là hoạt động hóa chất). Các rủi ro từ hoạt động vận chuyển hóa chất

ngoài nguyên nhân do sự cố giao thông trên đường còn có khả năng xảy ra do thiết bị chứa, van, ống dẫn trên xe không được kiểm tra bảo trì đầy đủ.

Biện pháp an toàn và bảo vệ môi trường trong hoạt động hóa chất của Công ty:

Xác định tầm quan trọng của các vấn đề rủi ro trong hoạt động hóa chất, nhằm tìm kiếm giải pháp đảm bảo sản phẩm sản xuất đạt chất lượng, an toàn cho người lao động và cộng đồng xã hội, Ban lãnh đạo Công ty đã quyết định áp dụng hệ thống quản lý tích hợp về an toàn, sức khỏe nghề nghiệp, chất lượng và môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế cho tất cả các đơn vị thành viên (ISO 14001, OHSAS 18001 và ISO 9001). Hệ thống quản lý quốc tế tích hợp với đặc điểm cải tiến thường xuyên cho phép Công ty có đầy đủ công cụ để kiểm soát rủi ro trong hoạt động hóa chất, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu pháp lý hiện hành và đạt được hiệu quả về an toàn, phòng chống cháy nổ trong thực tế.

Trên cơ sở áp dụng hệ thống quản lý tích hợp, từ nhiều năm trước, Công ty đã triển khai đánh giá rủi ro cho hoạt động hóa chất trong toàn Công ty để trên cơ sở đó xây dựng các biện pháp giúp giảm thiểu rủi ro, bảo đảm an toàn cho các hoạt động hóa chất của Công ty. Cụ thể như sau:

- *Đối với vấn đề an toàn vệ sinh lao động trong hoạt động sản xuất sản phẩm hóa chất:*
 - Dựa trên kết quả đánh giá rủi ro hóa chất, Công ty thiết kế xây dựng hạ tầng cơ sở các xưởng sản xuất đáp ứng các yêu cầu theo tiêu chuẩn quốc gia về vệ sinh công nghiệp theo Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT.
 - Đào tạo cho người lao động kiến thức về an toàn vệ sinh lao động, an toàn hóa chất và phòng chống cháy nổ (PCCN) theo quy định Pháp luật.
 - Đào tạo cho người lao động về quy trình ứng phó sự cố hóa chất.
 - Xây dựng và áp dụng các biện pháp phòng tránh tai nạn lao động trong hoạt động sản xuất hóa chất như:
 - + Lắp đặt các biển cảnh báo an toàn, các biển tóm tắt quy trình vận hành máy móc thiết bị, quy trình ứng phó trong tình huống sự cố khẩn cấp trong xưởng sản xuất.
 - + Trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động. Đào tạo về bảo quản và sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động. Kiểm soát việc sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân khi làm việc.
 - + Xây dựng chế độ kiểm tra thường xuyên trong nội bộ Xí nghiệp và nội bộ Công ty. Khắc phục các yếu tố thiếu an toàn tiềm ẩn.
 - Xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trình phê duyệt tại Bộ Công Thương. Đầu tư xây dựng lực lượng, trang thiết bị và đào tạo, tập dượt cho lực lượng ứng phó sự cố hóa chất tại các đơn vị của Công ty theo kế hoạch, biện pháp đã được phê duyệt. Sẵn sàng ứng phó hiệu quả các tình huống sự cố hóa chất.
- *Đối với hoạt động vận chuyển sản phẩm:*

- Xây dựng đội xe vận chuyển an toàn. Lập phương án ứng cứu khẩn cấp sự cố rò rỉ trên đường.
 - Bồn chứa hóa chất và các phụ kiện như van, đường ống giao nhận hóa chất làm bằng vật liệu chống ăn mòn phù hợp với từng loại sản phẩm hóa chất.
 - Xe vận chuyển được đăng ký và cấp giấy phép vận chuyển hóa chất do cơ quan quản lý nhà nước cấp. Lái xe tuân thủ đầy đủ các quy định thể hiện trong nội dung giấy phép.
 - Đội ngũ lái xe chọn lọc, được đào tạo và sát hạch đạt yêu cầu về an toàn vận chuyển hóa chất. Lái xe có nhận thức tốt về rủi ro, tác hại do hóa chất gây ra để có hành vi đúng, tuân thủ quy trình, quy định đã được đào tạo. Tuân thủ luật giao thông.
 - Phân công nhân sự quản lý công tác điều vận, kiểm soát xe trên đường vận chuyển... Công tác quản lý này cũng được kiểm tra định kỳ, chặt chẽ nhằm đảm bảo chất lượng, hiệu quả.
- *Đối với hoạt động lưu kho, bảo quản sản phẩm hóa chất:*
- Thủ kho và người lao động khác được trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân theo quy định, được tập huấn về sử dụng và bảo quản phương tiện bảo vệ cá nhân.
 - Lập dữ liệu an toàn hóa chất cho mỗi loại sản phẩm hóa chất của Công ty; phổ biến cho người lao động và khách hàng.
 - Trong kho hóa chất lắp biển cảnh báo an toàn, biển cảnh báo sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân. Các lô sản phẩm, bồn chứa hóa chất lỏng trong kho được gắn nhãn hàng hóa, gắn biểu trưng cảnh báo an toàn theo quy định của Luật Hóa chất.
 - Kho tàng, bồn chứa hóa chất lỏng được thiết kế, xây dựng theo Tiêu chuẩn kỹ thuật về an toàn hóa chất TCVN 5507:2002, tiêu chuẩn TCVN 2622-1995 yêu cầu thiết kế phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình; vật liệu làm bồn hóa chất, làm bao bì.
 - Xây dựng biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trình phê duyệt tại các Sở Công Thương địa phương nơi đặt các cơ sở, kho hóa chất của Công ty. Xây dựng lực lượng, trang thiết bị và đào tạo, tập dượt cho lực lượng ứng phó sự cố hóa chất biện pháp được phê duyệt.

Đánh giá hiệu quả quản lý rủi ro hoạt động hóa chất của Công ty:

Sau nhiều năm xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý an toàn sức khỏe, môi trường (từ năm 2007 đến nay), Công ty nhận định rằng công tác quản lý an toàn vệ sinh lao động trong hoạt động hóa chất đã đạt được hiệu quả. Trong nhiều năm qua tại Công ty đã không để xảy ra tai nạn hoặc sự cố nghiêm trọng nào. Quá trình quản lý hoạt động hóa chất liên tục được cải tiến, tiếp tục mang lại hiệu quả ngày càng cao.

Rủi ro giá nguyên vật liệu, năng lượng đầu vào

Chi phí nguyên vật liệu, năng lượng chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản xuất nên biến động của giá nguyên vật liệu, năng lượng đầu vào sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến giá vốn

hàng bán và ảnh hưởng đến khả năng tạo lợi nhuận của Công ty. Thời gian gần đây, giá một số loại nguyên, nhiên vật liệu như muối, than, xăng dầu... đều tăng đã đẩy chi phí sản xuất sản phẩm lên cao. Một phần nguyên liệu của Công ty được cung cấp từ các nguồn nhập khẩu, nên sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động tỷ giá ngoại tệ. Tuy nhiên, các nhà cung cấp nguyên liệu đầu vào của Công ty đều là các đối tác truyền thống, có năng lực, có uy tín trên thị trường nên Công ty vẫn ổn định được nguồn nguyên liệu cho sản xuất và giảm thiểu được những rủi ro đầu vào.

Bên cạnh đó, mặt hàng hóa chất không phải là một trong những mặt hàng thiết yếu nên không chịu sức ép điều tiết giá của Chính phủ. Hàng năm, Công ty thường xuyên có điều chỉnh giá, đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tương đối ổn định nên cũng phần nào hạn chế được rủi ro này.

Thị trường đầu ra

Thị trường đầu ra của Công ty chủ yếu là khu vực TP.HCM, miền Trung, Tây Nguyên trở vào các tỉnh miền Tây. Mặc dù nhu cầu của thị trường trong nước còn rất tiềm năng nhưng sự cạnh tranh cũng là rất lớn đến từ sản phẩm cùng loại từ các công ty sản xuất trong nước và sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc. Cùng với quá trình hội nhập kinh tế thế giới, thị trường Việt Nam ngày càng được mở cửa rộng rãi, sự cạnh tranh sẽ càng trở nên khốc liệt hơn. Ngoài ra, một số công ty lớn trong ngành giấy và may mặc cũng đầu tư sản xuất để tự cung cấp nhu cầu hóa chất. Tuy nhiên do sản phẩm của Công ty chủ yếu là tư liệu sản xuất của các ngành sản xuất khác nên thị trường đầu ra cũng tương đối ổn định. Hiện tại Công ty đang tìm cách giảm thiểu rủi ro này thông qua việc đa dạng hóa hệ thống khách hàng, xây dựng quan hệ bạn hàng bền vững và không ngừng vươn ra các thị trường mới.

Rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất

Công ty thường xuyên phải huy động vốn từ các tổ chức tín dụng để đảm bảo cho nhu cầu vốn lưu động và nhu cầu đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong khi đó, do ảnh hưởng của chính sách tiền tệ quốc gia, tình hình lãi suất trong các năm gần đây cũng có nhiều biến động bất thường. Trong trường hợp lãi suất tăng cao sẽ làm tăng chi phí hoạt động, giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty đang từng bước giảm thiểu rủi ro này thông qua các biện pháp nhằm giảm nhu cầu vốn lưu động, tăng vòng quay tiền tệ, tối ưu tỷ lệ tồn kho, cân đối hoạt động sản xuất và tiêu thụ...

Rủi ro di dời địa điểm sản xuất của các nhà máy

Hiện nay, 03 nhà máy lớn của Công ty gồm Nhà máy Hóa chất Biên Hòa, Nhà máy Hóa chất Đồng Nai, Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2 đều nằm trong Khu công nghiệp Biên

Hòa 1, Tỉnh Đồng Nai. Theo Thông báo số 766/TB-UBND Tỉnh Đồng Nai nêu ý kiến kết luận của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh như sau: “Khu công nghiệp Biên Hòa có lịch sử phát triển khá lâu, đến nay hầu hết các nhà máy trong khu công nghiệp đều có công nghệ lạc hậu, khó có điều kiện nâng cấp thay đổi. Vấn đề bức xúc nhất hiện nay là việc chất thải, khí thải của nhiều nhà máy trong khu công nghiệp Biên Hòa 1 xả thẳng ra môi trường gây ô nhiễm không khí và ô nhiễm nguồn nước mặt sông Đồng Nai. Nếu vẫn tiếp tục giữ nguyên tình trạng này, trong tương lai các doanh nghiệp trong khu công nghiệp sẽ không còn khả năng cạnh tranh, không có điều kiện giải quyết vấn đề môi trường. Do đó, cần thiết phải đặt ra vấn đề nghiên cứu tính toán giải pháp phù hợp về lâu dài đối với khu vực. Việc di dời các nhà máy hiện hữu trong Khu công nghiệp Biên Hòa 1 đến những vị trí khác phù hợp nhằm tạo điều kiện cho các nhà máy có cơ hội đổi mới công nghệ, tăng khả năng cạnh tranh trong tình hình mới; đồng thời tạo điều kiện để tăng hiệu quả sử dụng đất tại khu vực, góp phần tích cực trong việc xây dựng, phát triển thành phố Biên Hòa nói riêng và toàn tỉnh nói chung.” Qua đó, Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đồng Nai giao cho các cơ quan ban ngành và đơn vị trực tiếp quản lý vận hành và phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Biên Hòa 1 phân tích, nghiên cứu đưa ra giải pháp phù hợp và đề xuất mô hình phát triển tại khu vực. Tiếp theo đó, căn cứ ý kiến của Thủ tướng chính phủ đồng ý Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đồng Nai lập đề án chuyển đổi Khu công nghiệp Biên Hòa 1 thành Khu đô thị – thương mại – dịch vụ, Ban chỉ đạo dự án chuyển đổi Khu công nghiệp Biên Hòa 1 đã thực hiện một số bước và công bố các chủ trương, phương án cơ cấu quy hoạch chuyển đổi, phân đợt di dời và dự kiến các cơ chế chính sách, phương án hỗ trợ cho các doanh nghiệp di dời,... với các doanh nghiệp (theo Báo cáo số 9502/BC-BCĐ ngày 19/11/2010).

Với chủ trương chung của Tỉnh Đồng Nai như trình bày ở trên, Công ty cũng đang tích cực tìm kiếm cũng như nhận sự hỗ trợ trong việc giới thiệu địa điểm của Ban quản lý các Khu công nghiệp Tỉnh Đồng Nai để tìm được địa điểm nào phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh của Công ty. Với đặc thù là ngành sản xuất công nghiệp nặng, việc di dời sản xuất thực chất là đầu tư một nhà máy mới tại một vị trí mới, nên việc lựa chọn địa điểm di dời sao cho phù hợp với quy hoạch ngành nghề hóa chất cơ bản cũng như đặc thù kinh doanh của Công ty là nguồn nguyên liệu dùng để sản xuất đều là nguyên liệu nhập khẩu với số lượng lớn như lưu huỳnh, muối công nghiệp và các sản phẩm chính của Công ty phần lớn là dạng lỏng nên việc vận chuyển phải dùng phương tiện tàu bè, việc lựa chọn khu đất có thể xây dựng cảng để vận chuyển hàng hóa tại các khu công nghiệp gần sông, biển là ưu tiên hàng đầu của Công ty. Hiện tại, Công ty đang lên phương án di dời cho các nhà máy để làm cơ sở tính toán, cân nhắc những lựa chọn cụ thể tiếp theo như: lựa chọn chính thức địa điểm, xác định tổng mức đầu tư hợp lý, xây dựng kế hoạch cung ứng và mở rộng thị trường... Nhìn chung, định hướng của các phương án đều nhằm mục tiêu đảm bảo việc đầu tư nhà máy mới, chạy đạt công suất ổn định rồi kết hợp di dời dây chuyền cũ để không gây ảnh hưởng tiêu cực đến việc cung cấp sản phẩm của Công ty đến khách hàng truyền thống và khả năng mở rộng tiêu thụ trong tương lai.

Bên cạnh đó, khu đất Chi nhánh Tân Bình - đơn vị trực thuộc Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam tại địa chỉ 46/6 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP.Hồ

Chí Minh, UBND Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định 1966/QĐ-UBND ngày 22/04/2014 về chấp thuận cho Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam tiếp tục sử dụng 50% diện tích khu đất trên làm văn phòng làm việc; phần 50% diện tích đất còn lại bàn giao cho Ủy ban nhân dân Thành phố để làm công viên cây xanh theo quy hoạch của thành phố. Ngoài ra chủ trương chung là không cấp mới giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho ngành nghề sản xuất hóa chất trong khu dân cư tập trung trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh, tuy nhiên, việc này sẽ không ảnh hưởng đến hoạt động của Chi nhánh Tân Bình do Công ty đã ngưng hoạt động sản xuất Nhôm hydroxyt $Al(OH)_3$ tại Chi nhánh Tân Bình, và hoạt động của Chi nhánh cũng chuyển sang tập trung vào kinh doanh thương mại.

4. Rủi ro khác

Rủi ro biến động giá cổ phiếu

Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh, giá cổ phiếu sẽ biến động không chỉ phụ thuộc vào hoạt động kinh doanh nội tại mà còn chịu sự tác động từ biến động chung của thị trường. Trong thời gian qua, do ảnh hưởng tiêu cực từ kinh tế trong nước và những biện pháp điều hành kinh tế vĩ mô của Chính phủ trong việc kiềm chế lạm phát, thị trường chứng khoán đã giảm sâu và giá của hầu hết các cổ phiếu trên thị trường đều giảm. Tuy nhiên, không thể phủ nhận trong giai đoạn sôi động, thị trường chứng khoán đã trở thành một kênh huy động vốn khá tốt cho doanh nghiệp. Việc niêm yết cổ phiếu cũng là một xu hướng tất yếu nhằm nâng cao giá trị cho các cổ đông thông qua việc tăng tính thanh khoản và nâng cao hoạt động quản trị qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro trên, Công ty còn chịu các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông Lê Văn Hùng	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Hữu Thọ	Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Ngọc Diệp	Chức vụ: Kế toán trưởng
Bà Lê Thúy Mai	Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Bà Trương Nguyễn Thiên Kim

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

(Theo Giấy ủy quyền số 02/2014/UQ-DAS của Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á ngày 24/02/2014)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh do Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Từ viết tắt	Giải nghĩa
Tổ chức niêm yết	Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam
Tổ chức tư vấn	Công ty TNHH MTV Chứng khoán Đông Á
Công ty	Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam
HCCB	Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
Điều lệ	Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam
Vốn điều lệ	Là số vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi nhận vào điều lệ của Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam

Từ viết tắt	Giải nghĩa
Cổ phiếu	Chứng chỉ do Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần của Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam
DAS	Tên viết tắt Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam
HĐQT	Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
BKS	Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam
UBCKNN	Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước
SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
Giấy CNĐKDN	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
BCTC	Báo cáo tài chính
TSCĐ	Tài sản cố định
ATVSLĐ-PCCN	An toàn vệ sinh lao động – Phòng cháy chữa cháy
BVMT	Bảo vệ môi trường

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu về Công ty

- Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM
- Tên Tiếng Anh : SOUTH BASIC CHEMICALS JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : SBCC
- Trụ sở chính : Số 22 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM
- Điện thoại : (08) 3829 6620 – (08) 3822 5373
- Fax : (08) 3824 3166 – (08) 38239109
- Email : sbcc@sochemvn.com
- Website : www.sochemvn.com
- Giấy CNĐKDN: số 0301446260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM cấp lần đầu ngày 24/09/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02/01/2014.
- Vốn điều lệ : 442.000.000.000 đồng

1.2 Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty Hóa chất Cơ bản miền Nam được thành lập vào ngày 21/07/1976 theo Quyết định số 240/HC của Tổng Cục Hóa Chất.

Tóm tắt những nét chính trong quá trình phát triển của Công ty như sau:

❖ Giai đoạn từ 1976-1985:

- Công ty được thành lập trên cơ sở hợp nhất 6 đơn vị đóng trên nhiều địa bàn khác nhau. Do cơ sở vật chất ban đầu còn thiếu thốn, môi trường sản xuất kinh doanh bị trói buộc bởi cơ chế kế hoạch hoá tập trung bao cấp, từ đó tính chủ động sáng tạo trong sản xuất kinh doanh không được phát huy, vai trò của tiến bộ khoa học kỹ thuật không được coi trọng, sức sản xuất bị kiềm hãm do đó năng suất chất lượng thấp, không có những bước phát triển đáng kể. Chủ yếu trong giai đoạn này là tập trung mọi nỗ lực để duy trì sản xuất ổn định nhằm phục vụ yêu cầu cấp bách của nền kinh tế theo những chỉ tiêu pháp lệnh của Nhà nước.

❖ Giai đoạn từ 1986-1996:

- Ngày 13/02/1993 Bộ Công nghiệp nặng ra Quyết định số 64/CNNg/TC về việc thành lập lại Công ty Hóa chất Cơ bản miền Nam và các đơn vị trực thuộc.

- Đây là giai đoạn mà công cuộc đổi mới đất nước theo đường lối của Đảng, đất nước có nhiều khởi sắc tạo tiền đề cho sản xuất trong nước phát triển. Bước vào cơ chế thị trường dù còn nhiều khó khăn, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự giúp đỡ của các cơ quan quản lý cấp trên cùng với sự cố gắng của Đảng ủy, Ban Giám đốc Công ty và các đơn vị trực thuộc nên tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty tăng trưởng đều đặn, thị trường ngày càng mở rộng. Việc đầu tư đổi mới công nghệ ở Công ty được triển khai, sản xuất đạt hiệu quả tương đối tốt, đời sống người lao động ngày càng được nâng cao. Mức tăng trưởng bình quân hàng năm của giai đoạn này là 10%/năm.

❖ **Giai đoạn từ 1996-2006:**

- Thực hiện chủ trương sắp xếp lại các doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu, ngày 11/07/2003 Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 138/2003/QĐ-TTg về việc chuyển đổi Công ty Hóa chất Cơ bản miền Nam thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên trực thuộc Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam - nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.

- Trong cả giai đoạn này Công ty luôn giữ mức tăng trưởng khá trên các lĩnh vực, đã làm thay đổi vị thế của Công ty với tầm vóc khác hẳn so với giai đoạn trước. Cụ thể từ một doanh nghiệp Nhà nước hạng II, Công ty đã phấn đấu và được Chính phủ công nhận trở thành doanh nghiệp Nhà nước hạng I từ ngày 01/01/2001. Mức tăng trưởng bình quân trong giai đoạn này là 15%/năm.

❖ **Giai đoạn từ 2006 đến nay:**

- Đây là giai đoạn phát triển mạnh của Công ty: Đất nước bước vào giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế toàn diện, với những chủ trương đúng đắn. Trong giai đoạn này Công ty luôn giữ được mức tăng trưởng tốt, doanh thu, lợi nhuận, tiền lương và thu nhập của người lao động năm sau đều cao hơn năm trước liền kề. Việc đầu tư đổi mới công nghệ, nâng công suất máy móc thiết bị được đặt lên hàng đầu. Đội ngũ cán bộ quản lý được trẻ hoá có đủ trình độ để thích ứng trước những cơ hội, thách thức và yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế. Môi trường sản xuất luôn được quan tâm và ngày càng hoàn thiện. Điều kiện làm việc của CBCNV và người lao động ngày càng tốt hơn. Các tiêu chuẩn về hệ thống quản lý chất lượng ISO, quản lý môi trường OHSAS... đều được triển khai và hoàn thành trong giai đoạn này.

- Ngày 20/08/2012 Tập đoàn Hóa chất Việt Nam ban hành Quyết định số 243/QĐ-HCVN về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Hóa chất cơ bản miền Nam lấy thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là 0 giờ ngày 01/10/2012.

- Căn cứ Quyết định số 248/QĐ-HCVN ngày 28/07/2013 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản miền Nam thành công ty cổ phần, Công ty đã thực hiện việc cổ phần hóa theo hình thức vừa bán một phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ (phần phát hành thêm chỉ nhằm mục đích làm tròn Vốn điều lệ từ giá trị phần vốn nhà nước

hiện có, không nhằm mục đích huy động vốn). Công ty đã hoàn tất việc tổ chức Đại hội cổ đông thành lập và chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301446260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp thay đổi lần thứ 8 ngày 02/01/2014 với vốn điều lệ là 442 tỷ đồng.

1.3 Ngành nghề kinh doanh và sản phẩm, dịch vụ của Công ty

Căn cứ Giấy CNĐKDN số 0301446260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp lần đầu ngày 24/09/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02/01/2014, Công ty được phép kinh doanh các lĩnh vực sau:

- Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu.
Chi tiết: Sản xuất hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở).
- Sản xuất máy chuyên dụng khác.
Chi tiết:
 - Sản xuất vật tư, thiết bị ngành hóa chất (không hoạt động tại trụ sở);
 - Gia công, chế tạo, lắp đặt thiết bị chuyên dùng, đường ống công nghệ và đường ống dùng trong ngành cấp thải nước công nghiệp (không chịu áp lực – trừ tái chế phế thải kim loại, xi mạ điện, luyện kim đúc).
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.
Chi tiết: Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị ngành hóa chất
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
Chi tiết: Lắp đặt thiết bị chuyên dùng, đường ống công nghệ và đường ống dùng trong ngành cấp thải nước công nghiệp (không chịu áp lực – trừ tái chế phế thải kim loại, xi mạ điện, luyện kim đúc).
- Khai khoáng chưa được phân vào đâu.
Chi tiết: Khai thác và chế biến khoáng sản bauxite (không hoạt động tại trụ sở).
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng.
Chi tiết: Nghiên cứu, thiết kế dây chuyền sản xuất hóa chất; Thiết kế thiết bị sản xuất hóa chất (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu.
Chi tiết: Chế biến các sản phẩm muối ăn dùng trong thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở).

1.4 Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty

Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 02/01/2014 với vốn điều lệ ban đầu là 442.000.000.000 đồng. Công ty chưa tăng vốn điều lệ kể từ khi hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

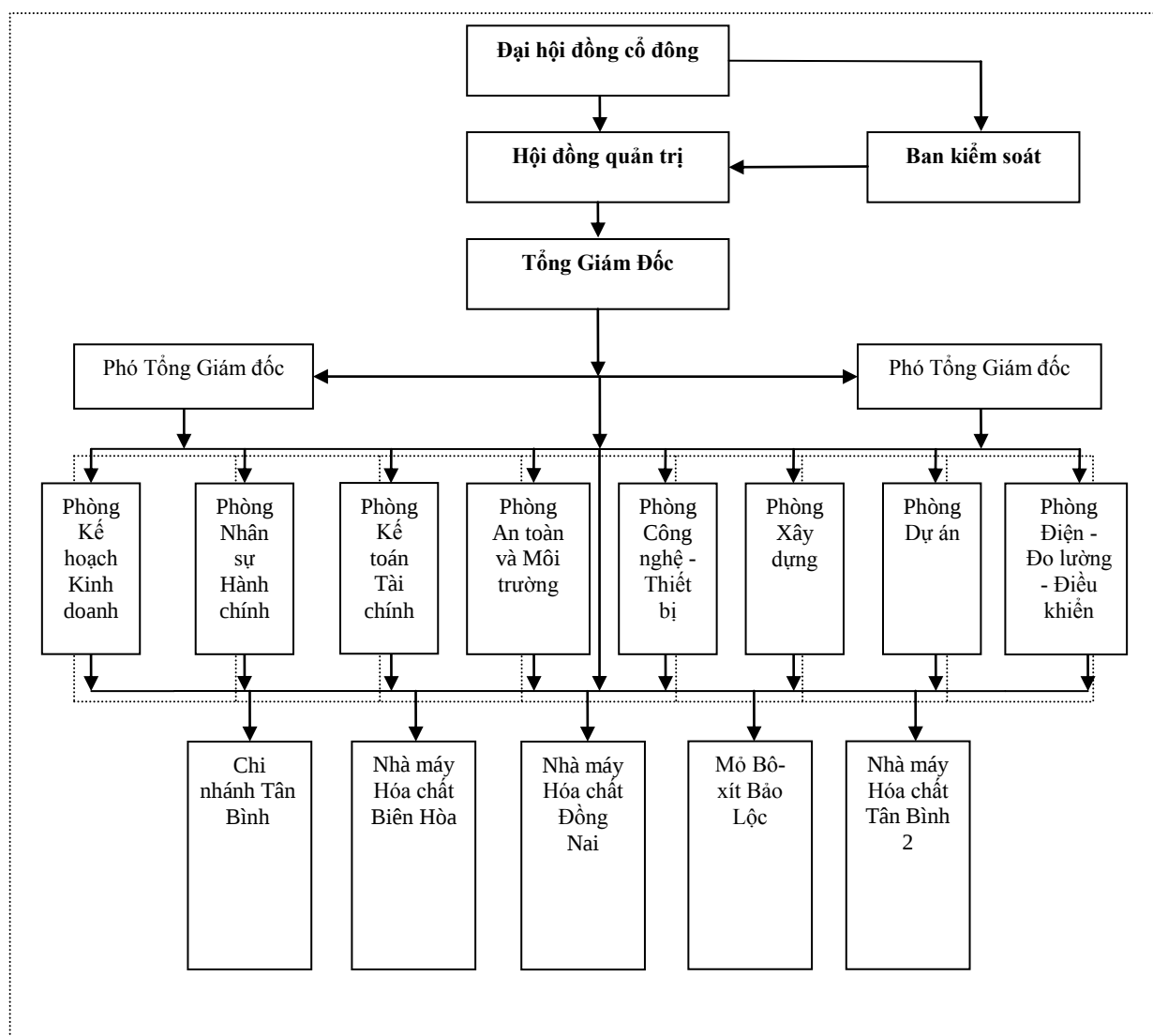
Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam được tổ chức và hoạt động theo các văn bản chính sau:

- Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH 11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 26 tháng 6 năm 2006 và Luật chứng khoán sửa đổi số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010.
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam ban hành lần đầu ngày 12 tháng 12 năm 2013.
- Và các quy định có liên quan đến các ngành nghề kinh doanh của Công ty.

Cơ cấu tổ chức của Công ty hiện tại gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Ban Tổng Giám đốc:
 - + Tổng Giám đốc;
 - + Các Phó Tổng Giám đốc.
- Phòng ban, đơn vị
 - + Phòng Kế hoạch Kinh doanh;
 - + Phòng Nhân sự Hành chính;
 - + Phòng Kế toán Tài chính;
 - + Phòng An toàn và Môi trường;
 - + Phòng Công nghệ - Thiết bị;
 - + Phòng Xây dựng;
 - + Phòng Dự án;
 - + Phòng Điện – Đo lường – Điều khiển;
 - + Chi nhánh Tân Bình;
 - + Nhà máy Hóa chất Biên Hòa;
 - + Nhà máy Hóa chất Đồng Nai;
 - + Mô Bô xít Bảo Lộc;
 - + Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2.

Mô hình tổ chức của Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam được thể hiện ở sơ đồ sau:



3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

3.1 Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. ĐHĐCĐ thường niên phải họp trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, trường hợp khác thực hiện theo quy định của pháp luật. ĐHĐCĐ có các nhiệm vụ sau:

- Thông qua các báo cáo tài chính năm;
- Thông qua mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
- Thông qua số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- Lựa chọn công ty kiểm toán;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

- Thông qua tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
- Thông qua việc bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- Thông qua loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- Thông qua việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- Thông qua việc tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
- Thông qua quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
- Thông qua việc công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
- Thông qua Chủ tịch Hội đồng quản trị đồng thời kiêm Tổng giám đốc điều hành (nếu có);
- Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
- Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.

3.2 Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, thực hiện các nhiệm vụ quyền hạn theo quy định của Điều lệ công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Quy chế quản trị nội bộ Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam.

Hội đồng quản trị Công ty bao gồm có 5 thành viên với nhiệm kỳ 5 năm. HĐQT có các nhiệm vụ sau:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm đồng thời xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc và quyết định mức lương của họ;
- Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;

- Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành, tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại và đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu, các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
- Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi HĐQT cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- Các nhiệm vụ khác được quy định trong Điều lệ Công ty.

3.3 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành Công ty đồng thời chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Ban kiểm soát bao gồm có 3 thành viên, nhiệm kỳ 5 năm trong đó 01 Trưởng ban, 02 ủy viên. Ban kiểm soát có các nghĩa vụ sau:

- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán, thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;
- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình HĐQT và ĐHĐCĐ;
- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty;
- Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và
- Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý;
- Các nhiệm vụ khác được quy định trong Điều lệ Công ty.

3.4 Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, thực hiện những chiến lược và kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.

Hiện Ban Tổng Giám đốc bao gồm 3 thành viên: 01 Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng

Giám đốc.

Tổng Giám đốc thực hiện các kế hoạch, các nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thông qua. Tổng Giám đốc chịu sự giám sát và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc là người đại diện trước pháp luật.

Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về sự phân công trách nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn; chủ động giải quyết các công việc được Tổng Giám đốc ủy quyền và phân công theo quy định của Điều lệ công ty, Quy chế quản lý nội bộ.

3.5 Các phòng ban, đơn vị trong Công ty

Các phòng ban, đơn vị trong Công ty thực hiện công việc theo chức năng chuyên môn, được xây dựng theo cơ cấu tinh giản, gọn nhẹ nhưng vẫn đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc đạt hiệu quả và năng suất cao. Các phòng ban của Công ty bao gồm:

a. Phòng Kế hoạch Kinh doanh

Chức năng: Phòng Kế hoạch – Kinh doanh là đơn vị của văn phòng công ty, có chức năng tham mưu, giúp việc cho Tổng giám đốc trong việc quản lý, điều hành công việc thuộc các lĩnh vực kế hoạch, kinh doanh – mua, bán, xuất nhập khẩu; tiếp thị, quảng cáo, ứng dụng công nghệ thông tin... và thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng giám đốc giao nhằm thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

Nhiệm vụ:

❖ Công tác kế hoạch thị trường

- Thu thập thông tin thị trường (nhu cầu khách hàng, đối thủ cạnh tranh...), phân tích cơ hội và thách thức để nhận dạng được khách hàng tiềm năng /phòng ngừa nguy cơ;
- Thu thập, phân tích, tổng hợp thông tin thị trường; xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch tiếp thị, chào hàng, quảng cáo, triển lãm hội chợ cho sản phẩm của Công ty.
- Xem xét hợp đồng hoặc bổ sung nguồn thông tin cho các dự án đầu tư mới;
- Lập báo cáo cho TGD nhằm có kế hoạch phù hợp cho chiến lược kinh doanh của Công ty hoặc cho việc nghiên cứu phát triển sản phẩm mới của Công ty.

❖ Công tác kinh doanh

- Nghiên cứu, xây dựng chiến lược tổng hợp kinh doanh dài hạn, trung hạn, ngắn hạn, kế hoạch hoạt động và kế hoạch kinh doanh hàng năm, hàng quý của Công ty.
- Tham mưu cho Tổng Giám đốc Công ty giao chỉ tiêu kinh doanh cho các đơn vị trực thuộc Công ty. Theo dõi, thúc đẩy tiến độ thực hiện kế hoạch kinh doanh và chương trình công tác của Công ty và của các đơn vị trực thuộc Công ty.
- Thực hiện công tác thống kê - kế hoạch, giá thành và giá bán sản phẩm toàn Công ty.

- Tham mưu cho Tổng Giám đốc về việc lựa chọn khách hàng, thị trường tiêu thụ sản phẩm.
- Nghiên cứu tình hình giá cả thị trường nhằm đề xuất lên Tổng Giám đốc việc điều chỉnh giá sản phẩm cho phù hợp.
- Phối hợp với các đơn vị thành viên tiêu thụ sản phẩm, nhận các đơn đặt hàng, lập hợp đồng kinh tế trong nước và trực tiếp làm công tác xuất nhập khẩu trong Công Ty. Giám sát việc thanh lý hợp đồng và thu hồi công nợ của khách hàng đối với Công ty.
- Tổng hợp, phân tích và lập báo cáo tình hình hoạt động và tình hình kinh doanh tháng, quý, 6 tháng, cả năm, tình hình xuất nhập khẩu và theo yêu cầu của Tổng Giám đốc. Lập các báo cáo về tình hình hoạt động và kinh doanh theo yêu cầu của cấp trên.
- Theo dõi cập nhật quản lý hóa đơn xuất- nhập- tồn kho vật tư, nguyên liệu, thành phẩm toàn Công Ty.
- Quản lý các hợp đồng kinh tế về tiêu thụ, cung ứng nguyên nhiên vật liệu, vận chuyển, thuê cảng, bảo hiểm tài sản cố định và cháy nổ bắt buộc, gia công sản xuất và các hợp đồng mà Tổng Giám đốc đã phân giao nhiệm vụ.
- Tạo mối quan hệ lâu dài với khách hàng. Giám sát, theo dõi, xử lý khiếu nại của khách hàng.

❖ ***Quản lý vật tư, thiết bị của phòng và công tác tin học***

- Bảo quản cơ sở vật chất, vật tư, máy móc thiết bị trong phạm vi quản lý của phòng.
- Đề xuất bổ sung vật tư máy móc thiết bị khi có nhu cầu.
- Thiết kế và triển khai các chương trình ứng dụng tin học quản lý trong toàn công ty
- Đề xuất sửa chữa máy vi tính, thiết bị tin học và mạng internet khi phát hiện hư hỏng.
- Quản lý hệ thống máy vi tính, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và hoạt động kinh doanh của Văn phòng Công ty.
- Tham gia nghiệm thu kết quả sửa chữa máy móc thiết bị.

b. Phòng Nhân sự Hành chính

Chức năng: Phòng Nhân sự - Hành chính là đơn vị của Văn phòng công ty, có chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc về thực hiện công tác tổ chức, cán bộ; chính sách cán bộ; quản lý CBCNV; thi đua khen thưởng, kỷ luật; bảo vệ nội bộ; công tác hành chính, thông tin tổng hợp; văn thư, lưu trữ và thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc giao nhằm phục vụ có hiệu quả cho nhiệm vụ sản xuất – kinh doanh của công ty.

Nhiệm vụ:

❖ ***Công tác nhân sự:***

- Tham mưu Tổng Giám đốc về xây dựng quy hoạch chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức; sắp xếp tổ chức bộ máy của công ty; thực hiện các quy trình về công tác

cán bộ theo quy định.

- Thực hiện các chế độ, chính sách của Nhà nước, quy định của công ty đối với CBCNV

- Tổ chức thực hiện công tác lao động - tiền lương;

- Xây dựng chính sách, quy trình tuyển dụng và chấm dứt hợp đồng lao động. Soạn thảo hợp đồng lao động và các quyết định về tổ chức, nhân sự của Văn phòng Công ty trình Tổng Giám đốc phê duyệt

- Tổ chức và thực hiện việc tổng hợp, cung cấp thông tin, đề xuất biện pháp xử lý các thông tin liên quan đến nhân sự của công ty

- Thực hiện công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật theo chỉ đạo của Hội đồng thi đua khen thưởng, kỷ luật công ty

- Tổ chức thực hiện công tác bảo vệ chính trị nội bộ, công tác an ninh, quốc phòng của công ty;

- Phối hợp với các bộ phận có liên quan thực hiện điều động nhân sự thay thế, phát triển nguồn nhân lực theo định hướng của Tổng Giám đốc.

- Quản lý và bổ sung hồ sơ, sổ bảo hiểm xã hội cho CBCNV trong văn phòng công ty;

- Lưu trữ, cập nhật hồ sơ CBCNV, hồ sơ đào tạo, kết quả thi nâng bậc, quyết định nâng lương, nâng bậc

❖ Quan hệ đối ngoại

- Thiết lập, duy trì, tăng cường mở rộng mối quan hệ với chính quyền địa phương, các cơ quan quản lý nhà nước, các đối tác có liên quan đến hoạt động của công ty

- Thực hiện các hoạt động từ thiện, công tác xã hội nhằm xây dựng hình ảnh thân thiện với công ty.

❖ Công tác văn thư

- Tiếp nhận, phân loại, phân phối công văn đến và đi

- Lưu trữ, bảo quản hồ sơ / tài liệu, các văn bản pháp lý

- Cung cấp giấy giới thiệu, giấy đi đường, giấy xác nhận CBCNV theo lệnh của Tổng Giám đốc.

- Quản lý và sử dụng con dấu

- Quản lý việc sử dụng hệ thống thông tin liên lạc của Văn phòng Công ty (điện thoại, fax...)

❖ Chế độ chính sách và chăm lo đời sống

- Cập nhật các thông tin về chính sách chế độ, tham mưu cho Tổng Giám đốc và tổ chức thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về nghĩa vụ, quyền lợi của người lao động

- Theo dõi, ghi nhận ngày công lao động
- Tính toán phân phối lương, thưởng và các tiêu chuẩn tài chính khác theo quy định của nhà nước và công ty; lập sổ theo dõi thu nhập cá nhân và tính thu nộp thuế thu nhập cá nhân.
- Thực hiện chế độ BHYT, BHXH và các chế độ bảo hiểm tự nguyện khác
- Theo dõi lập danh sách đề nghị xét nâng lương, thi nâng bậc cho CBCNV Văn phòng công ty và các đối tượng thuộc công ty quản lý.
- Xây dựng chính sách và thực hiện việc thanh toán chế độ bồi dưỡng độc hại, nghỉ dưỡng sức, bồi dưỡng sức khỏe tại chỗ theo qui định của nhà nước và công ty
- Phục vụ bữa ăn sáng và bữa ăn giữa ca cho CBCNV văn phòng Công ty.
- Phối hợp với công đoàn tổ chức nghỉ mát hàng năm cho CBCNV văn phòng công ty nhằm tái tạo sức lao động.
- Thực hiện khám sức khỏe định kỳ nhằm phát hiện bệnh nghề nghiệp, thực hiện chăm sóc y tế cho CBCNV văn phòng Công ty.
- Thực hiện các cam kết khác đã được quy định trong thỏa ước lao động tập thể

❖ ***Vệ sinh công nghiệp***

- Giám sát và thực hiện việc thu gom, vệ sinh các phòng làm việc tại văn phòng công ty.
- Giám sát và thực hiện vệ sinh hành lang – cầu thang nội bộ, nhà vệ sinh thuộc văn phòng công ty.

❖ ***Quản lý phương tiện vận chuyển do Văn phòng công ty quản lý***

- Thực hiện chế độ bảo hiểm cho toàn bộ xe ô tô.
- Quản lý và điều hành xe ô tô phục vụ công tác của các phòng ban.
- Xây dựng và giám sát kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng theo số km vận hành của xe ô tô.

❖ ***Các công tác khác***

- Tổ chức hội họp, tiếp khách theo chỉ đạo của Tổng Giám đốc
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Tổng Giám đốc

c. Phòng Kế toán Tài chính

Chức năng: Phòng Kế toán Tài chính là đơn vị của văn phòng công ty, có chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo, quản lý điều hành công tác kinh tế tài chính và hạch toán kế toán; xúc tiến huy động vốn và quản lý công tác đầu tư tài chính; thanh quyết toán các chi phí hoạt động, phục vụ sản xuất kinh doanh và thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc giao nhằm thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của công ty.

Nhiệm vụ :

❖ ***Nghiệp vụ kế toán tài chính***

- Lập kế hoạch sử dụng nguồn tài chính công ty hiệu quả.
- Quản lý nguồn tài chính ra vào của công ty.
- Quản lý nguồn vốn của công ty.
- Phân bổ nguồn tài chính của công ty cho các phòng ban/dự án và các đơn vị trực thuộc
- Tính toán, trích nộp đầy đủ và kịp thời các khoản nộp ngân sách, nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước theo luật định.
- Tổ chức thực hiện các nghiệp vụ giải ngân, thanh toán.
- Lập chứng từ và thanh toán.
- Xác định chi phí và giá thành, kết quả hoạt động kinh doanh.
- Lập báo cáo tài chính hàng quý, năm.
- Theo dõi công tác quyết toán sửa chữa lớn và đầu tư XDCH.
- Kiểm tra giám sát các khoản thu chi tài chính.
- Thực hiện công tác kiểm kê tài sản và nguyên nhiên vật liệu, thành phẩm; kiểm tra công tác kế toán của các đơn vị trực thuộc.
- Phân tích thông tin số liệu kế toán tài chính.

❖ ***Xây dựng và quản lý hệ thống kế toán tài chính***

- Xây dựng, hướng dẫn, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện quy chế tài chính và những quy định khác về chi phí áp dụng trong nội bộ Công ty theo quy định của pháp luật.
- Chủ trì và phối hợp với các phòng nghiệp vụ liên quan xây dựng quy chế về quản lý và chi tiêu các quỹ đúng quy định.
- Xây dựng hệ thống biểu mẫu, thống kê, báo cáo kế toán
- Xây dựng hệ thống thông tin số liệu

❖ ***Các công tác khác***

- Bảo quản, lưu trữ các tài liệu kế toán, tài chính, chứng từ có giá trị, giữ bí mật các tài liệu và số liệu này, cung cấp khi có yêu cầu của Tổng Giám đốc.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Tổng Giám đốc

d. Phòng An toàn và Môi trường

Chức năng: Phòng An toàn và Môi trường là đơn vị của văn phòng công ty, có chức năng tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong lĩnh vực An toàn, bảo hộ lao động - phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường...và thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc giao nhằm thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ sản xuất – kinh doanh và phát triển của công ty.

Nhiệm vụ:

❖ **Hoạch định chương trình quản lý ATVSLĐ-PCCN và bảo vệ môi trường:**

– Thiết lập chương trình quản lý ATVSLĐ-PCCN và BVMT. Đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty, phù hợp với:

+ Các yêu cầu của Bộ Luật lao động, Luật PCCC, Luật Hóa chất và Luật Bảo vệ môi trường.

+ Yêu cầu khác của Công ty (hoặc theo mô hình tiêu chuẩn của các hệ thống quản lý đã được Tổng Giám đốc Công ty chấp thuận)

– Xây dựng kế hoạch An toàn vệ sinh lao động hàng năm phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh và đề xuất của các đơn vị thành viên.

– Phối hợp với các đơn vị thành viên xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường.

– Xây dựng tiêu chí đào tạo về ATVSLĐ-PCCN và BVMT.

– Xây dựng quy chế kiểm tra giám sát về ATVSLĐ-PCCN và bảo vệ môi trường.

– Tổ chức đánh giá rủi ro, đánh giá tác động môi trường các dự án đầu tư phát triển SX. Đề ra các biện pháp ATVSLĐ-PCCN & BVMT trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

❖ **Tổ chức thực hiện chương trình quản lý ATVSLĐ-PCCN và bảo vệ môi trường:**

– Phân phối kế hoạch an toàn vệ sinh lao động đã được phê duyệt cho các đơn vị.

– Tổ chức cập nhật và đề xuất việc phổ biến các chính sách, chế độ, tiêu chuẩn của yêu cầu luật định trong các lĩnh vực lao động, PCCN và bảo vệ môi trường cho các phòng ban Công ty và đơn vị thành viên.

– Phổ biến cho các đơn vị thành viên quy chế, chỉ thị, quy định của Lãnh đạo Công ty về BHLĐ và bảo vệ môi trường

– Phối hợp với các đơn vị thành viên tổ chức thực hiện:

+ Đánh giá rủi ro, nhận diện các mối nguy, các yếu tố tác động môi trường của các hoạt động sản xuất, bảo trì sửa chữa, lưu kho và vận chuyển hóa chất trong đơn vị. Đề xuất các biện pháp kiểm soát.

+ Soạn thảo các quy trình, quy định, hướng dẫn về ATVSLĐ-PCCN, vệ sinh công nghiệp và bảo vệ môi trường trong các hoạt động sản xuất, bảo trì sửa chữa, lưu kho và vận chuyển vật tư nguyên nhiên liệu, sản phẩm hóa chất và các hoạt động thiết kế, lắp đặt, thử nghiệm sản phẩm mới.

+ Đào tạo định kỳ về BHLĐ-PCCN, bằng nghề cho các bộ phận có yêu cầu.

+ Nhận diện các tình huống sự cố nghiêm trọng khẩn cấp trong đơn vị. Xây dựng phương án ngăn ngừa khắc phục sự cố khẩn cấp. Đào tạo nội dung phương án cho người lao động tại đơn vị.

– Soạn thảo, cập nhật thông tin về an toàn hóa chất (MSDS) của nguyên liệu và sản phẩm của Công ty. Tổ chức phổ biến cho các đơn vị thành viên và khách hàng.

- Quản lý hồ sơ ATVSLĐ-PCCN và BVMT. Theo dõi đánh giá tình hình tai nạn lao động, sức khỏe người lao động để đề xuất các biện pháp ngăn ngừa tai nạn và bệnh nghề nghiệp, chăm sóc sức khỏe người lao động.

- Lập báo cáo về ATVSLĐ-PCCN và BVMT định kỳ theo quy định luật pháp hoặc khi có yêu cầu của Lãnh đạo Công ty.

- Tổ chức điều tra tai nạn lao động.

- Đề xuất các hoạt động tuyên truyền, hưởng ứng các phong trào quốc gia về ATVSLĐ-PCCN và BVMT.

❖ **Kiểm tra giám sát về ATVSLĐ-PCCN và bảo vệ môi trường:**

- Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch BHLĐ của các đơn vị thành viên, đôn đốc thực hiện kế hoạch đúng tiến độ.

- Kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất các đơn vị thành viên về tình hình thực hiện công tác ATVSLĐ-PCCN và bảo vệ môi trường.

- Kiểm tra việc chấp hành các quy chế, chỉ thị, quy định của Lãnh đạo Công ty về BHLĐ và BVMT.

- Kiểm tra việc cập nhật, kiểm soát đối với hóa chất nguy hiểm mới đưa vào sử dụng của các đơn vị thành viên.

- Kiểm tra tình hình thao dợt định kỳ phương án đối phó tình huống khẩn cấp, cập nhật các thay đổi trong nội dung phương án của các đơn vị thành viên.

- Kiểm tra sự phù hợp về ATVSLĐ-PCCN và BVMT theo các văn bản pháp luật, quy phạm, tiêu chuẩn Việt Nam liên quan đối với các tài liệu thiết kế kỹ thuật, phương án thi công an toàn của các hạng mục sửa chữa, đầu tư do các phòng ban công ty thực hiện.

- Giám sát về ATVSLĐ-PCCN trong quá trình thi công cơ sở hạ tầng, lắp đặt máy móc thiết bị của các công trình do các phòng ban công ty thực hiện.

- Giám sát việc chấp hành các quy định về ATVSLĐ-PCCN và bảo vệ môi trường theo nội dung phương án thi công an toàn của các nhà thầu bên ngoài làm việc cho Công ty.

❖ **Cải thiện điều kiện lao động:**

- Đề xuất các giải pháp cải thiện môi trường lao động. Hợp lý hóa các quy trình SX, tìm kiếm thay thế nguyên liệu ít độc hại hơn... nhằm giảm thiểu lao động nặng nhọc, độc hại.

- Nghiên cứu đề xuất các biện pháp tiết kiệm tài nguyên, nguyên nhiên vật liệu và giảm thiểu chất thải trong các hoạt động sản xuất.

- Tham gia đánh giá các sáng kiến cải tiến liên quan đến cải thiện điều kiện làm việc, tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu.

- Theo dõi việc thực hiện các hạng mục môi trường của các đơn vị thành viên đã đăng ký trong kế hoạch KHCN môi trường

- Đề xuất tổ chức các lớp tập huấn để nhằm nâng cao nhận thức cho người lao động về ATVSLĐ-PCCN và BVMT.

❖ ***Quan hệ bên ngoài:***

- Bảo vệ uy tín, lợi ích hợp pháp của Công ty trong các vấn đề liên quan đến ATVSLĐ-PCCN và bảo vệ môi trường.

- Tham gia tiếp các đoàn thanh kiểm tra về BHLĐ, PCCN và bảo vệ môi trường của các cơ quan quản lý Nhà nước, cơ quan chủ quản...

- Tiếp xúc với cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị tư vấn chuyên ngành để thực hiện các công việc liên quan đến BHLĐ, ATVSLĐ-PCCN và bảo vệ môi trường trong các hoạt động của Công ty

❖ ***Các công tác khác***

- Bảo quản, lưu trữ các tài liệu liên quan đến công tác đầu tư, dự án; cung cấp khi có yêu cầu của Tổng Giám đốc và các đơn vị liên quan.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Tổng Giám đốc.

e. Phòng Công nghệ - Thiết bị

Chức năng: Phòng Công nghệ – Thiết bị là đơn vị của văn phòng công ty, có chức năng tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành công việc thuộc các lĩnh vực Quản lý kỹ thuật công nghệ và thiết bị, chất lượng sản phẩm; xây dựng chiến lược phát triển sản xuất công ty; nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ sản xuất và bảo vệ môi trường...và thực hiện các nhiệm vụ khác do TGD giao nhằm thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ sản xuất – kinh doanh của công ty

Nhiệm vụ:

❖ ***Quản lý kỹ thuật công nghệ - thiết bị***

- Xây dựng, rà soát sửa đổi ban hành và giám sát các quy trình công nghệ, quy trình an toàn lao động - vệ sinh lao động, tiêu chuẩn sản phẩm đầu vào, đầu ra cho phù hợp với công nghệ sản xuất tại các đơn vị trực thuộc công ty. Kết hợp với các cơ quan quản lý nhà nước xây dựng tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm cho ngành.

- Xây dựng và quản lý định mức kinh tế kỹ thuật ở các đơn vị trực thuộc để làm cơ sở xây dựng giá thành sản phẩm.

- Tham gia điều tra nguyên nhân và lập biên bản sự cố hỏng hóc máy móc, thiết bị các đơn vị trực thuộc của công ty.

- Cùng các đơn vị thực hiện xử lý, khắc phục sự cố và thực hiện các giải pháp phòng ngừa sự cố trong sản xuất.

❖ ***Tham gia các hoạt động sửa chữa lớn:***

– Phối hợp cùng các nhà máy lập kế hoạch, phân công trách nhiệm thực hiện các hạng mục sửa chữa lớn liên quan đến thiết bị.

– Xem xét phương án thực hiện, dự toán chi phí do các đơn vị lập, các hợp đồng sửa chữa lớn thiết bị trong phạm vi phân cấp Công ty ký, kiểm tra nghiệm thu và quyết toán các hạng mục nói trên.

– Lập phương án, dự toán, tìm đối tác, xem xét, giám sát, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng các hạng mục sửa chữa lớn các thiết bị do Công ty thực hiện.

❖ *Quản lý hoạt động khoa học công nghệ, môi trường và các sáng kiến cải tiến kỹ thuật*

– Lập kế hoạch áp dụng tiến bộ kỹ thuật, phát triển sản xuất hàng năm phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty.

– Nghiên cứu, dịch thuật tài liệu nước ngoài

– Quản lý phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất theo điều lệ sáng kiến và làm thường trực Hội đồng sáng kiến của công ty.

❖ *Tham gia các hoạt động đầu tư phát triển*

– Lập kế hoạch áp dụng tiến bộ kỹ thuật, phát triển sản xuất hàng năm phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty.

– Là đầu mối tổ chức các hoạt động nghiên cứu tìm kiếm sản phẩm, công nghệ mới, các phương án áp dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thực hiện các công việc chuyên môn liên quan trong quá trình triển khai dự án đầu tư:

+ Xây dựng các phương án phát triển công ty, tư vấn cho Tổng Giám đốc chọn phương án đầu tư chiều sâu, đầu tư mở rộng sản xuất theo mục tiêu kế hoạch năm và kế hoạch dài hạn của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.

+ Tham gia viết báo cáo, dự án đầu tư các nội dung liên quan đến công nghệ thiết bị.

+ Tham gia thiết kế, lập dự toán, thẩm định thiết kế, dự toán, thực hiện hoặc theo dõi việc giám sát thi công các hạng mục trong phạm vi chuyên môn quản lý.

+ Tìm kiếm lựa chọn đối tác tư vấn, thiết kế, thi công. Lập hoặc thẩm định hồ sơ mời thầu, tham gia xét thầu, xem xét hợp đồng, thực hiện các hạng mục trong phạm vi chuyên môn quản lý.

+ Xây dựng phương án chạy thử, phương án bố trí nhân sự, vận hành dây chuyền thiết bị, ban hành các quy trình, điều kiện, thông số vận hành.

+ Nghiệm thu, kiểm tra quyết toán, giải trình quyết toán các phần việc trong phạm vi chuyên môn quản lý.

+ Hỗ trợ thực hiện dự án với đối tác nước ngoài:

 Tìm hiểu, đề xuất đối tác hợp tác nước ngoài.

 Tổ chức khảo sát, kiểm tra nhà cung cấp nước ngoài.

Hỗ trợ lập hồ sơ mời thầu, mua sắm thiết bị, thực hiện hợp đồng nhập ngoại, thẩm tra năng lực nhà cung cấp.

❖ ***Quan hệ quốc tế***

- Liên hệ với các đối tác nước ngoài.
- Hỗ trợ tiếp khách nước ngoài các phòng ban.

❖ ***Công tác đào tạo***

- Tổ chức, hướng dẫn các đơn vị tổ chức hoặc tham gia các lớp tập huấn nâng cao tay nghề, kỹ năng làm việc cho cán bộ kỹ thuật, công nhân sản xuất, vận hành thiết bị, sửa chữa cơ khí.
- Tổ chức thi nâng bậc cho công nhân sản xuất, vận hành thiết bị, sửa chữa cơ khí theo phạm vi phân cấp của Công ty .

❖ ***Quản lý vật tư, thiết bị của phòng***

- Bảo quản cơ sở vật chất, vật tư, máy móc thiết bị trong phạm vi quản lý của phòng.
- Đề xuất bổ sung vật tư máy móc thiết bị khi có nhu cầu.
- Đề xuất sửa chữa máy móc thiết bị khi phát hiện hư hỏng.
- Tham gia nghiệm thu kết quả sửa chữa máy móc thiết bị.

❖ ***Các công tác khác***

- Bảo quản, lưu trữ các tài liệu liên quan đến công nghệ, thiết bị, chất lượng sản phẩm...; cung cấp khi có yêu cầu của Tổng Giám đốc và các đơn vị liên quan.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Tổng Giám đốc.

f. Phòng Xây dựng

Chức năng: Phòng Xây dựng là đơn vị của văn phòng công ty, có chức năng tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành công việc thuộc các lĩnh vực xây dựng cơ bản, công trình xây dựng kiến trúc – nhà xưởng, văn phòng, cơ sở hạ tầng, kho bãi, đường giao thông và hệ thống cấp thoát nước nội bộ ... và thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc giao nhằm thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ sản xuất – kinh doanh của công ty.

Nhiệm vụ:

❖ ***Quản lý các công trình xây dựng kiến trúc:***

- Chịu trách nhiệm toàn diện trong việc quản lý nhà xưởng, văn phòng, cơ sở hạ tầng, kho bãi, đường giao thông và hệ thống cấp thoát nước nội bộ trong Công ty và các đơn vị thành viên.
- Theo dõi tình trạng sử dụng các công trình xây dựng, cấp thoát nước. Lập phương án và thực hiện các hành động khắc phục phòng ngừa, chống hư hại xuống cấp các công trình trong phạm vi quản lý.

❖ **Tham gia các hoạt động sửa chữa lớn:**

- Phối hợp cùng các nhà máy lập kế hoạch, phân công trách nhiệm thực hiện các hạng mục sửa chữa lớn liên quan trong phạm vi quản lý.
- Xem xét phương án thực hiện, dự toán chi phí do các đơn vị lập, các hợp đồng sửa chữa lớn các công trình xây dựng cơ bản (XDCB) trong phạm vi phân cấp Công ty ký, kiểm tra nghiệm thu và quyết toán các hạng mục nói trên.
- Lập phương án, dự toán, tìm đối tác, xem xét, giám sát, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng các hạng mục sửa chữa lớn các công trình xây dựng cơ bản do Công ty thực hiện.

❖ **Tham gia các hoạt động đầu tư phát triển**

- Thực hiện các công việc chuyên môn liên quan trong quá trình triển khai dự án đầu tư.
- Tham gia viết báo cáo, dự án đầu tư các nội dung liên quan đến xây dựng.
- Tham gia thiết kế, lập dự toán, thẩm định thiết kế, dự toán, thực hiện hoặc theo dõi việc giám sát thi công các công trình xây dựng, nghiệm thu hoàn tất công trình.
- Tìm kiếm lựa chọn đối tác tư vấn, thiết kế, thi công. Lập hoặc thẩm định hồ sơ mời thầu, tham gia xét thầu, xem xét hợp đồng, thực hiện các hạng mục trong phạm vi chuyên môn quản lý.
- Kiểm tra quyết toán, giải trình quyết toán các phần việc trong phạm vi chuyên môn quản lý.

❖ **Các công tác khác**

- Bảo quản, lưu trữ các tài liệu liên quan đến công tác XDCB; cung cấp khi có yêu cầu của Tổng Giám đốc và các đơn vị liên quan.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Tổng Giám đốc.

g. Phòng Dự án

Chức năng: Phòng Dự án là đơn vị của văn phòng công ty, có chức năng tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong việc quản lý đầu tư đối với các dự án đầu tư đảm bảo đúng thủ tục, pháp lý và thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc giao nhằm thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ sản xuất – kinh doanh và phát triển của công ty

Nhiệm vụ:

❖ **Quản lý tài sản cố định:**

- Lập, cập nhật danh mục tài sản cố định
- Thực hiện các thủ tục liên quan đến việc bàn giao, tiếp nhận, thanh lý tài sản cố định.

❖ **Quản lý kế hoạch sửa chữa lớn:**

- Lập kế hoạch và đăng ký kế hoạch sửa chữa lớn hàng năm trên cơ sở kế hoạch của

các đơn vị đã thống nhất với các phòng ban chuyên môn.

- Lập báo cáo tổng hợp định kỳ hoặc đột xuất về tiến độ thực hiện kế hoạch sửa chữa lớn.
- Lập báo cáo tổng hợp quyết toán, chủ trì cùng các phòng chuyên môn giải trình quyết toán trước cơ quan kiểm toán, cấp trên nếu có yêu cầu.
- Xây dựng, hướng dẫn thực hiện và kiểm soát các thủ tục liên quan đến sửa chữa lớn.

❖ ***Quản lý dự án đầu tư:***

- Tập hợp đề xuất của các đơn vị và phòng chuyên môn để lập kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản và báo cáo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của cấp trên.
- Phối hợp với các đơn vị, phòng chuyên môn lập bảng phân công trách nhiệm, tiến độ thực hiện, đề xuất lãnh đạo hoặc người chủ nhiệm điều phối dự án tùy vào quy mô, tính phức tạp của dự án.

– Là đầu mối chịu trách nhiệm về mặt thủ tục và pháp lý theo các quy định trong việc quản lý đầu tư đối với các dự án đầu tư; từ việc lập kế hoạch đầu tư, lập báo cáo khả thi, thực hiện đầu tư cho đến quyết toán, bàn giao công trình; tập hợp, hoàn chỉnh, phát hành, lưu trữ các tài liệu hồ sơ chính thức của dự án trên cơ sở các hồ sơ tài liệu của mỗi chuyên môn do các phòng chuyên môn hoặc các đơn vị, các đối tác bên ngoài lập sau khi đã có kiểm tra, thẩm định của các phòng chuyên môn.

– Tổ chức hoặc chủ trì các cuộc họp, buổi làm việc có nội dung liên quan đến nhiều lĩnh vực của dự án (như: điều chỉnh thiết kế, dự toán, tiến độ...) khi có yêu cầu của các phòng chuyên môn hoặc khi có nhiều đối tác tham gia mà riêng các phòng chuyên môn không thực hiện được

– Thực hiện thủ tục trình ký hợp đồng trên cơ sở đàm phán, thương thảo của phòng chuyên môn chịu trách nhiệm chính và ý kiến xem xét / thẩm định của các phòng chuyên môn khác trong phạm vi trách nhiệm được phân công.

Thực hiện thủ tục trình ký thanh toán, thanh lý hợp đồng trên cơ sở hồ sơ nghiệm thu của phòng chuyên môn chịu trách nhiệm chính và ý kiến xem xét / thẩm định của các phòng chuyên môn khác trong phạm vi trách nhiệm được phân công.

– Cập nhật các thông tin, quy định mới của pháp luật hướng dẫn các phòng chuyên môn thực hiện đúng trong quá trình tham gia dự án; riêng các quy định, tiêu chuẩn chuyên ngành không thuộc trách nhiệm của phòng dự án.

❖ ***Quản lý về đất đai, tài sản:***

– Thực hiện các thủ tục liên quan đến hợp đồng thuê đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất / sở hữu công trình trên đất, giấy phép khai thác mỏ và nghĩa vụ tài chính về đất đai của Công ty theo quy định của pháp luật về đất đai, khai thác khoáng sản.

❖ ***Quản lý công tác mua tăng tài sản cố định/ sửa chữa thường xuyên:***

– Là đầu mối thực hiện thủ tục mua sắm thiết bị / phụ tùng, vật tư kỹ thuật với đối tác nước ngoài theo nhu cầu của các đơn vị trực thuộc, trên cơ sở kết quả đàm phán thương thảo của phòng chuyên môn có liên quan.

– Là đầu mối thực hiện thủ tục mua sắm thiết bị / phụ tùng, vật tư kỹ thuật với đối tác nước ngoài theo nhu cầu của các đơn vị trực thuộc đối với các Hợp đồng vượt mức đã phân cấp cho các đơn vị, trên cơ sở kết quả đàm phán thương thảo của phòng chuyên môn có liên quan.

❖ **Các công tác khác**

- Bảo quản, lưu trữ các tài liệu liên quan đến công tác đầu tư, dự án; cung cấp khi có yêu cầu của Tổng Giám đốc và các đơn vị liên quan.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Tổng Giám đốc.

h. Phòng Điện – Đo lường – Điều khiển

Chức năng: Phòng Điện – Đo lường – Điều khiển là đơn vị của văn phòng công ty, có chức năng tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành công việc thuộc các lĩnh vực điện đo lường - điều khiển và thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc giao nhằm thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ sản xuất – kinh doanh của công ty.

Nhiệm vụ:

❖ ***Quản lý hệ thống điện, hệ thống đo lường điều khiển:***

– Chịu trách nhiệm toàn diện trong việc quản lý thiết bị, hệ thống điện động lực, chiếu sáng, chống sét ở Văn phòng, hệ thống đo lường điều khiển các dây chuyền sản xuất của toàn Công ty.

– Theo dõi tình trạng hoạt động, lập phương án và thực hiện các hành động khắc phục phòng ngừa sự cố liên quan đến các hệ thống điện, đo lường và điều khiển.

– Xem xét và kiểm tra việc thực hiện các kế hoạch hiệu chỉnh, đăng kiểm các thiết bị đo lường.

– Kiểm tra việc thực hiện các biện pháp an toàn liên quan đến sử dụng điện.

❖ ***Tham gia các hoạt động sửa chữa lớn:***

– Phối hợp cùng các nhà máy lập kế hoạch, phân công trách nhiệm thực hiện các hạng mục sửa chữa lớn liên quan trong phạm vi quản lý.

– Xem xét phương án thực hiện, dự toán chi phí do các đơn vị lập, các hợp đồng sửa chữa lớn điện đo lường điều khiển trong Công ty, kiểm tra nghiệm thu, quyết toán các hạng mục nói trên.

– Lập phương án, dự toán, tìm đối tác, xem xét trình lãnh đạo ký kết hợp đồng, giám sát, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng các hạng mục sửa chữa lớn thuộc phạm vi quản lý.

❖ ***Tham gia các hoạt động đầu tư phát triển***

Thực hiện các công việc chuyên môn liên quan trong quá trình triển khai dự án đầu tư:

- Tham gia viết báo cáo, dự án đầu tư các nội dung liên quan đến điện đo lường điều khiển.

- Tham gia thiết kế, lập dự toán, thẩm định thiết kế, dự toán, thực hiện hoặc theo dõi việc giám sát thi công các hạng mục thuộc phạm vi quản lý, nghiệm thu hoàn tất công trình.

- Tìm kiếm lựa chọn đối tác tư vấn, thiết kế, thi công. Lập hoặc thẩm định hồ sơ mời thầu, tham gia xét thầu, xem xét hợp đồng trong phạm vi trách nhiệm chuyên môn.

- Kiểm tra quyết toán, giải trình quyết toán các phần việc trong phạm vi chuyên môn quản lý.

❖ **Công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật**

- Xem xét các sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong phạm vi điện đo lường điều khiển.

❖ **Công tác đào tạo**

- Tổ chức, hướng dẫn các đơn vị tổ chức hoặc tham gia các lớp tập huấn nâng cao tay nghề, kỹ năng làm việc cho cán bộ kỹ thuật, công nhân bảo trì sửa chữa thiết bị điện đo lường điều khiển.

- Tổ chức thi nâng bậc cho công nhân sản xuất, vận hành thiết bị, sửa chữa cơ khí theo phạm vi phân cấp của Công ty.

❖ **Các công tác khác**

- Bảo quản, lưu trữ các tài liệu liên quan đến công tác điện, đo lường - điều khiển; cung cấp khi có yêu cầu của Tổng Giám đốc và các đơn vị liên quan.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Tổng Giám đốc.

i. Chi nhánh Tân Bình

Chi nhánh Tân Bình thành lập theo Quyết định số 324/QĐ-MN của Công ty Hóa chất cơ bản miền Nam ngày 20/06/2012, với mục tiêu tiếp tục sản xuất và kinh doanh sản phẩm hydroxyt nhôm $\text{Al}(\text{OH})_3$ cũng như cung cấp các dịch vụ trước đây do tiền thân của Chi nhánh là Nhà máy Hóa chất Tân Bình đảm nhận. Sản lượng sản phẩm của Chi nhánh Tân Bình hiện chiếm khoảng 1% trên tổng sản lượng sản phẩm của Công ty.

❖ **Sản phẩm chủ yếu:**

- Chi nhánh Tân Bình kinh doanh các mặt hàng chủ yếu gồm: hydroxyt nhôm, oxit nhôm, axit sunphuric.

- Sản phẩm của Chi nhánh Tân Bình được ứng dụng rộng rãi trong nhiều ngành như: công nghệ điện tử, sản xuất bình ắc quy, sản xuất giấy, sản xuất phân bón, sản xuất phèn lọc nước, xử lý nước...

j. Nhà máy Hóa chất Biên Hòa

Là đơn vị sản xuất trực thuộc Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam. Nhà máy Biên Hòa có dây chuyền sản xuất xút-clo và các chế phẩm liên quan, phục vụ cho nhiều

ngành công nghiệp sản xuất. Sản phẩm của Nhà máy cung ứng chủ yếu cho thị trường phía Nam. Nhà máy cũng đang phối hợp với Phòng Kế hoạch – Kinh doanh tìm kiếm xây dựng thị trường xuất khẩu cho một số sản phẩm tiềm năng. Sản lượng sản phẩm của nhà máy Hóa chất Biên Hòa hiện nay chiếm khoảng 74% trên tổng sản lượng sản phẩm của Công ty.

❖ **Dây chuyền sản xuất:**

- Dây chuyền sản xuất Xút (NaOH) công suất 30.000 tấn/năm.
- Dây chuyền axit Clohydric (HCl) với công suất 126.000 tấn/năm.
- Dây chuyền silicat (Na_2SiO_3) với công suất 30.000 tấn/năm.
- Dây chuyền sản xuất muối ăn với công suất muối xay 15.000 tấn/năm và muối cô chân không 21.000 tấn/năm.
- Phân xưởng chưng cất axit sunfuric tinh khiết (H_2SO_4 98%) công suất 2.000 tấn/năm.

❖ **Các sản phẩm chủ yếu Nhà máy Hóa chất Biên Hòa sản xuất gồm có:** Xút, axit clohydric (HCl), axit sunfuric tinh khiết (H_2SO_4 98%), các hóa chất xử lý nước (clo lỏng Cl_2 , P.A.C, dung dịch sắt III clorua, Javen, natri silicat), muối NaCl ở các dạng tinh, cô, xay sấy...

Sản phẩm của Nhà máy có ứng dụng đa dạng, phục vụ cho nhiều ngành, lĩnh vực như:

- Xử lý nước, sản xuất chất tẩy rửa, bột giặt, giấy, dệt nhuộm
- Lọc dầu, sơn mạ điện, gốm sứ, làm nguyên liệu tổng hợp chất hữu cơ
- Sản xuất thực phẩm...

❖ **Các dịch vụ khác:**

Nhà máy bằng kinh nghiệm lâu năm của mình cũng cung cấp các dịch vụ khác liên quan trực tiếp đến ngành sản xuất các sản phẩm hóa chất xút-clo.

- Thiết kế gia công chế tạo thiết bị bao gồm: thiết bị bằng vật liệu composit; thiết bị phản ứng; bồn phản ứng, tháp hấp thu, bể phản ứng; bơm, quạt các loại; Ống DN 20 - DN 600; dán lót theo yêu cầu (bể xử lý, bồn chứa, thùng chứa bằng thép).

- Dịch vụ: huấn luyện an toàn trong sử dụng Clo lỏng; Hỗ trợ kiểm định cấp phép bình chứa Clo lỏng; xử lý sự cố Clo lỏng.

k. Nhà máy Hóa chất Đồng Nai

Nhà máy là đơn vị sản xuất trực thuộc Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam. Sản phẩm chủ yếu của Nhà máy là axit phosphoric và các sản phẩm gốc photphát. Sản lượng sản phẩm của nhà máy Hóa chất Đồng Nai hiện nay chiếm khoảng 2% trên tổng sản lượng sản phẩm của Công ty.

❖ **Dây chuyền sản xuất:**

Nhà máy hiện có dây chuyền sản xuất H_3PO_4 kỹ thuật với công suất 7.000 tấn/năm, dây chuyền H_3PO_4 thực phẩm 3.000 tấn/năm và dây chuyền sản xuất các sản phẩm gốc photphat tổng công suất 2.200 tấn/năm.

- ❖ **Sản phẩm hiện nay của Nhà máy Hóa chất Đồng Nai:** H_3PO_4 kỹ thuật, H_3PO_4 thực phẩm, $NH_4H_2PO_4$, $(NH_4)_2H_2PO_4$, $Na_3PO_4 \cdot 12H_2O$, $Na_2HPO_4 \cdot 12H_2O$, $NaH_2PO_4 \cdot 2H_2O$, $CaCl_2 \cdot 2H_2O$, NH_4OH , KCl .

Ứng dụng sản phẩm của Nhà máy chủ yếu trong các ngành: sản xuất thực phẩm, nước giải khát, bia, tinh luyện đường, sản xuất phân bón vì lượng chất lượng cao, chế biến thức ăn gia súc, sản xuất dược phẩm, mỹ phẩm...

1. *Mỏ Bô xít Bảo Lộc*

Trước năm 2014, khi Chi nhánh Tân Bình (tiền thân là Nhà máy Hóa chất Tân Bình) còn hoạt động sản xuất hydroxyt nhôm, Xí nghiệp khai thác bô-xít Bảo Lộc làm nhiệm vụ khai thác và tuyển quặng bô-xít, phục vụ hoàn toàn cho nhu cầu nguyên liệu của Chi nhánh Tân Bình. Khi Chi nhánh Tân Bình dừng sản xuất hydroxyt nhôm, Xí nghiệp khai thác bô-xít Bảo Lộc không còn đầu ra cho sản phẩm nên Công ty đã dừng hoạt động để tiến hành chuyển đổi cơ cấu.

m. *Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2*

Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2 trực thuộc Công ty Hóa chất cơ bản miền Nam, là đơn vị sản xuất H_2SO_4 và phèn nhôm lớn ở khu vực phía Nam. Sản lượng sản phẩm của nhà máy Hóa chất Tân Bình 2 hiện chiếm khoảng 23% trên tổng sản lượng sản phẩm của Công ty.

❖ **Dây chuyền sản xuất:**

Hiện nay, Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2 hoạt động với 02 dây chuyền sản xuất: dây chuyền sản xuất axit sunfuric 60.000 tấn/năm và dây chuyền sản xuất muối nhôm sunfat (phèn nhôm) công suất 15.000 tấn/năm.

- ❖ **Các sản phẩm chủ yếu của Nhà máy:** bao gồm axit sulfuric, phèn nhôm và bisunfit là những hóa chất vô cơ đóng vai trò quan trọng phục vụ cho các ngành nghiệp khác trong cả nước. Ứng dụng chủ yếu của sản phẩm Nhà máy là trong các ngành sản xuất thực phẩm, sơn, luyện kim, chất tẩy rửa, phẩm nhuộm, xử lý nước...

4. **Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ Công ty, danh sách cổ đông sáng lập, danh sách cổ đông hạn chế chuyển nhượng và cơ cấu cổ đông**

4.1 *Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ*

Tính đến thời điểm 01/12/2014, danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty như sau:

Stt	Tên cổ đông	Số giấy CNDKDN	Địa chỉ	Cổ phần nắm giữ	
				Số cổ phần	Tỷ lệ/VĐL (%)
1	Vietnam Investment Property Holdings	552557	Phòng 1703, Tòa nhà Sun Wah, 115	3.316.774	7,50%

Stt	Tên cổ đông	Số giấy CNĐKDN	Địa chỉ	Cổ phần nắm giữ	
				Số cổ phần	Tỷ lệ/VĐL (%)
	Limited		Nguyễn Huệ, Quận 1, TP.HCM		
2	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	0100100061	1A Tràng Tiền - Hoàn Kiếm - Hà Nội	28.731.000	65,00%
	Tổng			32.047.774	72,50%

Nguồn: Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam

4.2 Danh sách cổ đông sáng lập

Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam không có cổ đông sáng lập.

4.3 Cơ cấu cổ đông

Tính đến thời điểm 01/12/2014, cơ cấu vốn điều lệ của Công ty như sau:

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tổng mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông nhà nước	01	28.731.000	287.310.000.000	65,00
2	Cổ đông trong nước	702	8.152.226	81.522.260.000	18,45
2.1	Cổ đông tổ chức	02	1.540.000	15.400.000.000	3,49
2.2	Cổ đông cá nhân	700	6.612.226	66.122.260.000	14,96
3	Cổ đông ngoài nước	03	7.316.774	73.167.740.000	16,55
	Tổng cộng	706	44.200.000	442.000.000.000	100

Nguồn: Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết

❖ Công ty mẹ

Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

- Địa chỉ: Số 1A Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: (04) 3824 0551 Fax: (04) 3825 2995
- Vốn điều lệ: 8.000.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn: 65% vốn điều lệ

❖ Công ty con

Công ty Cổ phần Phốt pho Việt Nam

- Địa chỉ: KCN Công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

- Điện thoại: (84.020) 3863488 - 3863161 Fax: (84.020) 3863037
- Vốn điều lệ: 60.487.200.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 65,05% vốn điều lệ

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Sản phẩm và dịch vụ chính

Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam là đơn vị chuyên sản xuất và kinh doanh hóa chất vô cơ cơ bản với hơn 40 chủng loại sản phẩm. Xét về mặt giá trị sử dụng có thể chia ra thành 3 nhóm như sau:

- Nhóm hóa chất vô cơ cơ bản: Natri silicat các loại, Xút (NaOH) 20%-32%-45%-50%; Clor lỏng (Cl_2); Phốtpho vàng (P_4); Nhôm hydroxyt ($\text{Al}(\text{OH})_3$); Axít Phốtphoric (H_3PO_4); Axít Sunfuric (H_2SO_4) 50%-98%; Axít Clohydric (HCl) 20%-32%-35%.
- Nhóm hóa chất xử lý nước: Poly Aluminium Chloride-PAC 10%-17%; Phèn-Nhôm sunfat 7%-15%-17%; Javel-Natri Hypoclorit (NaOCl); dung dịch Sắt III Clorua (FeCl_3) 38%-45%...
- Nhóm các loại muối và hóa chất khác: Natri Phốtphát (Na_3PO_4); Natri Dihydrôphốtphát (NaH_2PO_4); Diammonium Phốtphát – DAP ($(\text{NH}_4)_2\text{HPO}_4$); Monoammonium Phốtphát – MAP ($(\text{NH}_4)\text{H}_2\text{PO}_4$); Canxi Clorua (CaCl_2); Magie Sunphat (MgSO_4); Natri Silicate các loại...

6.2 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

 Cơ cấu doanh thu

Cơ cấu doanh thu của Công ty

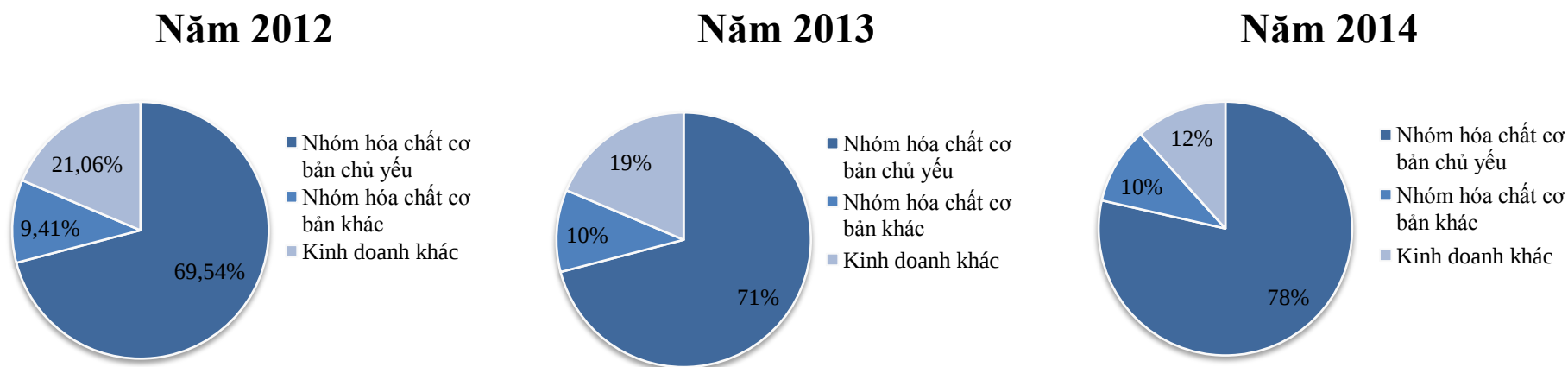
STT	Mặt hàng	Năm 2012			Năm 2013			Năm 2014		
		Sản lượng (tấn)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Sản lượng (tấn)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Sản lượng (tấn)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
A.Nhóm hóa chất cơ bản chủ yếu			793.005	69,54%		770.300	70,91%		840.808	78,56%
1	Xút (NaOH) quy về 32%	60.098	204.242	17,91%	62.637	225.730	20,78	70.267	249.800	23,34%
2	Axít clohydric (HCl) quy 32%	47.562	100.994	8,86%	47.386	98.318	9,05%	53.820	122.796	11,47%
3	Clo lỏng (Cl ₂)	4.032	51.477	4,51%	3.958	50.631	4,66%	4.417	55.877	5,22%
4	Silicate các loại	23.562	72.683	6,37%	21.263	67.505	6,22%	32.096	97.239	9,09%
5	Javel các loại	12.814	29.990	2,63%	12.934	34.696	3,19%	18.261	51.795	4,84%
6	P.A.C các loại	15.816	44.707	3,92%	11.948	34.405	3,17%	14.197	40.597	3,79%
7	Axít Sunfuric (H ₂ SO ₄) 98%	42.797	139.778	12,26%	48.212	144.374	13,29%	50.668	140.268	13,11%
8	Phèn đơn các loại	9.918	47.879	4,20%	7.103	34.798	3,20%	6.985	34.320	3,21%
9	Hydroxyt Nhôm (Al(OH) ₃)	8.382	55.445	4,86%	7.527	45.174	4,16%	2.763	15.111	1,41%
10	Axít Photphoric (H ₃ PO ₄)	1.844	45.810	4,02%	1.420	34.669	3,19%	1.363	33.005	3,08%
B. Nhóm Hóa chất Cơ bản khác			107.267	9,41%		113.321	10,43%		104.512	9,77%
12	Sắt III Clorua (FeCl ₃)	2.492	6.849	0,60%	5.591	14.377	1,32%	8.999	22.218	2,08%
13	Sản phẩm gốc phốt phát	1.193	29.924	2,62%	768	19.028	1,75%	602	14.892	1,39%

STT	Mặt hàng	Năm 2012			Năm 2013			Năm 2014		
		Sản lượng (tấn)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Sản lượng (tấn)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Sản lượng (tấn)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
14	NH ₄ OH	579	4.595	0,40%	895	7.195	0,66%	726	5.919	0,55%
15	Muối NaCl các loại	14.296	42.262	3,71%	8.898	27.007	2,49%	4.929	15.988	1,49%
16	Sản phẩm HCCB Khác	-	23.637	2,07%		45.714	4,21%		45.495	4,26%
C. Kinh doanh khác			240.165	21,06%		202.466	18,64%		124.923	11,67%
17	H ₂ SO ₄ KD	66.416	174.780	15,33%	47.771	110.032	10,13%	35.924	46.509	4,35%
18	Phốt pho vàng (P ₄) KD	346	25.154	2,21%	115	8.906	0,82%	58	4.203	0,39%
19	Sản phẩm & dịch vụ KD khác	-	40.232	3,53%		83.528	7,69%		74.211	6,93%
Tổng cộng			1.140.437	100%		1.086.087	100%		1.070.243	100%

Nguồn: Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam

Doanh thu của Công ty chủ yếu từ nhóm hóa chất cơ bản chủ yếu như Xút (NaOH) quy về 32%, Axit Clohydric (HCl) 32%, Clo lỏng (Cl₂), Silicate, Javel, P.A.C, Axit Sunfuric (H₂SO₄) 98%, Phèn đơn, Hydroxit Nhôm (Al(OH)₃), Axit Photphoric (H₃PO₄), Phốt pho vàng (P₄). Đây là nhóm sản phẩm đóng góp doanh thu cao nhất cho Công ty các năm 2012, 2013 và năm 2014 với tỷ trọng lần lượt là 69,54%; 70,91% và 78,56%. Đồng thời, năm 2012, 2013 cũng là năm thuận lợi cho hoạt động kinh doanh thương mại các loại hóa chất H₂SO₄, P₄ Tuy nhiên, tỷ trọng doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác lại giảm từ 21,06% năm 2012, 18,64% năm 2013 xuống còn 11,67% trong năm 2014 là do chiến lược của Công ty tập trung nguồn lực phát triển hoạt động sản xuất các sản phẩm hóa chất cơ bản.

Hình 01: Cơ cấu tỷ trọng doanh thu thuần qua các năm



Nguồn: Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam

✚ Cơ cấu lợi nhuận

STT	Mặt hàng	Năm 2012			Năm 2013			Năm 2014		
		Sản lượng (tấn)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Sản lượng (tấn)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Sản lượng (tấn)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
A.Nhóm hóa chất cơ bản chủ yếu			39.919	52,85%		93.191	55,62%		108.309	75,54%
1	Xút (NaOH) quy về 32%	60.098	39.044	51,69%	62.637	31.986	19.09%	70.267	39.333	27,43%
2	Axít clohydric (HCl) quy về 32%	47.562	(3.892)	-5,15%	47.386	14.366	8,57%	53.820	22.449	15,66%
3	Clo lỏng (Cl ₂)	4.032	4.203	5,56%	3.958	9.302	5,55%	4.417	11.590	8,08%

STT	Mặt hàng	Năm 2012			Năm 2013			Năm 2014		
		Sản lượng (tấn)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Sản lượng (tấn)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Sản lượng (tấn)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
4	Silicate các loại	23.562	15.249	20,19%	21.263	13.404	8,00%	32.096	17.185	11,99%
5	Javel các loại	12.814	5.217	6,91%	12.934	9.282	5,54%	18.261	13.932	9,72%
6	P.A.C các loại	15.816	(895)	-1,19%	11.948	1.634	0,97%	14.197	3.242	2,26%
7	Axít Sunfuric (H_2SO_4) 98%	42.797	(12.197)	-16,15%	48.212	18.484	11,03%	50.668	-914	-0,64%
8	Phèn đơn các loại	9.918	(4.036)	-5,34%	7.103	4.466	2,67%	6.985	4.412	3,08%
9	Hydroxyt Nhôm ($Al(OH)_3$)	8.382	(4.282)	-5,67%	7.527	(7.588)	-4,53%	2.763	-2.339	-1,63%
10	Axít Photphoric (H_3PO_4)	1.844	1.508	2,00%	1.420	105	0,06%	1.363	-581	-0,41%
B. Nhóm Hóa chất Cơ bản khác			(8.261)	-10,94%		4.772	2,85%		15.168	10,58%
12	Sắt III Clorua ($FeCl_3$)	2.492	417	0,55%	5.591	2.894	1,73%	8.999	8.248	5,75%
13	Sản phẩm gốc photphát	1.193	(4.140)	-5,48%	768	(2.023)	-1,21%	602	-1.711	-1,19%
14	NH_4OH	579	772	1,02%	895	771	0,46%	726	546	0,38%
15	Muối NaCl các loại	14.296	(5.553)	-7,35%	8.898	(3.892)	-2,32%	4.929	-1.242	-0,87%
16	Sản phẩm HCCB Khác		243	0,32%		7.022	4,19%		9.327	6,51%
C. Kinh doanh khác			43.876	58,11%		69.600	41,54%		19.905	13,88%
17	H_2SO_4 KD	66.416	19.219	25,47%	47.771	16.905	10,09%	35.924	1.154	0,80%
18	Photpho vàng (P_4) KD	346	1.955	2,59%	115	269	0,16%	58	123	0,09%

STT	Mặt hàng	Năm 2012			Năm 2013			Năm 2014		
		Sản lượng (tấn)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Sản lượng (tấn)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Sản lượng (tấn)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
19	Sản phẩm & dịch vụ KD khác. Trong đó: cổ tức được chia từ Công ty con		22.702	30,05%		52.426	31,29%		18.628	12,99%
			22.907	30,33%		49.293	29,42%		0	0%
Tổng cộng			75.534	100%		167.563	100%		143.382	100%

Nguồn: Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam

Cùng với việc đóng góp chính cho nguồn thu của Công ty trong các năm qua, nhóm sản phẩm hóa chất cơ bản chủ yếu và kinh doanh sản phẩm khác là hai lĩnh vực mang lại lợi nhuận cho Công ty. Trong năm 2013 do kiểm soát được chi phí đồng thời có những yếu tố thuận lợi về mặt phân phối sản phẩm ra thị trường nên lợi nhuận gộp của Công ty tăng mạnh so với năm 2012. Bước sang năm 2014, Công ty đối mặt với một số khó khăn nhưng vẫn duy trì được kết quả kinh doanh khá ổn định, lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh đạt 143 tỷ đồng, giảm khoảng 14% so với năm 2013 và tăng xấp xỉ 88% so với lợi nhuận năm 2012.

6.3 Nguyên vật liệu

Nguồn nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu, năng lượng đóng vai trò quan trọng trong việc sản xuất kinh doanh của Công ty. Nguyên vật liệu, năng lượng chính dùng cho sản xuất của Công ty bao gồm: Muối công nghiệp (NaCl), Cát trắng, Lưu huỳnh (S), Phốt pho vàng (P₄), Quặng bô xít, BaCl₂.2H₂O, điện.... Trong đó Cát trắng, Phốt pho vàng, Quặng Bô xít là những nguyên liệu trong nước sẵn có không phải nhập khẩu, 12% muối công nghiệp được mua từ các doanh nghiệp trong nước, 88% còn lại nhập khẩu từ nước ngoài. Riêng với lưu huỳnh và BaCl₂.2H₂O Công ty nhập khẩu toàn bộ. Vì vậy, giá của nguyên liệu này chịu tác động của tỷ giá cũng như biến động giá trên thị trường thế giới. Lưu huỳnh là nguyên liệu quan trọng trong quá trình sản xuất axit sunfuric (H₂SO₄), giá nguyên liệu này thay đổi sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới giá thành axit sunfuric. Do đó, Công ty luôn đảm bảo thực hiện tốt các khâu lập kế hoạch mua sắm nguyên liệu, đảm bảo đủ nguyên liệu cho dự trữ và sản xuất, kiểm soát giá thành của sản phẩm.

STT	Tên nguyên liệu chính	Nhà cung cấp	Nước sản xuất	Số lượng tấn/năm	Tỷ trọng
1	Muối công nghiệp nhập khẩu	- Jakhau Salt Co., Pvt Ltd	Ấn Độ	75.000 40.000	53%
		- Friend Salt and Allies Co.,Ltd	Ấn Độ	15.000	20%
		- Dampier Salt Co., Ltd	Úc	20.000	27%
2	Muối trong nước	- DN Văn Kiệt và DN Phú Tân (Bạc Liêu)	Việt Nam	10.000 6.000	60%
		- Công ty Muối Khánh Tường (Ninh Thuận)	Việt Nam	4.000	40%
3	Cát trắng	- Công ty Ý Thiên Hân (Đồng Nai)	Việt Nam	8.000	100%
4	Lưu huỳnh	- Standard Chemical Corporation	Singapore	20.000 4.000	20%
		- Swiss Singapore Oversea Enterprise Pte Ltd	Nga/ Singapore	6.000	30%
		- Cát Vũ Co., Ltd	Singapore	4.000	20%
		-Young Inh Corporation	Nga	1.000	5%
		- Kim Tar Co., Ltd	Thổ Nhĩ Kỳ	1.000	5%
		-Suneast Corporation	Singapore	4.000	20%
5	BaCl ₂ .2H ₂ O	- Hong Chang Tai Industry Ltd	Trung Quốc	600	100%
6	Phốt pho			2.000	

STT	Tên nguyên liệu chính	Nhà cung cấp	Nước sản xuất	Số lượng tấn/năm	Tỷ trọng
	vàng	- Công ty cổ phần Phốt pho Việt Nam - Công ty Victory	Việt Nam Việt Nam	1.500 500	75% 25%
7	Quặng bô-xít	- Xí nghiệp khai thác Bô-xít Bảo Lộc thuộc Công ty CP HCCB miền Nam	Việt Nam	30.000	100%
8	Điện (Kwh/năm)	Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	Việt Nam	180.000.000	100%

Nguồn: Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam

Sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu

Đối với các nguyên liệu được khai thác và chế biến trong nước, Công ty ký hợp đồng mua nguyên liệu từ các nhà cung cấp trong nước có uy tín vì những nguyên liệu này sẵn có. Các nhà cung cấp luôn đảm bảo cung cấp đủ số lượng và đúng chất lượng theo yêu cầu của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty có lợi thế là có công ty con và xí nghiệp trực thuộc sản xuất phốt pho và khai thác bô xít nên cũng thuận lợi cho Công ty trong việc sử dụng nguồn nguyên liệu này.

Đối với những nguyên liệu mà trong nước không đáp ứng được theo yêu cầu của công nghệ cũng như không sản xuất được như Muối công nghiệp sử dụng để sản xuất các sản phẩm Xút-clo; Lưu huỳnh sử dụng để sản xuất Axít Sunfuric (H_2SO_4), HCCB phải nhập khẩu từ nước ngoài qua những nhà cung cấp có uy tín. Nguồn hàng chủ yếu được nhập từ Ấn Độ, Úc, Trung Đông, Nga, Singapore...

Chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng đáng kể trong giá thành sản phẩm Công ty sản xuất. Cụ thể, muối công nghiệp dùng để sản xuất các sản phẩm xút-clo; lưu huỳnh dùng để sản xuất Axít Sunfuric chiếm đến 30% giá thành sản phẩm; riêng phốt pho chiếm đến 70% giá thành sản phẩm axit photphoric. Đặc thù sản xuất của Công ty là sản phẩm của nhà máy này lại là nguyên liệu đầu vào của nhà máy khác trong cùng Công ty, vì vậy khi có sự biến động về giá cả và tính ổn định của nguồn cung trên thế giới cũng như trong nước đối với các loại nguyên vật liệu chính mà HCCB sử dụng đều ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh đó do đặc thù sản xuất các sản phẩm Xút-Clo, tỷ trọng chi phí điện năng dùng trong khâu điện phân rất lớn, chiếm tới 40% giá thành sản phẩm do đó khi Nhà nước có sự điều chỉnh tăng giá điện cũng sẽ ảnh hưởng rất lớn đối với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Do vậy nhằm đảm bảo cho hoạt động bình thường của Công ty khi có sự đột biến trong ngắn hạn về nguồn nguyên liệu, đặc biệt là đối với những nguyên liệu nhập khẩu,

HCCB luôn phải có kế hoạch dự trữ nguồn nguyên liệu ít nhất là 3 tháng và lưu trữ tại kho của các nhà máy trực thuộc.

Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Do tỷ trọng giá vốn hàng bán của Công ty trong những năm qua là khá lớn, chính vì vậy việc biến động giá cả nguyên vật liệu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Cụ thể đối với một số sản phẩm chính như sau:

- Sản phẩm Xút (NaOH), các sản phẩm được sản xuất từ Xút, các sản phẩm có gốc Clo (Cl_2) tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa: Giá nguyên liệu muối công nghiệp chiếm xấp xỉ 30% giá thành khâu điện phân nước muối; giá điện chiếm xấp xỉ 40% giá thành khâu điện phân nước muối (tổng giá nguyên liệu và năng lượng này chiếm xấp xỉ 70% giá thành). Nếu giá muối công nghiệp tăng, giá điện tăng sẽ ảnh hưởng mạnh đến giá thành của các sản phẩm Xút-Clo.
- Giá lưu huỳnh tăng sẽ ảnh hưởng đến giá thành của sản phẩm axit sunphuric tại Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2 vì những nguyên liệu này chiếm 30% giá thành sản xuất.
- Riêng chi phí nguyên liệu photpho (P_4) chiếm đến 70% giá thành sản phẩm axit photphoric tại Nhà máy Hóa chất Đồng Nai. Do vậy Công ty phải tính toán dự trữ nguyên liệu để sử dụng cho sản xuất ổn định ít nhất là 3 tháng.
- Thuế môi trường, thuế cầu đường và phí môi trường chiếm 25% giá thành sản phẩm quặng bô-xít tinh tại mỏ bô-xít ở Bảo Lộc – chưa kể chi phí vận chuyển quặng bô-xít tinh về Tp. HCM để sản xuất Hydroxyt Nhôm.

6.4 Chi phí sản xuất

Cơ cấu chi phí

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT
Giá vốn hàng bán	925.590	83,35	824.624	79,83	791.296	74,20
Chi phí tài chính	45.537	4,10	25.776	2,50	13.492	1,27
Chi phí bán hàng	37.246	3,35	35.468	3,43	44.912	4,21
Chi phí quản lý doanh nghiệp	46.145	4,16	32.467	3,14	77.075	7,23
Chi phí khác	10.385	0,94	188	0,02	86	0,01
Tổng cộng	1.064.903	95,90	918.523	88,92	926.861	86,91

Nguồn: BCTC riêng của Công ty mẹ năm 2012, 2013 đã kiểm toán, BCTC năm 2014

Có thể nhận thấy yếu tố tích cực về biến động chi phí qua từng thời kỳ khi so sánh tương quan giữa tổng chi phí và doanh thu thuần. Tỷ lệ tổng chi phí trên doanh thu

thuần giảm dần qua từng thời kỳ, cụ thể từ mức 95,90% năm 2012 xuống 88,92% năm 2013 và giảm còn 86,91% trong năm 2014, cho thấy hiệu quả hoạt động của Công ty đang dần được nâng cao.

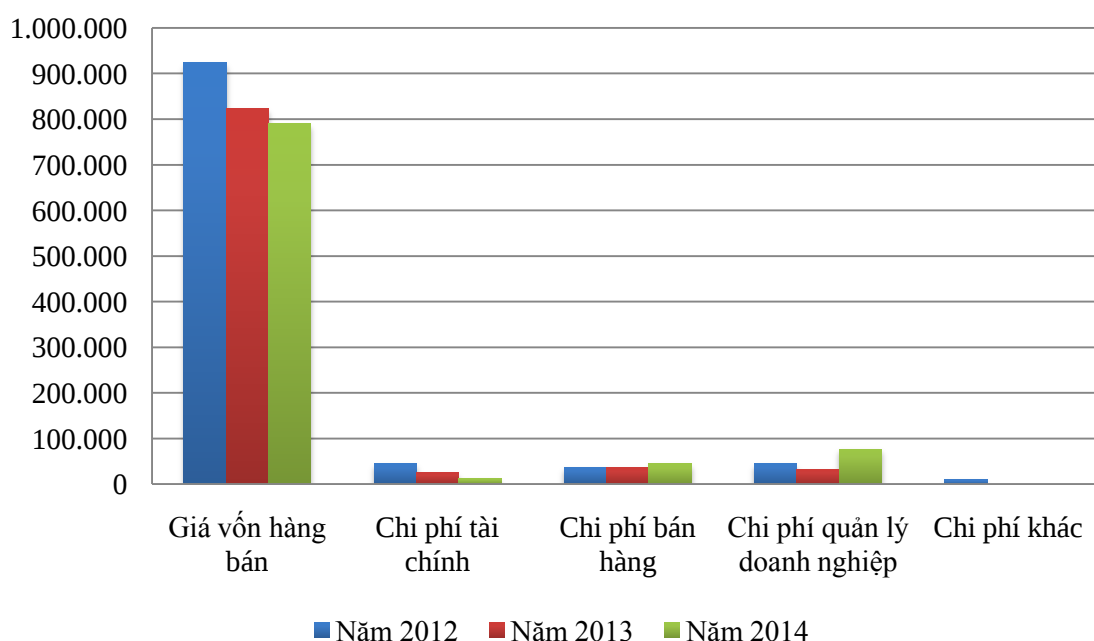
Trong cơ cấu chi phí hoạt động của Công ty, giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn. Giá vốn hàng bán chiếm lần lượt 86,92%, 89,78% và 85,37% trên tổng chi phí năm 2012, năm 2013 và năm 2014. Tỷ trọng giá vốn hàng bán trong cơ cấu tổng chi phí của Công ty năm 2014 có xu hướng giảm dần do sự giảm giá nguồn nguyên liệu và sự tăng trưởng của các yếu tố chi phí khác.

Đặc biệt, chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2014 tăng khá cao so với năm 2012, 2013 là do các nguyên nhân chính sau:

- Do Chi nhánh Công ty và Mỏ Boxit Bảo Lộc ngưng sản xuất nên chi phí quản lý phát sinh tại hai đơn vị này không hạch toán vào chi phí quản lý phân xưởng mà được đưa vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.
- Khấu hao tài sản cố định của 02 đơn vị này cũng được đưa vào chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Giá trị lợi thế doanh nghiệp sau khi đánh giá lại giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa là 42.089 triệu đồng, được phân bổ 10 năm, đến năm 2014 đã bắt đầu phân bổ chi phí này vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Các yếu tố chi phí giai đoạn năm 2012, 2013 và 2014

Đơn vị tính: triệu đồng



Nguồn: BCTC riêng năm 2012, 2013 đã kiểm toán và BCTC năm 2014

Chi phí sản xuất năm 2013 của một số các doanh nghiệp hoạt động trong ngành hóa chất

Theo BCTC đã kiểm toán năm 2013 của một số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực hóa chất đã niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, một số chỉ tiêu của về chi phí hoạt động của các doanh nghiệp này như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Khoản mục	Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì (HVT)		Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao (LAS)	
		Giá trị	%/TDT	Giá trị	%/TDT
1	Tổng doanh thu	322.853	99,38%	4.797.641	100,00%
1.1	Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	320.864	0,01%	4.768.477	99,39%
1.2	Doanh thu hoạt động tài chính	20	0,61%	11.445	0,24%
1.3	Doanh thu khác	1.969	91,78%	17.719	0,37%
2	Tổng chi phí	296.326	75,17%	4.202.546	87,60%
2.1	Giá vốn hàng bán	242.678	6,26%	3.668.449	76,46%
2.2	Chi phí bán hàng	20.225	7,64%	311.336	6,49%
2.3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	24.668	2,50%	154.947	3,23%
2.4	Chi phí tài chính	8.061	0,21%	64.820	1,35%
2.5	Chi phí khác	694	99,38%	2.994	0,06%
3	Lợi nhuận sau thuế	19.864	6,15%	446.820	9,31%
4	VCSH bình quân	109.314	33,86%	1.302.977	27,16%
5	ROE	18,17%	-	34,29%	-

Nguồn: BCTC năm 2013 đã kiểm toán của HVT và LAS

Trong các doanh nghiệp trên đây, Công ty có mức tổng chi phí/tổng doanh thu ở mức thấp hơn so với LAS và cao hơn HVT. Điều này cho thấy cơ cấu chi phí của Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam ở mức trung bình trong ngành.

6.5 Trình độ công nghệ

Nhằm đầu tư nâng cao hiệu quả sản xuất, đi đôi với việc mở rộng sản xuất, tăng sản lượng các sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường và đầu tư sản xuất sản phẩm mới, Công ty luôn chú trọng và mạnh dạn đổi mới công nghệ, áp dụng công nghệ tiên tiến, sử dụng thiết bị hiện đại nhằm mục tiêu tạo ra sản phẩm có chất lượng cao, ổn định, mức độ tiêu hao nguyên nhiên liệu thấp hơn, giảm thiểu chất thải ra môi trường, an toàn cho người sản xuất và người sử dụng sản phẩm.

Trình độ công nghệ của một số dây chuyền sản xuất của Công ty như sau:

TT	Tên dây chuyền	Xuất xứ	Trình độ công nghệ	Công suất
1	Dây chuyền sản xuất xút và khí Clo	G7	Tiên tiến	30.000 tấn/năm (quy về xút 100%)
2	Dây chuyền sản xuất axit HCl	G7	Tiên tiến	120.000 tấn/năm (axit HCl 32%)
3	Dây chuyền sản xuất Clo lỏng	G7	Tiên tiến	8.400 tấn/năm
4	Dây chuyền sản xuất Keo Natri Silicate	Việt Nam – G7	Khá	30.000 tấn/năm
5	Dây chuyền sản xuất P.A.C	Trung Quốc	Khá	20.000 tấn/năm (quy về loại 10% Al ₂ O ₃)
6	Dây chuyền sản xuất Hydroxyt nhôm	Việt Nam, Úc, Nhật Bản	Trung bình	20.000 tấn/năm
7	Dây chuyền sản xuất axit sunfuric	USA, G7	Tiên tiến	60.000 tấn/năm
8	Dây chuyền sản xuất axit sunfuric tinh khiết	Trung Quốc	Tiên tiến	2.000 tấn/năm
9	Dây chuyền sản xuất axit photphoric	Trung Quốc	Khá	7.000 tấn/năm
10	Dây chuyền sản xuất axit photphoric thực phẩm	Việt Nam	Khá	3.000 tấn/năm

Nguồn: Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam

6.6 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới luôn được Công ty chú trọng. Tuy nhiên, do đặc thù ngành sản xuất kinh doanh các sản phẩm hóa chất cơ bản mang tính nguy hiểm, độc hại, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao nên các địa phương hầu như hoàn toàn không chấp nhận cấp phép đầu tư mở rộng và đầu tư mới. Đa số sản phẩm ở dạng lỏng nên vấn đề kho chứa, vận chuyển, bảo quản rất nghiêm ngặt và chi phí cao. Vì vậy, vấn đề phát triển sản phẩm mới cũng nằm ở mức hạn chế, chủ yếu Công ty tập trung vào việc nâng cấp chất lượng sản phẩm, nghiên cứu nâng cao hiệu quả sản xuất bằng nhiều hình thức như tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, cơ khí hóa một số công đoạn để tiết kiệm chi phí nhân công, tăng cường ứng dụng tự động hóa vào các dây chuyền sản xuất, tăng cường thiết bị giám sát thông số hoạt động dây chuyền. Công tác cải tiến mẫu mã, chất lượng dịch vụ luôn được Công ty chú trọng. Vừa qua, Công ty đã triển khai phát triển được một số sản phẩm mới như axit sunfuric tinh khiết, muối ăn chế biến các loại và hóa chất xử lý nước thải PAFC (Poly aluminium ferrie chloride).

6.7 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Công ty có phòng hóa nghiệm đạt tiêu chuẩn VLAS đạt tiêu chuẩn quốc gia. Công ty thực hiện việc quản lý chất lượng theo quy trình của hệ thống quản lý tích hợp PAS 99:2006 gồm các hệ thống ISO 9001:2008, ISO 10441:2004, OHSAS 18001:2007 (đánh giá chứng nhận năm 2010, hiệu lực đến tháng 09/2013) và hệ thống quản lý chất lượng phòng thí nghiệm theo ISO/IEC 17025:2005 (đánh giá tái chứng nhận tháng 02/2013). Cụ thể việc quản lý chất lượng sản phẩm tại Công ty như sau:

- Sản phẩm sau khi đạt chất lượng đều có kho chứa riêng biệt tách rời với bán sản phẩm để phục vụ cho việc quản lý chất lượng trong khi giao hàng.
- Tất cả các thiết bị, dụng cụ đo lường làm phương tiện bán hàng đều được kiểm định bởi các cơ quan chức năng theo quy định của Nhà nước.
- Các thiết bị phục vụ trong quá trình sản xuất được định kỳ hiệu chuẩn nội bộ.
- 100% sản phẩm của Công ty được công bố tiêu chuẩn chất lượng, hàng hóa và đăng ký với cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định hiện hành.
- Trong quá trình kiểm tra và thử nghiệm phục vụ cho sản xuất đều có hồ sơ lưu trữ, mẫu bán hàng được lưu theo quy định của từng sản phẩm.

Hàng năm Công ty soát xét tất cả các quá trình kiểm tra và thử nghiệm, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho người làm việc, khuyến khích sáng kiến cải tiến, tiết kiệm, hợp lý hóa trong công việc.

6.8 Hoạt động Marketing

Hiện tại Phòng Kế hoạch Kinh doanh Công ty cùng với Phòng Kinh doanh tại các đơn vị thành viên đảm nhận công việc marketing. Với đặc thù khách hàng chủ yếu là các ngành công nghiệp như: thực phẩm, dược phẩm, xử lý nước sinh hoạt, xử lý nước thải, giấy, dệt nhuộm, chất tẩy rửa, sành sứ, điện tử, xi mạ, xây dựng, nhiệt điện, dầu khí . . . nên hoạt động marketing gắn bó trực tiếp với các ngành công nghiệp.

Công ty đã xây dựng được mối quan hệ gắn bó và bền vững với các khách hàng, chủ trương xây dựng hình ảnh thân thiện của thương hiệu “HCCB” gắn liền với các sản phẩm chất lượng và bảo vệ môi trường.

Bên cạnh sự ổn định về chất lượng và giá thành sản phẩm hợp lý, Công ty thường xuyên cử cán bộ, nhân viên trong Công ty tham gia các khóa đào tạo về tìm hiểu, phân tích và thực hiện chiến lược phát triển thương hiệu, nâng cao tinh thần và thái độ phục vụ tận tình với khách hàng.

Chính sách giá bán ổn định luôn được Công ty chú trọng, đồng thời thực hiện việc hỗ trợ chi phí quảng cáo và hoa hồng đối với các khách hàng lớn. Trong trường hợp có biến động lớn về chi phí nguyên liệu đầu vào làm tăng giá thành sản xuất, HCCB cũng sẽ có sự điều chỉnh giá bán theo từng bước, tránh việc điều chỉnh giá bán đột biến gây sự xáo trộn trong sản xuất đối với các khách hàng.

Công ty thường xuyên thu thập và cập nhật thông tin về kinh tế, khoa học kỹ thuật, thông tin về thị trường, về nhu cầu của khách hàng và các đối thủ cạnh tranh để tổng hợp, phân tích cơ hội và rủi ro, nhận dạng khách hàng tiềm năng cũng như có các giải pháp phòng ngừa.

Bên cạnh đó, Công ty cũng liên tục cập nhật các thông tin trên website của Công ty và thực hiện việc tiếp thị hình ảnh, sản phẩm của Công ty qua các tạp chí và tờ báo có uy tín nhằm tăng cường quảng bá thương hiệu.

6.9 Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Hiện tại, Công ty đã thực hiện đăng ký nhãn hiệu thương mại và đang sử dụng logo sau để làm thương hiệu cho hàng hóa, sản phẩm của Công ty.

Logo hiện nay Công ty đang sử dụng:



6.10 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Một số hợp đồng lớn mà Công ty đã ký Hợp đồng với các đối tác lớn, đã và đang thực hiện trong năm 2014 có giá trị hợp đồng như sau:

STT	Khách hàng	Số lượng (tấn)	Giá trị (đồng)	Hiệu lực hợp đồng	Tiến độ thực hiện hợp đồng
I	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ULHWA VIETNAM	4.756	26.917.717.964	01/01 - 31/12/2014	Đã hoàn thành
1	NATRI HYDROXIT (NaOH 50%)	4.756	26.917.717.964		
II	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TRANG BÌNH	4.620	12.507.155.340	01/01 - 31/12/2014	56%
1	POLY ALUMINIUM CHLORIDE (PAC - F)	1.080	2.592.000.000		
2	NATRI HYPOCLORIT (JAVEL 100 g/l)	960	2.427.913.920		
3	NATRI HYDROXIT (NaOH 50%)	240	1.320.000.000		
4	NATRI HYDROXIT (NaOH 32%)	720	2.403.383.760		
5	DUNG DỊCH SẮT (III) CLORUA 38%	960	2.304.000.000		
6	AXÍT SUNFURIC KỸ THUẬT (H ₂ SO ₄ 60%)	240	576.000.000		
7	AXÍT CLOHYDRIC (HCl 32%)	420	883.857.660		

STT	Khách hàng	Số lượng (tấn)	Giá trị (đồng)	Hiệu lực hợp đồng	Tiến độ thực hiện hợp đồng
III	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI- DỊCH VỤ- XUẤT NHẬP KHẨU NHẬT NHẬT NAM	1.920	6.928.475.520	01/01 - 31/12/2014	83%
1	NATRI HYDROXIT (NaOH 32%)	1.920	6.928.475.520		
IV	CÔNG TY TNHH PROCTER & GAMBLE ĐÔNG DƯƠNG	9.845	31.559.618.073	01/01/2014- hết số lượng	Đã hoàn thành
1	POLY ALUMINIUM CHLORIDE (PAC - F)	340	954.664.364		
2	NATRI SILICATE R2.3	5.661	17.549.945.455		
3	NATRI HYPOCLORIT (JAVEL 40 g/l)	3	9.808.364		
4	NATRI HYPOCLORIT (JAVEL 100 g/l)	25	91.827.273		
5	NATRI HYDROXIT (NaOH 50%)	2	14.203.636		
6	NATRI HYDROXIT (NaOH 32%)	3.238	11.327.059.527		
7	DUNG DỊCH SẮT (III) CLORUA 36%	401	1.088.180.727		
8	AXÍT CLOHYDRIC (HCl 32%)	161	485.808.000		
9	AXÍT CLOHYDRIC (HCl 20%)	14	38.120.727		
V	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ TP.HCM	1.440	4.324.963.680	01/09 - 30/09/2014	88%
1	NATRI HYPOCLORIT (JAVEL 120 g/l)	1.440	4.324.963.680		
VI	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM VIỆT TIẾN	2.400	6.848.731.680	01/04 - 31/12/2014	Đã hoàn thành
1	NATRI HYDROXIT (NaOH 32%)	960	3.552.000.000		
2	AXÍT CLOHYDRIC (HCl 32%)	1.440	3.296.731.680		
VII	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3	1.529	16.687.424.000	01/01 - 31/12/2014	Đã hoàn thành
1	NATRI HYDROXIT (NaOH 45%)	200	1.100.000.000		
2	CLO LỎNG	1.189	15.223.424.000		
3	AXÍT CLOHYDRIC (HCl 32%)	140	364.000.000		
VIII	CÔNG TY TNHH HÓA CHẤT VÀ MÔI TRƯỜNG AUREOLE MITANI	14.580	46.878.212.400	01/01 - 31/12/2014	Đã hoàn thành
1	NATRI HYPOCLORIT (JAVEL	240	619.854.960		

STT	Khách hàng	Số lượng (tấn)	Giá trị (đồng)	Hiệu lực hợp đồng	Tiến độ thực hiện hợp đồng
	100 g/l)				
2	NATRI HYDROXIT (NaOH 50%)	600	3.422.389.200		
3	NATRI HYDROXIT (NaOH 45%)	180	900.000.000		
4	NATRI HYDROXIT (NaOH 32%)	8.280	27.851.510.520		
7	DUNG DỊCH SẮT (III) CLORUA 36%	120	324.000.000		
8	AXÍT SUNFURIC TINH KHIẾT (PA)	360	3.210.658.920		
9	AXÍT CLOHYDRIC (HCl 32%)	1.800	4.421.539.800		
IX	CÔNG TY TNHH CHINWELL FASTENERS (VIỆT NAM)	1.800	3.810.013.200	01/01 - 31/12/2014	83%
1	AXÍT CLOHYDRIC (HCl 32%)	1.800	3.810.013.200		
X	CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET	6.648	20.252.484.588	01/01 - 31/12/2014	88%
1	NATRI SILICATE M2.7	3.600	10.260.000.000		
2	NATRI HYPOCLORIT (JAVEL 100 g/l)	36	109.800.000		
3	NATRI HYDROXIT (NaOH 32%)	3.000	9.845.013.000		
4	AXÍT CLOHYDRIC (HCl 32%)	12	37.671.588		
XI	CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX	1.920	5.436.000.000	01/01 - 31/12/2014	41%
1	NATRI SILICATE M2.7	1.200	3.420.000.000		
2	NATRI HYPOCLORIT (JAVEL 100 g/l)	720	2.016.000.000		
XII	CÔNG TY TNHH HÓA CHẤT VÀ THIẾT BỊ THIÊN PHÚ	32.640	103.911.048.720	01/01 - 31/12/2014	14%
1	POLY ALUMINIUM CHLORIDE 10% (P.A.C)	720	2.052.000.000		
2	POLY ALUMINIUM CHLORIDE (PAC - F)	720	1.791.465.840		
3	NATRI SILICATE M2.7	720	2.232.000.000		
4	NATRI HYPOCLORIT (JAVEL 100 g/l)	1.440	3.784.674.240		
5	NATRI HYDROXIT (NaOH 50%)	1.440	8.208.000.000		
6	NATRI HYDROXIT (NaOH 45%)	1.440	7.272.953.280		
7	NATRI HYDROXIT (NaOH 32%)	10.080	33.208.640.640		
8	DUNG DỊCH SẮT (III) CLORUA 38%	13.200	32.472.000.000		
9	DUNG DỊCH SẮT (III) CLORUA 36%				
10	AXÍT SUNFURIC TINH KHIẾT	720	8.280.000.000		

STT	Khách hàng	Số lượng (tấn)	Giá trị (đồng)	Hiệu lực hợp đồng	Tiến độ thực hiện hợp đồng
	(PA)				
11	AXÍT CLOHYDRIC (HCl 32%)	2.160	4.609.314.720		
XIII	CN TỔNG CTY CP BIA RƯỢU NGK SÀI GÒN - NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN CỬ CHI	1.600	7.362.000.000	13/01 - 31/12/2014	98%
1	NATRI HYPOCLORIT (JAVEL 100 g/l)	188	564.000.000		
2	NATRI HYDROXIT (NaOH 45%)	1.200	6.240.000.000		
3	DUNG DỊCH SẮT (III) CLORUA 36%	12	78.000.000		
4	AXÍT CLOHYDRIC (HCl 32%)	200	480.000.000		
XIV	CN TỔNG CTY CẤP NƯỚC SÀI GÒN TNHH MTV - NHÀ MÁY NƯỚC THỦ ĐỨC	5.083	14.847.285.427	27/10/2014 - hết số lượng	71%
1	POLY ALUMINIUM CHLORIDE 10% (P.A.C)	5.083	14.847.285.427		
XV	CN TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV - N/M NƯỚC TÂN HIỆP	3.010	15.276.508.659	19/08/2014 - hết số lượng	99%
1	POLY ALUMINIUM CHLORIDE 10% (P.A.C)	2.369	7.071.708.000		
2	CLO LỎNG	641	8.204.800.000		
XVI	CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA VIỆT NAM	1.500	5.460.000.000	01/01 - 31/12/2014	Đã hoàn thành
1	NATRI HYDROXIT (NaOH 32%)	1.300	4.940.000.000		
2	AXÍT CLOHYDRIC (HCl 32%)	200	520.000.000		
XVII	CÔNG TY CP B.O.O NƯỚC THỦ ĐỨC	2.029	8.432.323.418	01/01 - 31/12/2014	Đã hoàn thành
1	POLY ALUMINIUM CHLORIDE 10% (P.A.C)	14	42.066.764		
2	POLY ALUMINIUM CHLORIDE (PAC - F)	1.734	4.821.187.200		
3	CLO LỎNG	281	3.569.069.455		
XVIII	CTY AJINOMOTO VIỆT NAM	38.289	107.908.222.255	01/01/2014 – hết số lượng	Đã hoàn thành
1	NATRI HYPOCLORIT (JAVEL 120 g/l)	3	11.950.800		
2	NATRI HYDROXIT (NaOH 32%)	8.051	26.262.498.000		
3	Axit Sulfuric 98%	30.235	81.633.773.455		
XIX	CTY WUYNHTAI	14.500	40.600.000.000	01/01/2014 – hết số lượng	Đã hoàn thành

STT	Khách hàng	Số lượng (tấn)	Giá trị (đồng)	Hiệu lực hợp đồng	Tiến độ thực hiện hợp đồng
1	Axit Sulfuric 98%	14.500	40.600.000.000		
XXI	CÔNG TY DAP VINACHEM	8.519	9.882.941.900	02/2014	Đã hoàn thành
1	Axit Sulfuric 98%	8.519	9.882.941.900		
XX	CÔNG TY CP PHÂN BÓN MIỀN NAM	15.033	14.705.130.335	08-09/2014	Đã hoàn thành
1	Axit Sulfuric 98%	15.033	14.705.130.335		
	TỔNG CỘNG:	170.600	495.205.477.264		

Nguồn: Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2012, 2013, 2014

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012, 2013, 2014

Các chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh theo Báo cáo tài chính hợp nhất:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm 2014/ 2013
1.	Tổng tài sản	946.720.138.282	1.046.218.544.294	977.286.988.526	-6,59%
2.	Vốn chủ sở hữu	346.437.218.455	567.841.534.451	584.484.956.394	2,93%
3.	Doanh thu thuần	1.538.029.298.568	1.515.799.548.346	1.553.474.914.342	2,49%
4.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	139.199.234.033	200.334.416.548	217.279.724.244	8,46%
5.	Lợi nhuận khác	(6.327.018.010)	2.107.618.018	(1.657.255.167)	-178,63%
6.	Lợi nhuận trước thuế	132.872.216.023	202.442.034.566	215.622.469.077	6,51%
7.	Lợi nhuận sau thuế	79.449.355.850	129.939.832.882	144.006.647.954	10,83%
8.	Tỷ lệ trả cổ tức*	-	-		
9.	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân	23,36%	28,42%	24,99%	-3,43%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2012, 2013 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất năm 2014

Ghi chú*: Năm 2012 và 2013, Công ty hoạt động dưới hình thức của doanh nghiệp nhà nước nên chỉ tiêu tỷ lệ trả cổ tức không có dữ liệu.

Năm 2013, doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty giảm nhẹ (giảm 1,45%) so với năm 2012. Tuy nhiên, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2013 lại tăng mạnh so với năm 2012. Nguyên nhân là

do giá vốn hàng bán, chi phí lãi vay và chi phí quản lý trong năm 2013 có sự giảm mạnh, cụ thể như sau:

- Giá vốn hàng bán năm 2013 (1.203.589 triệu đồng) giảm 51.923 triệu đồng so với năm 2012 (1.255.512 triệu đồng), tỷ lệ giảm tương ứng 4%. Nguyên nhân giá vốn giảm do nguyên vật liệu chính dùng cho sản xuất sản phẩm giảm, dẫn đến lợi nhuận gộp năm 2013 tăng so với năm 2012 là 29.692 triệu đồng.
- Lãi suất vay năm 2013 giảm mạnh so với năm 2012, đã làm chi phí lãi vay năm 2013 (25.715 triệu đồng) giảm 21.736 triệu đồng so với năm 2012 (47.450 triệu đồng), tỷ lệ giảm tương ứng 45,8%. Chi phí lãi vay giảm làm lợi nhuận năm 2013 tăng tương ứng so với năm 2012.
- Chi phí quản lý năm 2013 (47.835 triệu đồng) giảm 10.560 triệu đồng so với năm 2012 (58.395 triệu đồng), tỷ lệ giảm 18,08%. Chi phí quản lý giảm làm lợi nhuận năm 2013 tăng tương ứng so với năm 2012.
- Ngoài ra, chi phí khác năm 2013 (188 triệu đồng) giảm 10.338 triệu đồng so với năm 2012 (10.526 triệu đồng) cũng làm lợi nhuận thuần năm 2013 tăng mạnh so với năm 2012.

Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2014 lại tiếp tục có những chuyển biến tích cực. Theo BCTC hợp nhất năm 2014, doanh thu thuần đạt 1.553 tỷ đồng, tăng 2,49% so với năm 2013. Lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế đều tăng với tỷ lệ tương ứng là 6,51% và 10,38% so với năm 2013. Việc kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh được nâng cao trong năm 2014 đến từ việc kiểm soát tốt hoạt động sản xuất kinh doanh, cắt giảm lỗ từ những hoạt động sản xuất kém hiệu quả của Công ty.

Các chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh theo Báo cáo riêng của Công ty mẹ:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm 2014/2013
1.	Tổng tài sản	832.494.246.179	920.330.778.629	810.020.841.627	-11,99%
2.	Vốn chủ sở hữu	307.990.042.449	566.130.768.373	550.417.776.278	-2,78%
3.	Doanh thu thuần	1.110.535.376.785	1.032.966.110.300	1.066.677.302.141	3,26%
4.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	82.464.179.915	167.264.812.017	143.349.213.364	-14,30%
5.	Lợi nhuận khác	(6.930.661.115)	297.704.543	33.602.441	-88,71%
6.	Lợi nhuận trước thuế	75.533.518.800	167.562.516.560	143.382.815.805	-14,43%
7.	Lợi nhuận sau thuế	58.921.204.864	137.577.375.587	108.408.269.794	-21,20%

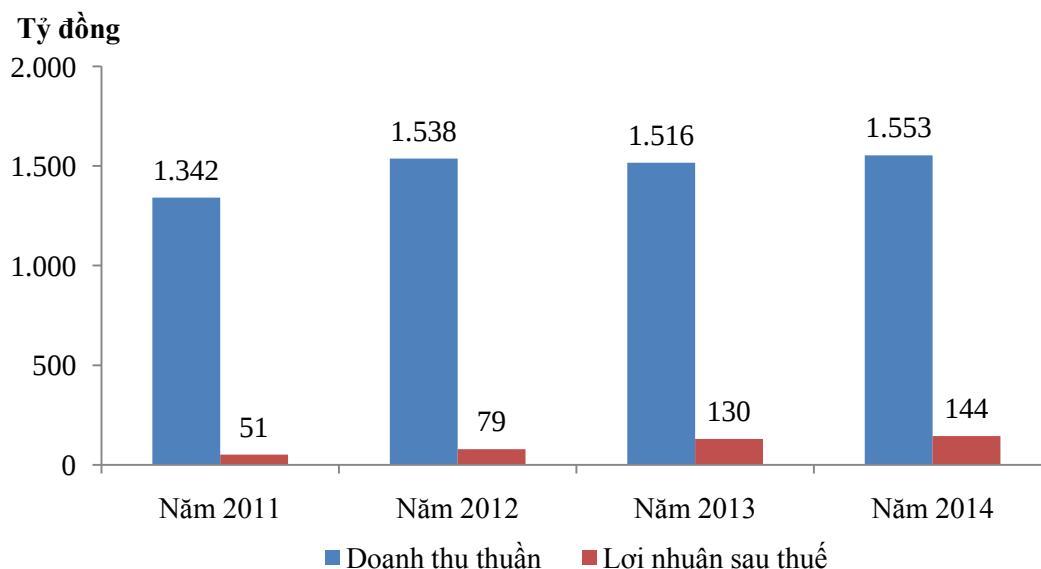
Stt	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm 2014/2013
8.	Tỷ lệ trả cổ tức*	-	-		
9.	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân	18,95%	31,48%	19,42%	-12,06%

Nguồn: BCTC riêng năm 2012, 2013 đã kiểm toán, BCTC riêng năm 2014

Ghi chú: Năm 2012 và 2013, Công ty hoạt động dưới hình thức của doanh nghiệp nhà nước nên chỉ tiêu tỷ lệ trả cổ tức không có dữ liệu.*

Nhìn chung, quy mô của Công ty có sự mở rộng qua các năm từ 2012-2013, cụ thể tổng tài sản và vốn chủ sở hữu năm 2013 tăng lần lượt là 10,55% và 83,81% so với năm 2012. Doanh thu thuần năm 2013 có giảm nhẹ so với năm 2012 với tỷ lệ là 6,98%. Các chỉ tiêu về lợi nhuận đều có sự gia tăng mạnh mẽ. Điều này cho thấy hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty được nâng cao. Hoạt động kinh doanh của Công ty ngày càng đi vào chiều sâu và đạt hiệu quả cao. Tuy nhiên, đến năm 2014, mặc dù doanh thu tăng so với năm 2013 với tỷ lệ 3,26% và lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng xấp xỉ 32% so với năm 2013 nhưng các chỉ số lợi nhuận khác lại giảm so với năm 2013, chủ yếu là vì trong năm 2014, doanh thu từ hoạt động tài chính giảm đáng kể (từ 52,6 triệu đồng năm 2013 xuống còn 3,6 triệu đồng năm 2014) đồng thời chi phí quản lý doanh nghiệp tăng khá nhiều (từ 32,5 triệu đồng năm 2013 tăng lên 77 triệu đồng năm 2014) so với năm 2013. Nhìn chung, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty các năm qua đã duy trì được sự ổn định về doanh thu và lợi nhuận. Những thành công này sẽ là nền tảng, động lực cho sự phát triển mạnh mẽ hơn nữa của Công ty trong tương lai, góp phần giữ vững và nâng cao hơn nữa giá trị của các cổ đông.

Biểu đồ Doanh thu, Lợi nhuận sau thuế năm 2011, 2012, 2013 và 2014



Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2011, 2012, 2013 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất năm 2014

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo 2013

Những nhân tố thuận lợi

- Công ty là một trong những doanh nghiệp sản xuất hóa chất cơ bản hàng đầu Việt Nam, với đội ngũ kỹ sư có trình độ, kinh nghiệm và lực lượng công nhân lành nghề.
- Công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty với truyền thống đoàn kết gắn bó, tập thể CBCNV Công ty luôn sát cánh cùng Ban lãnh đạo duy trì ổn định sản xuất, tìm cách giảm định mức tiêu hao nguyên liệu, giảm giá thành sản phẩm, tăng cường công tác chăm sóc khách hàng nhằm giữ vững thị phần, tìm kiếm khách hàng mới. Chính nhờ vậy sản phẩm của Công ty luôn được các khách hàng quan tâm ủng hộ do đó hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn có sự tăng trưởng đều đặn qua các năm.
- Dây chuyền công nghệ sản xuất liên tục được Công ty đầu tư cải tiến, đảm bảo hoạt động ổn định, vừa tối đa hiệu quả kinh tế cho Công ty vừa đảm bảo môi trường sinh thái. Một số dây chuyền sản xuất sản phẩm chính của Công ty sử dụng công nghệ tiên tiến nhất thế giới hiện nay của G7.
- Mọi quan hệ với các tổ chức tín dụng tốt, thanh toán nợ vay đúng hạn nên luôn được các ngân hàng hỗ trợ cho vay vốn với lãi suất ưu đãi để phục vụ cho sản xuất kinh doanh.
- Công tác sửa chữa lớn, sửa chữa thường xuyên luôn được Công ty quan tâm lập kế hoạch một cách chi tiết cụ thể để thực hiện vào thời điểm phù hợp nên các dây chuyền sản xuất hoạt động rất ổn định, chất lượng sản phẩm luôn được đảm bảo, tạo được uy tín cao đối với các khách hàng.
- Công tác chăm lo đời sống và việc làm của người lao động luôn được lãnh đạo Công ty quan tâm đặt lên hàng đầu, tương xứng với hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Nhờ vậy tập thể CBCNV trong Công ty luôn tập trung hoàn thành mọi công việc được giao đồng thời đóng góp những sáng kiến, cải tiến kỹ thuật nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty kể cả trong những lúc tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn nhất.

Những nhân tố khó khăn

- Năm 2013 khi nền kinh tế chịu ảnh hưởng của suy thoái toàn cầu dẫn đến nhu cầu thị trường, cụ thể là nhu cầu sản phẩm gốc Clo của Nhà máy Hóa chất Biên Hòa như Clor lỏng, HCl, PAC, FeCl₃... sụt giảm, dẫn đến Công ty phải giảm công suất để tránh tồn kho sản phẩm quá lớn. Lượng xút cũng giảm theo do không thể cân bằng xút-clo trong dây chuyền, vì xút và clor là 2 sản phẩm song hành trong khâu điện phân theo tỷ lệ khoảng 1 xút – 0,8 Clor, nên khi nhu cầu đối với sản phẩm clor xuống thấp, để bảo đảm tồn kho thì dây chuyền sản xuất

phải giảm công suất, do đó lượng xút cũng giảm theo tương ứng. Để đảm bảo đủ xút cung cấp cho các khách hàng và giữ vững thị trường, Công ty chủ động nhập khẩu bổ sung xút từ những nguồn tin cậy.

- Các sản phẩm axit phosphoric và gốc photphat của Nhà máy hóa chất Đồng Nai có giá thành cao (24 - 25 triệu đồng/tấn sản phẩm H_3PO_4 so với giá thị trường chỉ khoảng 20 triệu đồng/tấn) đi đôi với chất lượng được đảm bảo (nồng độ luôn ổn định, tạp chất rất thấp so với quy định), đáp ứng cho các ngành đòi hỏi khắt khe như thực phẩm, dược phẩm, phân bón vi lượng... nên chỉ tiêu thụ một phần trong nước, còn lượng xuất khẩu thì giảm đáng kể do không cạnh tranh được với sản phẩm của Trung Quốc và Hàn Quốc. Để mở rộng thị phần tiêu thụ cũng như đảm bảo hiệu quả cho hoạt động của Nhà máy, ngoài thị trường chất lượng cao truyền thống, Nhà máy cũng đang tiến hành tìm hiểu xây dựng chiến lược nhập khẩu, kinh doanh axit phosphoric và các mặt hàng khác.
- Sản phẩm hydroxyt nhôm của chi nhánh Công ty tại Tân Bình chỉ tiêu thụ được trong nước, chưa thể xuất khẩu được do giá thành còn cao và chất lượng chưa đạt theo yêu cầu của khách hàng, đồng thời phải cạnh tranh sản phẩm với Tổ hợp bô-xít – nhôm Tân Rai. Do vậy hiện nay, Chi nhánh Tân Bình đã chuyển trọng tâm chủ yếu sang hoạt động kinh doanh thương mại đối với sản phẩm bột nhôm. Qua đó, Chi nhánh giữ vững được thị trường truyền thống đồng thời từng bước xây dựng kinh nghiệm để mở rộng thêm khả năng kinh doanh về sau.
- Sản phẩm phèn lọc nước ngày càng giảm do các đơn vị xử lý nước chuyển qua sử dụng sản phẩm PAC. Việc chuyển đổi cơ cấu giữa sản phẩm phèn nhôm và P.A.C vừa là cơ hội và thách thức vì cả hai đều là sản phẩm của Công ty. Do đó, Công ty sẽ chú trọng cân bằng các sản phẩm mang lại hiệu quả cao và điều chỉnh dây chuyền, sản xuất sản phẩm phù hợp, nắm bắt được nhu cầu phát triển của các ngành tiêu thụ.
- Xí nghiệp khai thác bô-xít tại Bảo Lộc phải ngừng hoạt động vì không có đầu ra. Việc ngừng khai thác tại Mỏ Bô-xít Bảo Lộc dù có nhiều khó khăn nhưng là bước đi cần thiết và đúng đắn để đảm bảo hiệu quả hoạt động cho các đơn vị trong toàn Công ty. Qua việc ngừng sản xuất sản phẩm bột nhôm và quặng bô-xít, Công ty có cơ hội tái cấu trúc, tập trung vào các sản phẩm thế mạnh, giảm thiểu áp lực trợ giá cho các mặt hàng không còn hiệu quả kinh tế. Ngoài ra, dù ngừng sản xuất mặt hàng bột nhôm dẫn đến việc ngưng khai thác quặng bô-xít tại Mỏ Bảo Lộc, Công ty mà cụ thể là Chi nhánh Tân Bình vẫn giữ vững thị phần khách hàng và có thể mở rộng nhờ chuyển hướng tập trung cho việc kinh doanh thương mại các dòng sản phẩm này.
- Chi phí giá thành tác động lớn đến lợi nhuận của Công ty, giá thành tăng 1% có thể khiến lợi nhuận giảm đến 8%. Trong đó, biến động giá về nguyên liệu nhập khẩu và vật tư thiết bị (vốn chiếm hơn 50% giá thành sản phẩm) là những biến động khó lường trong nền kinh tế ngày càng được toàn cầu hóa. Công ty nhờ

có các đối tác chiến lược, hợp tác lâu dài trong vấn đề cung ứng nguyên liệu với lượng lớn và giá cả hợp lý nên trong nhiều năm qua vẫn giữ được ổn định nguyên vật liệu, vật tư trong cơ cấu giá thành. Giá các mặt hàng thiết yếu trong nước như điện, xăng dầu... (vốn chiếm gần 20% chi phí hằng năm) lại phụ thuộc cơ chế quản lý của Nhà nước. Khi đối mặt với áp lực tăng giá, Công ty trong khả năng của mình cố gắng tiết giảm chi phí cũng như chia sẻ gánh nặng với các đối tác để đảm bảo công việc sản xuất kinh doanh của các bên vẫn đạt hiệu quả.

- Ngành sản xuất hóa chất nói chung rất nhạy cảm với vấn đề môi trường, vì vậy việc đầu tư xử lý môi trường chiếm một phần vốn không nhỏ trong tổng số vốn kinh doanh của Công ty. Việc đầu tư xử lý môi trường tuy chiếm chi phí lớn trong ngành sản xuất hóa chất nhưng là đầu tư hợp lý và cần thiết vì điều này đảm bảo môi trường cho việc đầu tư phát triển và mở rộng về lâu dài cho các Nhà máy của Công ty, với hiệu quả cụ thể là đem đến những sản phẩm đạt tiêu chuẩn ngày càng cao của thị trường trong nước cũng như đạt thể mạnh trong cạnh tranh xuất khẩu đến các thị trường lớn nhưng khó tính như Bắc Mỹ, EU, Nhật Bản, Australia...

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1 Vị thế của Công ty trong ngành và so sánh tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

Công ty cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam là một trong những doanh nghiệp sản xuất hóa chất cơ bản hàng đầu tại Việt Nam. Sản phẩm hóa chất của Công ty là nguyên liệu sản xuất của các ngành sản xuất khác trong nền kinh tế quốc dân. Thị trường đầu ra của Công ty hiện nay đang tập trung đáp ứng nhu cầu của các ngành công nghiệp như: thực phẩm, dược phẩm, xử lý nước sinh hoạt, xử lý nước thải, sản xuất giấy, dệt nhuộm, nhiệt điện, dầu khí...

Trong vài năm trở lại đây, cùng với xu thế hội nhập kinh tế khu vực và thế giới, ngành hóa chất có thêm nhiều doanh nghiệp được thành lập, điều này làm tăng sự khốc liệt của việc cạnh tranh trên thị trường, nhưng với vị thế của một công ty lớn, sản phẩm chất lượng tốt, giá thành sản phẩm hợp lý nên Công ty vẫn gia tăng được thị phần sản phẩm và được khách hàng tín nhiệm cao.

Công ty cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam có bề dày hoạt động đáng kể với hơn 37 năm tồn tại và phát triển, luôn được các đối tác quan tâm, tin tưởng khi có nhu cầu hợp tác. Các dây chuyền sản xuất của Công ty đều được đầu tư với công nghệ tiên tiến, đảm bảo chất lượng sản phẩm và môi trường sinh thái. Sản lượng sản phẩm của Công ty tiêu thụ rộng khắp ở các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên đến các tỉnh miền Tây Nam Bộ và TP.Hồ Chí Minh với thị phần các sản phẩm hóa chất cơ bản của Công ty như: NaOH lỏng chiếm khoảng 25%, HCl chiếm khoảng 50%, Silicat chiếm 30%, PAC chiếm 20%, H₂SO₄ chiếm 50%, Al(OH)₃ chiếm 30%, H₃PO₄ chiếm 25% và hiện nay Công ty đang từng bước mở rộng thị phần ra các nước trong khu vực.

Các đối thủ cạnh tranh hiện nay của Công ty tại thị trường phía Nam: Công ty Vedan VN gồm các sản phẩm NaOH chiếm 35% thị phần, HCl chiếm 40% thị phần, Công ty cổ phần Hóa chất Việt Trì (sản phẩm HCl chiếm 10% thị phần), Công ty cổ phần Hóa chất Đức Giang (H_3PO_4) chiếm 30% thị phần, Công ty TNHH Bắc Giai (PAC) chiếm khoảng 10% thị phần, Công ty Lau Tan Luas (PAC) chiếm khoảng 20% thị phần, Công ty TNHH Việt Hương (Silicate) chiếm khoảng 45% thị phần, Công ty Vạn Lợi (Silicat) chiếm 25% thị phần, Tổ hợp Bôxít – Nhôm Tân Rai – Lâm Đồng (Hydroxyt nhôm – $Al(OH)_3$) chiếm 80% thị phần.

▪ **Điểm mạnh**

- Là một thành viên của Tập đoàn hóa chất Việt Nam nên Công ty được sự hỗ trợ tích cực từ phía Tập đoàn Hóa chất Việt Nam về mọi mặt để Công ty phát triển. Với nhiều năm hoạt động trong ngành, Công ty đã xây dựng được thương hiệu với khách hàng bằng uy tín và chất lượng sản phẩm.
- Dây chuyền công nghệ liên tục được đầu tư cải tiến nhằm nâng cao quy mô và hiệu quả sản xuất của Công ty. Chất lượng sản phẩm của Công ty ngày càng được nâng cao và luôn luôn đáp ứng được tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm sản xuất ra theo tiêu chuẩn tự công bố và đáp ứng được yêu cầu ngày một cao của thị trường. Bên cạnh công tác đầu tư công tác bảo đảm an toàn trong sản xuất và bảo vệ môi trường được thực hiện xuyên suốt trong quá trình xây dựng và phát triển của Công ty và luôn được toàn thể Công ty đặt ra là nhiệm vụ trọng tâm, luôn được củng cố, duy trì ngày một tốt hơn.
- Công ty có được một lực lượng công nhân có tay nghề chất lượng cao, kinh nghiệm lâu năm và yêu nghề.
- Công ty có một lượng khách hàng truyền thống là đối tác chiến lược, luôn luôn đảm bảo đơn hàng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

▪ **Điểm yếu:**

- Nguồn vốn đầu tư phát triển cho lĩnh vực hóa chất cơ bản là rất lớn, điều đó là một khó khăn trong việc huy động vốn phục vụ đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh của Công ty. Đây cũng là đặc thù chung của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hóa chất.
- Quy mô sản xuất và công nghệ chưa đáp ứng được nhu cầu thị trường đầy tiềm năng.

▪ **Cơ hội:**

- Lãi suất ngân hàng có xu hướng giảm cũng như một số chính sách vĩ mô khác được chính phủ xem là mục tiêu quan trọng hàng đầu trong việc kiểm soát và ổn định nền kinh tế là một điều kiện tốt cho hoạt động của Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam trong thời gian tới.
- Mô hình Công ty cổ phần sẽ giúp cho Công ty có được sự chủ động, tự chủ

cao trong việc hoạch định cũng như thực hiện các chiến lược phát triển của mình, đồng thời tăng cường tính linh hoạt, khả năng phản ứng nhanh nhạy trong quản trị, điều hành nhằm thích ứng với sự biến động không ngừng của tình hình kinh tế, xã hội.

- Bên cạnh đó, với lợi thế là Công ty cổ phần, Công ty sẽ có nhiều cơ hội thuận lợi trong việc huy động vốn khi có các dự án đầu tư hiệu quả với thời gian huy động nhanh đặc biệt là khi thị trường chứng khoán ở Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển như hiện nay.

▪ **Thách thức:**

- Cũng như các doanh nghiệp Nhà nước chuyển đổi sang Công ty cổ phần khác, HCCB đã được thành lập và hoạt động dưới chế độ quốc hữu khá lâu, mọi quyết định, kế hoạch kinh doanh đều phụ thuộc sát sao vào Nhà nước. Do đó, việc thích nghi và vận hành tốt theo mô hình mới sẽ là một thách thức không nhỏ đối với Công ty sau cổ phần hóa.

Bên cạnh đó, tình hình cạnh tranh của các doanh nghiệp sản xuất trong ngành vẫn đang diễn ra gay gắt. Chính vì vậy, việc giữ vững hoạt động kinh doanh cho Công ty đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị trong Công ty và có chiến lược kinh doanh phù hợp, hiệu quả.

 So sánh tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

Một số chỉ tiêu của các doanh nghiệp ngành hóa chất năm 2013

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	HVT	LAS
Vốn điều lệ	78.491	778.320
Tổng tài sản	216.256	2.782.902
Vốn chủ sở hữu	115.289	1.404.574
Doanh thu thuần	320.864	4.770.053
Lợi nhuận từ HĐKD	25.252	580.370
Lợi nhuận khác	1.275	14.726
Lợi nhuận trước thuế	26.527	595.095
Lợi nhuận sau thuế	19.864	446.820
Tỷ lệ trả cổ tức	9%	40%
EPS	2.614	6.139

Chỉ tiêu	HVT	LAS
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu bình quân	18,17%	34,29%

Nguồn: BCTC năm 2013 đã kiểm toán và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 của HVT và LAS

8.2 Triển vọng phát triển của ngành

Các sản phẩm hóa chất cơ bản phục vụ hầu hết cho các ngành kinh tế trong nước, đặc biệt là các ngành công nghiệp. Chính vì vậy nhu cầu đối với ngành hóa chất cũng sẽ phụ thuộc vào sự phát triển nền kinh tế nói chung và tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp nói riêng.

Nền kinh tế Việt Nam đã có những dấu hiệu ổn định sau thời kỳ bị ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu và suy thoái kinh tế thế giới. Theo số liệu của Tổng cục thống kê: tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2011 đạt 5,89 %, năm 2012 là 5,03%, năm 2013 là 5,42% và GDP 09 tháng đầu năm 2014 ước tính tăng 5,62% so với cùng kỳ năm 2013. chỉ số CPI bình quân 9 tháng đầu năm tăng 4,61% so với bình quân cùng kỳ năm 2013; Kim ngạch xuất khẩu 9 tháng đầu năm 2014 ước đạt 109,6 tỷ USD, tăng 14,1% so với kết quả đạt được cùng kỳ năm 2013. Dưới sự điều hành của Ngân hàng Nhà nước, các chỉ tiêu lạm phát, tỷ giá, lãi suất đã từng bước về mức ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các doanh nghiệp.

Nền kinh tế Việt Nam đã có những dấu hiệu phục hồi tích cực sau thời kỳ bị ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu và suy thoái kinh tế thế giới. Nền kinh tế tăng trưởng trở lại sẽ luôn đi cùng với sự phát triển các ngành sản xuất, là nơi tiêu thụ nhiều nhất sản phẩm thuộc nhóm ngành hóa chất cơ bản... Đây sẽ là cơ hội cho các công ty hóa chất nói chung và Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam nói riêng.

Nhìn chung, đây là ngành kinh doanh có nhiều triển vọng trong những năm tới và phù hợp định hướng phát triển của Nhà nước. Từ năm 2013 Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 1621/QĐ-TTg ngày 18/09/2013 về việc Phê duyệt chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất Việt Nam đến năm 2020 (có tính đến năm 2030) với nhiều định hướng phát triển sản phẩm hóa chất cơ bản.

8.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Định hướng phát triển của Công ty là tăng cường năng lực sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường tiêu thụ và đảm bảo chất lượng sản phẩm. Mục tiêu của Công ty là tiếp tục đầu tư mở rộng sản xuất nhằm đáp ứng đầy đủ nhu cầu của thị trường về các sản phẩm hóa chất cơ bản. Đối với Công ty, nhóm sản phẩm hóa chất cơ bản chủ yếu có nhiều lợi thế. Định hướng của Công ty là tăng dần tỷ trọng các sản phẩm này trong cơ cấu doanh thu. Đây cũng là định hướng chung của ngành công nghiệp hóa chất.

Theo Quyết định số 1621/QĐ-TTg ngày 18/09/2013 về việc Phê duyệt chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất Việt Nam đến năm 2020 (có tính đến năm 2030), tại Điều 1, điểm 1 về quan điểm phát triển có nêu:

- Phát triển công nghiệp hóa chất một cách bền vững, phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.
- Phát triển công nghiệp hóa chất trên cơ sở huy động mọi nguồn lực trong và ngoài nước; sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên và nguyên liệu trong nước; đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài đối với các công trình có nhu cầu vốn lớn, đòi hỏi công nghệ cao mà trong nước chưa đáp ứng được; phát huy tiềm năng và thế mạnh của từng vùng, từng địa phương.
- Đầu tư phát triển công nghiệp hóa chất trên cơ sở sử dụng công nghệ tiên tiến, tạo ra các sản phẩm có chất lượng cao, giá thành cạnh tranh, bảo đảm môi trường sinh thái.

Với lợi thế là một trong những doanh nghiệp sản xuất hóa chất cơ bản hàng đầu tại Việt Nam và có định hướng đầu tư mở rộng, tập trung phát triển các sản phẩm hóa chất cơ bản chủ yếu, Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam đang phát triển đúng định hướng của Chính phủ về phát triển ngành Công nghiệp Hóa chất.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Số lượng lao động trong Công ty

Số lượng lao động trong Công ty

Tổng số lượng lao động trong Công ty tính tại thời điểm 01/12/2014 là 698 người với phân loại cụ thể như sau:

Tiêu chí	Số lượng (lao động)	Tỷ lệ (%)
Phân theo trình độ chuyên môn	698	100%
Trên đại học, đại học	170	24,35%
Cao đẳng	128	18,34%
Trung cấp	256	36,68%
Lao động phổ thông	144	20,63%
Phân loại theo thời hạn hợp đồng	698	100%
Hợp đồng không xác định thời hạn	617	88,40%
Hợp đồng có xác định thời hạn	81	11,60%
Phân loại theo tính chất lao động	698	100%
Lao động trực tiếp	439	62,89%
Lao động gián tiếp	259	37,11%

9.2 Chính sách đối với người lao động

Thời gian làm việc

Thời gian làm việc không quá 8 giờ trong 1 ngày, 40 giờ trong 1 tuần

Trường hợp do yêu cầu sản xuất, cần bố trí làm thêm giờ thì thời gian làm thêm giờ không quá 4 giờ trong 1 ngày, 30 giờ trong 1 tháng và 200 giờ trong 1 năm.

Thời gian nghỉ làm việc, nghỉ giữa ca

Người lao động làm việc 8 giờ/ngày trong điều kiện bình thường được nghỉ ít nhất 30 phút tính vào thời gian làm việc; nghỉ 45 phút khi làm ca đêm.

Chế độ nghỉ việc riêng, ốm đau, thai sản... được thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Luật lao động.

CBCNV Công ty và các đơn vị trực thuộc không phân biệt lao động ngắn hạn, dài hạn đều được nghỉ trong những ngày lễ, Tết và các ngày nghỉ khác do Nhà nước quy định.

Nghỉ phép: người lao động được nghỉ phép hàng năm theo quy định tại Điều 111 và 112 Bộ Luật lao động. Nếu số ngày đi đường kể cả lượt đi và về trên 2 ngày thì ngày thứ 3 trở đi được tính thêm thời gian đi đường ngoài ngày nghỉ phép năm và chỉ được tính cho 1 lần nghỉ trong năm. Được thanh toán tiền tàu xe khi nghỉ phép năm để đi thăm gia đình, người thân (mỗi năm 1 lần) bằng phương tiện giao thông công cộng nếu có đủ chứng từ thanh toán hợp lệ.

Thời gian nghỉ ngơi

Công ty khuyến khích mọi hình thức nghỉ ngơi để động viên CBCNV nhân các ngày truyền thống, kỷ niệm của Công ty và đơn vị trực thuộc.

Điều kiện làm việc

Người lao động được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, được cấp phát những dụng cụ làm việc, máy móc thiết bị cần thiết đảm bảo chất lượng theo quy định.

Điều kiện an toàn và vệ sinh lao động tại nơi làm việc theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Chính sách tuyển dụng và thu hút nhân tài

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tùy theo chức danh, chức vụ đảm nhiệm, Công ty đề ra những tiêu chuẩn riêng như tất cả đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như trình độ chuyên môn; tính chủ động, sáng tạo và nhiệt tình trong công việc. Đối với các chức danh quan trọng như cán bộ quản lý điều hành các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe với các tiêu chuẩn trình độ chuyên môn nghiệp vụ từ đại học trở lên, kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích, dự báo, thuyết

trình, đánh giá công việc, trình độ ngoại ngữ, tin học. Ngoài ra Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt liên quan tới các nhân viên giỏi, xuất sắc, có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, thực hiện chính sách thu hút nhân tài, xem nhân sự là nguồn lực quý báu và quan trọng đối với sự phát triển bền vững của Công ty.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Người lao động trong Công ty, tiền lương được hưởng theo hệ số, trả lương căn cứ theo trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao. Công ty thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho các cán bộ công nhân viên, nâng bậc lương theo niên hạn cho cán bộ công nhân viên.

Trong công tác đào tạo, Công ty đã chú trọng đến công tác tự đào tạo, đào tạo tại chỗ và dành sự quan tâm khuyến khích các cán bộ trẻ nâng cao trình độ chuyên môn.

Ngoài những quyền lợi được quy định trong Luật Lao động, người lao động trong Công ty còn được hưởng các đãi ngộ dưới các hình thức như du lịch, nghỉ mát, trợ cấp khi thai sản và ốm đau, trợ cấp khó khăn,...

Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao, đồng thời áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các công nhân viên có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty.

10. Chính sách cổ tức

Công ty chi trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và ngay khi trả hết cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn trả. HĐQT thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức chi trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của HĐQT và sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội cổ đông.

Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần từ ngày 02/01/2014, vì vậy chưa thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông.

11. Tình hình tài chính

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 20/3/2006 và các văn bản sửa đổi bổ sung.

▪ Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Niên độ đầu tiên của công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam bắt đầu từ ngày 02 tháng 01 năm 2014 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, vì công ty

được cấp giấy chứng nhận chuyển đổi thành công ty cổ phần vào ngày 02 tháng 01 năm 2014.

▪ **Khấu hao tài sản cố định**

Từ năm 2013 trở về trước, tài sản cố định được Công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Tuy nhiên, kể từ ngày 10/06/2013, Công ty sẽ chính thức áp dụng nguyên tắc khấu hao theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT – BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Công ty trích khấu hao tài sản theo phương pháp khấu hao đường thẳng tại Điểm a, Khoản 2 Điều 13 Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Trích dẫn cụ thể như sau:

“Căn cứ khả năng đáp ứng các điều kiện áp dụng quy định cho từng phương pháp khấu hao tài sản cố định, doanh nghiệp được lựa chọn các phương pháp trích khấu hao phù hợp với từng loại tài sản cố định của doanh nghiệp:

- a. *Phương pháp khấu hao đường thẳng là phương pháp trích khấu hao theo mức tính ổn định từng năm vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp của tài sản cố định tham gia vào hoạt động kinh doanh. Doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả kinh tế cao được khấu hao nhanh, nhưng tối đa không quá 2 lần mức khấu hao xác định theo phương pháp đường thẳng để nhanh chóng đổi mới công nghệ. Tài sản cố định tham gia vào hoạt động kinh doanh được trích khấu hao nhanh là máy móc, thiết bị; dụng cụ làm việc đo lường, thí nghiệm; thiết bị và phương tiện vận tải; dụng cụ quản lý; súc vật, vườn cây lâu năm. Khi thực hiện trích khấu hao nhanh, doanh nghiệp phải đảm bảo kinh doanh có lãi. Trường hợp doanh nghiệp trích khấu hao nhanh vượt 2 lần mức quy định tại khung thời gian sử dụng tài sản cố định nêu tại Phụ lục 1 kèm Thông tư này, thì phần trích vượt mức khấu hao nhanh (quá 2 lần) không được tính vào chi phí hợp lý khi tính thuế thu nhập trong kỳ.”*

11.2 Thu nhập bình quân của người lao động

Mức lương bình quân của người lao động tại Công ty giai đoạn 2010 - 2013

Đơn vị tính: đồng/người/tháng

Năm	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Mức lương bình quân	6.470.000	8.000.000	8.510.000	8.430.000

Nguồn: Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam

Thu nhập bình quân của người lao động tại một số doanh nghiệp hoạt động trong ngành hóa chất năm 2013

Chỉ tiêu	HVT	LAS
Chi phí lương nhân viên năm 2013 (1.000 đồng)	33.249	394.405
Số lượng nhân viên 2012 (người)	384	2.973
Thu nhập bình quân (1000 đồng/ người/ tháng)	6.215	9.200

Nguồn: BCTC đã kiểm toán và Báo cáo thường niên năm 2013 của HVT và LAS

Mức lương bình quân của mỗi cán bộ công nhân viên Công ty không ngừng tăng qua các năm. Năm 2011, mức lương bình quân tăng mạnh (tăng 23,65%) so với năm trước đạt 8.000.000 đồng/người/tháng. Mức lương bình quân hiện nay của Công ty khoảng trên 8 triệu đồng/người/tháng đang ở mức trung bình so với các doanh nghiệp trong ngành. Với tiềm lực phát triển của Công ty, chắc chắn mức thu nhập của người lao động sẽ vẫn tiếp tục được cải thiện trong những năm tới đây.

11.3 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty hiện nay không có khoản nợ quá hạn nào, các khoản nợ phải trả ngắn và trung hạn đều được Công ty thanh toán đúng hạn.

11.4 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế: thuế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo luật định.

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Năm 2012	Năm 2013
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.039.500.693	4.744.625.570
Thuế xuất, nhập khẩu	8.509.164.735	8.505.228.243
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.608.953.184	11.253.141.818
Thuế thu nhập cá nhân	158.405.413	2.542.402.996
Tiền thuê đất	-	205.232.000
Các loại thuế khác	598.208.040	-
Cộng	15.914.232.065	27.250.630.627

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2012, 2013 đã kiểm toán

11.5 Trích lập các quỹ

Tỷ lệ trích lập các quỹ hàng năm do Hội đồng quản trị đề xuất và trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần từ ngày 02/01/2014. Do đó, đến thời điểm này, Công ty chưa thực hiện trích lập quỹ.

11.6 Tổng dư nợ vay

Số dư các khoản mục vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty như sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Khoản mục	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014
1	Vay và nợ ngắn hạn	313.627.069.531	290.621.422.292	163.894.912.087
2	Vay và nợ dài hạn	39.944.229.731	10.433.107.765	10.551.424.484

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2012, 2013 đã kiểm toán; BCTC hợp nhất 2014

11.7 Tình hình công nợ hiện nay**+ Các khoản phải thu**

Đơn vị tính: đồng

TT	Các khoản phải thu	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014
I	Phải thu ngắn hạn	109.471.941.586	156.770.830.149	138.144.034.724
1	Phải thu của khách hàng	96.736.386.062	143.961.635.377	123.910.067.634
2	Trả trước cho người bán	9.563.640.696	4.350.039.596	3.442.273.379
3	Các khoản phải thu khác	4.020.937.526	9.154.209.010	11.046.643.705
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(849.022.698)	(695.053.834)	(254.949.994)
II	Phải thu dài hạn	-	-	-
	Tổng cộng	109.471.941.586	156.770.830.149	138.144.034.724

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2012, 2013 đã kiểm toán; BCTC hợp nhất năm 2014

+ Các khoản phải trả

Đơn vị tính: đồng

TT	Các khoản phải trả	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014
I	Phải trả ngắn hạn	530.847.984.866	445.469.370.423	340.408.531.753
1	Vay và nợ ngắn hạn	313.627.069.531	290.621.422.292	163.894.912.087
2	Phải trả cho người bán	55.336.172.400	45.954.353.683	52.828.500.032
3	Người mua trả tiền trước	1.880.947.523	204.468.742	340.292.009
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15.914.232.065	27.250.630.627	37.783.240.484
5	Phải trả người lao động	77.198.090.434	62.629.167.958	64.676.978.699
6	Chi phí phải trả	4.736.677.340	5.041.973.639	1.846.255.265
7	Khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	38.858.647.028	2.149.308.372	1.552.004.677

TT	Các khoản phải trả	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	23.296.148.545	11.618.045.110	17.486.348.500
II	Phải trả dài hạn	39.944.229.731	10.433.107.765	10.551.424.484
1	Vay và nợ dài hạn	39.944.229.731	10.433.107.765	10.551.424.484
2	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-	-
	Tổng cộng	570.792.214.597	455.902.478.188	350.959.956.237

Nguồn: BCTC hợp nhất 2012, 2013 đã kiểm toán, BCTC hợp nhất năm 2014

11.8 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu theo Báo cáo tài chính hợp nhất:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,15	1,41	1,89
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,51	0,73	1,22
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
1	Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,60	0,44	0,36
2	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,65	0,80	0,60
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
1	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	4,21	3,75	4,43
2	Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Lần	1,64	1,52	1,54
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
1	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,17%	8,57%	9,27%
2	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	23,36%	28,42%	24,99%
3	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	8,46%	13,04%	14,23%
4	Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	9,05%	13,22%	13,99%
V	Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần				
1	Thu nhập trên mỗi cổ phần (Lợi nhuận sau thuế/Số cổ phiếu lưu hành)	đồng/cổ phần			

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
2	Giá trị sổ sách của một cổ phần (Vốn chủ sở hữu/Số cổ phiếu lưu hành)	đồng/cổ phần			

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu theo Báo cáo tài chính riêng:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,01	1,39	1,81
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,41	0,64	1,17
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
1	Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,63	0,38	0,32
2	Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	1,70	0,63	0,47
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
1	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	3,74	3,03	3,81
2	Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Lần	1,33	1,18	1,23
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
1	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,31%	13,32%	10,17%
2	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	18,95%	31,48%	19,42%
3	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	7,06%	15,07%	12,53%
4	Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	7,43%	16,19%	13,44%
V	Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần				
1	Thu nhập trên mỗi cổ phần (Lợi nhuận sau thuế/Số cổ phiếu lưu hành)	đồng/cổ phần			2.453
2	Giá trị sổ sách của một cổ phần (Vốn chủ sở hữu/Số cổ phiếu lưu hành)	đồng/cổ phần			12.453

Nhìn chung, hoạt động kinh doanh của Công ty ổn định và phát triển khá tốt qua các năm. Điều này thể hiện thông qua các chỉ số tài chính, cụ thể:

- **Về khả năng thanh toán:** Hệ số thanh toán ngắn hạn liên tục tăng qua các năm từ 2011-2014 và chỉ số này luôn lớn hơn 1 cho thấy công ty có khả năng thanh toán nợ tốt. Hệ số thanh toán nhanh 2014 cũng tăng so với năm

2013. Nhìn chung, chỉ tiêu thanh toán của công ty tăng qua các năm và ở mức an toàn, cho thấy Công ty hoàn toàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

- **Về cơ cấu vốn:** Tỷ trọng nợ vay trong tổng nguồn vốn của Công ty giảm dần qua các năm từ 2012-2014 thể hiện mức độ an toàn trong cơ cấu tài chính của Công ty cũng gia tăng.
- **Về chỉ số năng lực hoạt động:** Lượng hàng tồn kho của năm 2014 giảm so với 2013, và chỉ số vòng quay hàng tồn kho của Công ty năm 2014 cũng lớn hơn năm 2013. Như vậy, lượng hàng tồn kho ngày càng được quản lý tốt. Nhìn chung chỉ số này khá ổn định qua các năm. Vì vậy, có thể nhận thấy Công ty vẫn đang quản lý hiệu quả hoạt động kinh doanh.
- **Về chỉ tiêu khả năng sinh lời:** Các chỉ tiêu sinh lời tương đối cao đã thể hiện khả năng khai thác tài sản hiệu quả và tổ chức hoạt động kinh doanh khá tốt của Công ty.

Tóm lại, Ban điều hành và toàn thể CBCNV đã có những đóng góp tích cực góp phần tạo nên sự phát triển ổn định cho Công ty, qua đó, giá trị của các cổ đông cũng ngày càng được nâng cao.

12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng

STT		Họ Tên	Chức vụ
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
1	Ông	Lê Văn Hùng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Ông	Lê Thanh Bình	Thành viên Hội đồng quản trị
3	Ông	Trịnh Tuấn Minh	Thành viên Hội đồng quản trị
4	Ông	Nguyễn Hữu Thọ	Thành viên Hội đồng quản trị
5	Ông	Phạm Thanh Tùng	Thành viên Hội đồng quản trị
BAN KIỂM SOÁT			
1	Bà	Lê Thúy Mai	Trưởng Ban kiểm soát
2	Bà	Nguyễn Thanh Bình	Thành viên Ban kiểm soát
3	Ông	Lê Tùng Lâm	Thành viên Ban kiểm soát
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC			
1	Ông	Nguyễn Hữu Thọ	Tổng Giám đốc
2	Ông	Nguyễn Hoài Phú	Phó Tổng giám đốc
3	Ông	Hoàng Minh Đức	Phó Tổng giám đốc

STT	Họ Tên	Chức vụ
KẾ TOÁN TRƯỞNG		
1	Bà Lê Thị Ngọc Diệp	Kế toán trưởng

12.1 Hội đồng quản trị

a. Ông Lê Văn Hùng – Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và tên : **LÊ VĂN HÙNG**
- Số CMND : 024399572 do CA TP.HCM cấp ngày 07/10/2005
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 27/12/1963
- Nơi sinh : Tỉnh Hưng Yên
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thành phố Đà Nẵng
- Địa chỉ thường trú : 3B8-8-6 Khu phố GRANVIEWD, Phú Mỹ Hưng, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc : (08) 38296620
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn:

Bằng cấp	Chuyên ngành	Cơ sở đào tạo
Cử nhân kinh tế	Xử lý thông tin Kinh tế	Trường ĐH Kinh Tế TP.HCM
Trung cấp Lý Luận Chính Trị	Lý luận chính trị	Trường cán bộ TP.HCM

- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
12/1987 - 03/1990	Nhà máy Hóa chất Đồng Nai	Nhân viên lao động tiền lương
03/1990 - 12/1990	Trung tâm dịch vụ đầu tư và ứng dụng khoa học kinh tế - Trường ĐH Kinh Tế TP.HCM	Nhân viên thảo chương trình vi tính
12/1990 - 12/2013	Công ty TNHH MTV Hóa chất cơ bản miền Nam	- Nhân viên phòng Kế Hoạch. - Phó phòng Kế toán- Tài chính; - Phó phòng KH-TT;

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
		- Trưởng phòng Kế Hoạch Đầu Tư; - Trưởng phòng Kế Hoạch-Kinh Doanh; - Phó Giám Đốc công ty; - Tổng Giám Đốc công ty; - Chủ tịch công ty.
01/01/2014 đến nay	Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam	Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Photpho Việt Nam
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ: **11.053.500** cổ phiếu. Trong đó:
 - + Cá nhân sở hữu: 2.500 cổ phần, chiếm 0,006% vốn điều lệ
 - + Đại diện sở hữu cổ phần của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam : 11.051.000 cổ phiếu, chiếm 25% vốn điều lệ
- Số cổ phần của những người có liên quan:

Stt	Mối quan hệ	Họ và tên	CMND/ ĐKDN	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %/Vốn điều lệ
1	Đại diện vốn	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Số ĐKKD: 0100100061 Ngày cấp:30/08/2011 Nơi cấp:Sở KH-ĐT TP.Hà Nội	28.731.000	65%

- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng)
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

b. Ông Lê Thanh Bình – Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên : **LÊ THANH BÌNH**
- Số CMND : 022525824 do CA TP.HCM cấp ngày 22/01/2010
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 31/12/1972
- Nơi sinh : Tỉnh Phú Thọ
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thành phố Đà Nẵng
- Địa chỉ thường trú : 588 Điện Biên Phủ-Phường 11-Quận 10-TP.HCM



- Số điện thoại liên lạc : (08) 38296620
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn:

Bằng cấp	Chuyên ngành	Cơ sở đào tạo
Cử nhân	Quản trị kinh doanh	Trường ĐH Mở Bán Công

- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
10/1995 - 2001	Công ty Hóa chất cơ bản miền Nam	Nhân viên
2001 – 12/2013	Công ty Hóa chất cơ bản miền Nam	Phó Phòng, Trưởng Phòng Kế hoạch kinh doanh
01/2014 đến nay	Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam	Thành viên HĐQT; Trưởng Phòng Kế hoạch kinh doanh

- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT kiêm Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Phốt Pho Việt Nam
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ: **1.700** cổ phiếu. Trong đó:
 - + Cá nhân sở hữu: 1.700 cổ phiếu, chiếm 0,0038% vốn điều lệ
- Số cổ phần của những người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: 6.000.000 đồng/tháng
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

c. Ông Trịnh Tuấn Minh – Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên : **TRỊNH TUẤN MINH**
- Số CMND : 023317550 do CA TP.HCM cấp ngày 23/05/2007
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 23/08/1979
- Nơi sinh : Thành phố Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Tp.Hồ Chí Minh

- Địa chỉ thường trú : 29 Nguyễn Minh Hoàng, P.12, Q.Tân Bình, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc : (08) 38219930
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn:

Bằng cấp	Chuyên ngành	Cơ sở đào tạo
Chứng chỉ Phân tích đầu tư CFA	Tài chính	CFA Institute
Thạc sỹ	Tài chính	ĐH New South Wales, Sydney, Úc
Cử nhân	Kinh doanh tiền tệ	ĐH Kinh Tế TP. HCM

- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
08/2001 - 06/2004	PricewaterhouseCoopers Vietnam	Chuyên viên kiểm toán và tư vấn tài chính
04/2006 - 07/2007	VinaCapital Corporate Finance	Phó phòng tư vấn Tài chính doanh nghiệp
07/2007 - 04/2008	CTCP Chứng khoán Vina	Phó phòng tư vấn Tài chính doanh nghiệp
05/2008 đến nay	VinaCapital Corporate Finance	Trưởng phòng Đầu tư

- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng phòng Đầu tư VinaCapital Corporate Finance.
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu. Trong đó:
 - + Cá nhân sở hữu : 0 cổ phiếu
 - + Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu
- Số cổ phần của những người có liên quan:

Stt	Mối quan hệ	Họ và tên	Số CMND/ĐKDN	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %/Vốn điều lệ
1	Trưởng phòng đầu tư	Vietnam Investment Ltd	Số: C00131 Ngày cấp: 19/02/2004 Nơi cấp: BVI	2.100.000	4,75%
2	Trưởng phòng đầu tư	Vietnam Enterprise Ltd	Số: CS3763 Ngày cấp: 22/03/2007 Nơi cấp: BVI	1.900.000	4,3%

3	Trưởng phòng đầu tư	Vietnam Investment Property Holdings Ltd	Số: CS7869 Ngày cấp: 09/10/2007 Nơi cấp: BVI	3.316.774	7,5%
---	---------------------	--	--	-----------	------

- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quyết định của HĐQT
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

d. Ông Nguyễn Hữu Thọ – Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên : **NGUYỄN HỮU THỌ**
- Số CMND : 023962395 do CA TP.HCM cấp ngày 16/10/2001
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 16/09/1959
- Nơi sinh : Tỉnh Vĩnh Long
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Tỉnh Vĩnh Long
- Địa chỉ thường trú : 180/12A Lạc Long Quân, Phường 10, Quận 11, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc : (08) 38296620
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn:

Bằng cấp	Chuyên ngành	Cơ sở đào tạo
Kỹ sư	Hóa	ĐH Bách Khoa TP HCM
Cử nhân	Ngoại ngữ Anh	ĐH Ngoại ngữ Hà Nội

- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1987 - 2005	Công ty Hóa chất cơ bản miền Nam	Nhân viên, Phó phòng, Trưởng phòng Kỹ thuật
2005 - 2013	Công ty Hóa chất cơ bản miền Nam	Phó Tổng giám đốc
01/2014 đến nay	Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc

- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ: **8.893.400** cổ phiếu. Trong đó:
 - + Cá nhân sở hữu: 53.400 cổ phiếu, chiếm 0,12% vốn điều lệ.
 - + Đại diện sở hữu cổ phần của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 8.840.000 cổ phiếu, chiếm 20% vốn điều lệ.
- Số cổ phần của những người có liên quan:

Stt	Mối quan hệ	Họ & tên	Số CMND/ ĐKDN	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
1	Vợ	Huỳnh Thị Ngọc Tuyết	023923144	3.300	0,007%
2	Đại diện vốn	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Số ĐKKD: 0100100061 Ngày cấp: 30/08/2011 Nơi cấp: Sở KH-ĐT TP. Hà Nội	28.731.000	65%

- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: 6.000.000 đồng/tháng
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

e. Ông Phạm Thanh Tùng – Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên : **PHẠM THANH TÙNG**
- Số CMND : 011670245 do Công an Hà Nội cấp ngày 11/03/2005
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 31/08/1973
- Nơi sinh : Thành phố Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thành phố Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : Số 6 Phố Vân Hồ II, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn:

Bằng cấp	Chuyên ngành	Cơ sở đào tạo
Kỹ sư	Kinh tế Hóa chất	ĐH Bách Khoa Hà Nội

Bằng cấp	Chuyên ngành	Cơ sở đào tạo
Thạc sỹ	Quản trị kinh doanh	ĐH Bách Khoa Hà Nội

- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
12/1996 - 03/1999	Công ty Phát triển Phụ gia và Sản phẩm Dầu mỡ	Chuyên viên
04/1999 - 04/2003	Công ty Phát triển Phụ gia và Sản phẩm Dầu mỡ	Trưởng phòng Tổ chức-Hành chính
05/2003 - 05/2006	Tổng công ty Hóa chất Việt Nam	Chuyên viên, ban Kế hoạch thị trường
06/2006 đến nay	Tổng công ty Hóa chất Việt Nam (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam)	Phó Trưởng ban, Ban Kế hoạch- Kinh doanh

- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - ◆ 04/2012 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Công ty cổ phần Ác quy Tia sáng HP.
 - ◆ 04/2013 đến nay: Ủy viên Hội đồng quản trị, Công ty CP Thuốc sát trùng VN
 - ◆ 05/2013 đến nay: Ủy viên Hội đồng quản trị, Công ty CP Phân bón và Hóa chất Cần Thơ.
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 8.840.000 cổ phiếu. Trong đó:
 - + Cá nhân sở hữu : 0 cổ phiếu
 - + Đại diện sở hữu cổ phần của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 8.840.000 cổ phiếu, chiếm 20% vốn điều lệ
- Số cổ phần của những người có liên quan:

Stt	Mối quan hệ	Họ & tên	Số CMND/ ĐKDN	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
1	Đại diện vốn	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Số ĐKKD: 0100100061 Ngày cấp: 30/08/2011 Nơi cấp: Sở KH-ĐT TP.Hà Nội	28.731.000	65%

- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quyết định của ĐHĐCĐ
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

12.2 Ban kiểm soát**a. Bà Lê Thúy Mai – Trưởng Ban kiểm soát**

- Họ và tên : **LÊ THÚY MAI**
- Số CMND : 012099656 do Công an Hà Nội cấp ngày 22/12/2012
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 30/07/1965
- Nơi sinh : Thành phố Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thành phố Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : P204, Chung cư 2F, Phố Quang Trung, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc : (04) 39331259
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn:

Bằng cấp	Chuyên ngành	Cơ sở đào tạo
Cử nhân kinh tế	Kế toán doanh nghiệp sản xuất	Trường ĐH Tài Chính

- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1986 - 04/1988	Công ty Supe phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	Kế toán viên
05/1988 – 1990	Viện Hóa học Công nghiệp Việt Nam	Kế toán viên
1991 - 2009	Trung tâm Thông tin KHKT Hóa chất	Trưởng phòng kế toán
2010 đến nay	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Chuyên viên chính

- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Trưởng Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - ◆ 2010 đến nay: Chuyên viên chính- Ban Tài chính kế toán – Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu. Trong đó:
 - + Cá nhân sở hữu : 0 cổ phiếu
 - + Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu
- Số cổ phần của những người có liên quan: Không có

Stt	Mối quan hệ	Họ & tên	Số CMND/ ĐKDN	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
1	Con	Ngô Tuấn Anh	012691272	20.000	0,045%

- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quyết định của ĐHĐCĐ hiện nay là 6.000.000 đồng/ tháng
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

b. Bà Nguyễn Thanh Bình – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên : **NGUYỄN THANH BÌNH**
- Số CMND : 020351240 do CA. TP.HCM cấp ngày 11/03/2008
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 06/03/1961
- Nơi sinh : Thành phố Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Tỉnh Hậu Giang
- Địa chỉ thường trú : 95 Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc : (08) 3 9141900
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn:

Bằng cấp	Chuyên ngành	Cơ sở đào tạo
Cử nhân	Hóa vô cơ	ĐH Bách Khoa TP.HCM
Cử nhân	Quản trị kinh doanh	ĐH Kinh Tế TP.HCM

- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
10/1983 - 09/1987	Xí nghiệp Đức số 1, Công ty cơ khí	Nhân viên
11/1987 - 11/2010	Nhà máy Hóa chất Tân Bình, Công ty Hóa chất cơ bản miền Nam	Phó giám đốc Nhà máy

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
12/2010 - 12/2013	Phòng Nhân sự-Hành chính, Công ty Hóa chất cơ bản miền Nam	Phó trưởng phòng Nhân sự -Hành chính
01/2014-nay	Phòng Nhân sự-Hành chính, Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam	Trưởng phòng Nhân sự - Hành chính

- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban kiểm soát - Trưởng phòng Nhân sự-Hành chính, Chủ tịch công đoàn Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không.
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ: **183.200** cổ phiếu. Trong đó:
 - + Cá nhân sở hữu: 23.200 cổ phiếu, chiếm 0,052% vốn điều lệ
 - + Đại diện sở hữu (tổ chức Công đoàn): 160.000 cổ phiếu, chiếm 0,36% vốn điều lệ
- Số cổ phần của những người có liên quan:

Stt	Mối quan hệ	Họ & tên	Số CMND	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
1	Chồng	Nguyễn Văn Hào	022641402	2.200	0,005%
2	Đại diện vốn	Công đoàn Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam		160.000	0,36%

- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: 4.000.000 đồng/tháng
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

c. Ông Lê Tùng Lâm – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên : **LÊ TÙNG LÂM**
- Số CMND : 024669477 do CA TP.HCM cấp ngày 06/03/2007
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 22/08/1975
- Nơi sinh : Tỉnh Nam Định
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Tỉnh Hà Nam
- Địa chỉ thường trú : 29A Lô A Chung cư Hoàng Ngọc Phách, Phường Phú Thọ Hòa, Quận Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh.

- Số điện thoại liên lạc : (08) 38296620
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn:

Bằng cấp	Chuyên ngành	Cơ sở đào tạo
Cử nhân	Kinh tế	ĐH Kinh Tế TP.HCM
Cử nhân	Kế toán	ĐH Kinh Tế TP.HCM

- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
08/1997 - 01/1998	Công ty Hóa chất cơ bản miền Nam	Nhân viên Phòng Kế hoạch- Thị trường
02/1998 - 03/1998	Nhà máy Hóa chất Đồng Nai- Công ty Hóa chất cơ bản miền Nam	Chuyên viên phụ trách Ban Tài chính Nhà máy
04/1998 - 09/1999	Nhà máy Hóa chất Đồng Nai- Công ty Hóa chất cơ bản miền Nam	Trưởng ban phụ trách Ban Tài chính Nhà máy
10/1999 - 12/2001	Công ty Hóa chất cơ bản miền Nam	Chuyên viên phòng Kế toán-Tài chính
01/2002 - 11/2013	Công ty Hóa chất cơ bản miền Nam	Phó trưởng phòng Kế toán-Tài chính
12/2013 – 01/2014	Công ty Hóa chất cơ bản miền Nam	Phó trưởng phòng Nhân sự - Hành chính
01/2014 đến nay	Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam	Thành viên ban kiểm soát, Thư ký công ty, Phó phòng Nhân sự Hành chính

- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban kiểm soát - Thư ký công ty, Phó trưởng phòng Nhân sự - Hành chính Công ty.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Phốt pho Việt Nam
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 1.500 cổ phiếu. Trong đó:
 - + Cá nhân sở hữu : 1.500 cổ phiếu, chiếm 0,0034% vốn điều lệ
 - + Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu
- Số cổ phần của những người có liên quan:

Stt	Mối quan hệ	Họ & tên	Số CMND	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ /VĐL
1	Vợ	Nguyễn Kim Thảo Vân	022769083	30.000	0,068%

- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: 4.000.000 đồng/tháng
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

12.3 Ban Tổng Giám đốc

a. Ông Nguyễn Hữu Thọ – Tổng Giám đốc

(Sơ yếu lý lịch đã trình bày ở Mục d Phần 12.1)

b. Ông Nguyễn Hoài Phú – Phó Tổng giám đốc

- Họ và tên : NGUYỄN HOÀI PHÚ
- Số CMND : 020791888 do CA TP.HCM cấp ngày 13/04/2010
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 01/11/1960
- Nơi sinh : Thành phố Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Tỉnh Long An
- Địa chỉ thường trú : 322/4 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 4, Quận 3, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc : (08) 38296620
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn:

Bằng cấp	Chuyên ngành	Cơ sở đào tạo
Cử nhân	Kế toán	ĐH Kinh Tế TP.HCM

- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
03/1982 - 12/1994	Nhà máy Hóa chất Tân Bình	Nhân viên, Kế toán trưởng
12/1994 – 12/2013	Công ty TNHH MTV Hóa chất cơ bản miền Nam	Kế toán trưởng, Phó Tổng giám đốc

01/2014 đến nay	Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam	Phó Tổng giám đốc
-----------------	--	-------------------

- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Phốt Pho Việt Nam
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ: **23.100** cổ phiếu. Trong đó:
 - + Cá nhân sở hữu : 23.100 cổ phần, chiếm 0,05% vốn điều lệ
 - + Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu
- Số cổ phần của những người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

c. Ông Hoàng Minh Đức – Phó Tổng giám đốc

- Họ và tên : **HOÀNG MINH ĐỨC**
- Số CMND : 024370252 do CA TP.HCM cấp ngày 24/02/2005
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 03/12/1969
- Nơi sinh : Tỉnh Lạng Sơn
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Tỉnh Quảng Trị
- Địa chỉ thường trú : 133/12 Bis Ngô Đức Kế, P.12, Q.Bình Thạnh, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc : (08) 38296620
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn:

Bằng cấp	Chuyên ngành	Cơ sở đào tạo
Kỹ sư	Điện hóa	ĐH Bách Khoa Đà Nẵng
Cử nhân	Quản trị kinh doanh	ĐH Kinh Tế TP.HCM

- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1992-1993	Viện kỹ thuật nhiệt đới bảo vệ môi	Cán bộ nghiên cứu

	trường	
1993-2006	Nhà máy Hóa chất Biên Hòa	Trưởng Phòng Kỹ thuật, Phó Giám đốc, Giám đốc
2006 - nay	Công ty Hóa chất cơ bản miền Nam	Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Nhà máy hóa chất Biên Hòa

- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ: **1.900** cổ phần. Trong đó:
 - + Cá nhân sở hữu : 1.900 cổ phần, chiếm 0,004% vốn điều lệ
 - + Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu
- Số cổ phần của những người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

12.4 Kế toán trưởng

Bà Lê Thị Ngọc Diệp

- Họ và tên : **LÊ THỊ NGỌC DIỆP**
- Số CMND : 021630433 do CA TP.HCM cấp ngày 09/05/2005
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 17/03/1965
- Nơi sinh : Thành phố Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thành phố Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : 68 Tân Canh, Phường 1, Quận Tân Bình, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc : (08) 38296620
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: ĐH Kinh tế

Bằng cấp	Chuyên ngành	Cơ sở đào tạo
Cử nhân	Kinh tế vật tư	ĐH Kinh tế TP.HCM

- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1992 đến nay	Công ty Hóa chất cơ bản miền Nam	Nhân viên, Phó trưởng Phòng KTTC, Trưởng Phòng KTTC

- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Phốt Pho Việt Nam
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ: **2.100** cổ phần. Trong đó:
 - + Cá nhân sở hữu : 2.100 cổ phần, chiếm 0,005% vốn điều lệ
 - + Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu
- Số cổ phần của những người có liên quan:

Stt	Mối quan hệ	Họ & tên	Số CMND	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ /VĐL
1	Chồng	Văn Trung Hà	024941030	20.000	0,045%

- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

13. Tài sản

Giá trị tài sản cố định của Công ty theo BCTC hợp nhất tính đến thời điểm 31/12/2014 được thể hiện như sau:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại
1	Tài sản cố định hữu hình			
1.1	Nhà cửa, vật kiến trúc			
1.2	Máy móc và thiết bị			
1.3	Phương tiện vận tải			
1.4	Thiết bị quản lý			
2	Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-
3	Tài sản cố định vô hình			
3.1	Giấy phép khai thác mỏ			

Stt	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại
3.2	Phần mềm Quản lý			
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			
	Tổng cộng			

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2014

Các tài sản là đất đai, bất động sản thuộc quyền sở hữu hoặc sử dụng của Công ty:

TT	Địa chỉ	Diện tích (m ²) (*)	Quyền sử dụng đất	Thời hạn sử dụng (**)	Mục đích sử dụng
1	95 Quang Trung, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. HCM	25.654	Đất thuê của Nhà nước	01/01/2046	Đất phục vụ cho sản xuất, kinh doanh của Công ty
2	139 (số cũ 46/6) Phan Huy Ích, phường 15, quận Tân Bình, Tp. HCM	11.398	Đất thuê của Nhà nước	31/12/2006	Chi nhánh Công ty
3	1/180 A1 Khu phố 5, phường Đông Hưng Thuận, quận 12, Tp. HCM	5.845	Đất thuê của Nhà nước	01/01/2046	Kho trung chuyển
4	Phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	148,5	Đất thuê của Nhà nước	15/10/2043	Nhà khách
5	Đường 5, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	52.474	Đất thuê lại của Công ty Phát triển KCN Biên Hòa	12/04/2051	Nhà máy Hóa chất Biên Hòa
6	Đường 1, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	10.358	Đất thuê lại của Công ty Phát triển KCN Biên Hòa	12/04/2051	Nhà máy Hóa chất Đồng Nai
7	Đường 5, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	19.476,9	Đất thuê lại của Công ty Phát triển KCN Biên Hòa	12/04/2051	Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2
8	Phường Lộc Phát, thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	235.237	Đất thuê của Nhà nước	16/12/2018	Đất dùng cho hoạt động khoáng sản (khu

TT	Địa chỉ	Diện tích (m ²) (*)	Quyền sử dụng đất	Thời hạn sử dụng (**)	Mục đích sử dụng
9	Phường Lộc Phát, thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	378.713	Đất thuê của Nhà nước	20/12/2054	khai thác, xây dựng nhà máy hydroxyt nhôm và các công trình phụ trợ)
10	Phường Lộc Phát, thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	43.706	Đất thuê của Nhà nước	31/12/2054	
11	Phường Lộc Phát, thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	29.423	Đất đã đền bù giải tỏa, đang làm thủ tục thuê đất và cấp Giấy chứng nhận QSDĐ		Đất dùng cho hoạt động khoáng sản (khu khai thác, xây dựng nhà máy hydroxyt nhôm và các công trình phụ trợ)
12	62 Lý Thường Kiệt, phường 1, thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	18.416	Đất thuê của Nhà nước	01/01/2021	Văn phòng Xi nghiệp mỏ Bảo Lộc
13	Khu 5B, phường 1, thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	1.023	Đất thuê của Nhà nước	01/01/2038	Nhà khách

Ghi chú: (*) Diện tích đất căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

(**) Thời gian sử dụng căn cứ vào Hợp đồng thuê đất.

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

14.1 Định hướng phát triển của Công ty

Công ty được thành lập nhằm mục đích huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm hóa chất cơ bản chủ yếu, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, đem lại nguồn lợi nhuận ngày tăng cho cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Trên nền tảng phát triển ổn định của hoạt động sản xuất và kinh doanh các sản phẩm hóa chất cơ bản chủ yếu, Công ty sẽ cân nhắc việc đa dạng hóa ngành nghề, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh khi có điều kiện thích hợp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh phát triển Công ty ngày càng vững mạnh.

14.2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2015 - 2016

Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam dự kiến kế hoạch kinh doanh năm 2015 - 2016 của công ty mẹ như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2014	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2015
Tổng doanh thu	1.014.387	1.070.449	1.022.051	0,76%	1.094.000	7,04%
Tổng chi phí	908.975	926.861	900.049	-0,98%	971.000	7,88%
Lợi nhuận sau thuế	92.763	108.408	95.161	2,59%	98.400	3,4%
Vốn điều lệ	442.000	442.000	442.000	0,00%	442.000	0,00%
Tỷ suất sinh lời/Vốn điều lệ (%)	20,99%	24,53%	21,53%	2,59%	22,26%	0,73%
Cổ tức	57.460	-	57.460	0,00%	61.880	7,69%
Tỷ lệ cổ tức/vốn cổ phần	13%	-	13%	0,00%	14%	1%

Nguồn: Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam

Lý do Công ty xây dựng kế hoạch năm 2014 với nhiều chỉ tiêu giảm so với năm 2013 là do trong năm 2013, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã chịu một số tác động từ sự cạnh tranh cao độ của thị trường, và dự kiến Công ty vẫn phải tiếp tục đối mặt với một số thử thách trong năm 2014, cụ thể:

- Sản phẩm Hydroxyt nhôm tại Chi nhánh Tân Bình của Công ty đang gặp phải sự cạnh tranh gay gắt với sản phẩm cùng loại của Tổ hợp Bôxít nhôm Tân Rai, giá thành sản xuất cao dẫn đến dây chuyền sản xuất không phát huy được hết công suất và sản phẩm tiêu thụ khá chậm.

Xí nghiệp khai thác và tuyển quặng bô-xít tại Bảo Lộc có nhiệm vụ cung cấp toàn bộ nguyên liệu cho Chi nhánh Tân Bình (Nhà máy Hóa chất Tân Bình cũ). Mặt hàng quặng bô-xít hiện nay không được cho phép xuất khẩu, toàn bộ sản lượng của Xí nghiệp dành cho sản xuất bột nhôm ở Chi nhánh Tân Bình. Trong điều kiện hiện tại:

- Tổ hợp Bô-xít Nhôm Tân Rai đi vào hoạt động với công suất không lồ 1 triệu tấn/năm. Sản phẩm lại được hưởng nhiều ưu đãi và có khi bán với giá cạnh tranh quá thấp để thu hồi vốn.
- Tổ hợp Bô-xít Nhôm Nhân Cơ với sản lượng lớn cũng sắp đi vào hoạt động.
- Tình hình giá sản phẩm bột nhôm trên thị trường thế giới không còn ở đỉnh cao, lợi nhuận xuất khẩu không đảm bảo khi phải cạnh tranh với hàng giá rẻ của Trung Quốc.

Vì vậy, với sản lượng và quy mô khiêm tốn, giá thành không hiệu quả, sản phẩm bột nhôm của Chi nhánh Tân Bình khó lòng cạnh tranh trên thị trường,

gây lỗ kéo dài ảnh hưởng đến hiệu quả chung toàn Công ty. Vì vậy, để đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh, Công ty đã quyết định tạm ngưng sản xuất sản phẩm này vào cuối năm 2013, tìm kiếm hướng đi kinh doanh, tập trung sản xuất các mặt hàng khác hiệu quả hơn.

- Sản phẩm axit Sunfuric của Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2 trong năm 2013 đã nhiều lần được điều chỉnh giảm giá bán để cạnh tranh với các sản phẩm axit Sunfuric nhập khẩu.
- Sản phẩm axit Phốtphoric của Nhà máy Hóa chất Đồng Nai đang gặp những hạn chế nhất định trong việc tiêu thụ, dây chuyền sản xuất hoạt động khoảng 30% công suất thiết kế do gặp sự cạnh tranh từ sản phẩm cùng loại nhập khẩu từ Trung Quốc, Hàn Quốc.
- Tại Công ty cổ phần Phốt pho Việt Nam mà Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam nắm giữ 65% vốn điều lệ thì tình hình sản xuất cũng đang đối mặt với thử thách do nhiều nhà máy sản xuất phốt pho trong nước được đầu tư mới, đồng loạt đi vào hoạt động dẫn đến cung vượt cầu, làm giảm giá bán của sản phẩm phốt pho. Bên cạnh đó, việc nhiều nhà máy mới đi vào hoạt động dẫn đến tình hình cung cấp nguyên liệu quặng Apatit cũng gặp khó khăn và chất lượng quặng không bảo đảm, làm cho giá thành sản xuất phốt pho tăng cao trong khi giá bán ngày càng giảm kéo theo lợi nhuận giảm.

Vì vậy, trong kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014, Công ty điều chỉnh giảm một số chỉ tiêu so với năm 2013 để phù hợp với thực tại của thị trường. Tuy nhiên, theo số liệu của báo cáo tài chính riêng năm của Công ty, lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 108 tỷ đồng, tăng 16,9% so với kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2014 của Công ty. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2014 đã vượt chỉ tiêu so với kế hoạch đã đặt ra.

Kế hoạch kinh doanh năm 2015 và 2016 cũng được Công ty xây dựng từ đầu năm 2014. Trong thời điểm đó, Công ty đang đối mặt với nhiều khó khăn. Cụ thể là việc sản xuất kinh doanh sản phẩm bột nhôm của Chi nhánh Tân Bình chưa tìm được hướng giải quyết, vẫn phải bù lỗ kéo dài. Công ty phải lên phương án tái cấu trúc, dự trù chi phí giải quyết chế độ cho nhiều người lao động. Tuy nhiên, sau khi quyết định ngưng sản xuất bột nhôm và tái cấu trúc Chi nhánh Tân Bình và Mỏ Bô-xít Bảo Lộc, hoạt động sản xuất kinh doanh chung của Công ty đi vào quỹ đạo hiệu quả với doanh thu và lợi nhuận được đảm bảo do không phải bù lỗ sản phẩm, đồng thời nhờ tác động phục hồi của thị trường nên các sản phẩm khác tiêu thụ cũng đạt hiệu quả cao hơn. Về việc xây dựng kế hoạch cho năm 2015, Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam đã làm việc lại với đơn vị chủ quản là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam để điều chỉnh tăng chỉ tiêu và kế hoạch sản xuất kinh doanh 2015 cụ thể được giao lại theo Quyết định số 540/QĐ-HCVN của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam. Theo đó, chỉ tiêu tổng doanh thu tiêu thụ được giao của năm 2015 là 1.462 tỷ đồng, trong đó chỉ tiêu doanh thu của CTCP Hóa chất Cơ bản miền Nam là 1.022 tỷ đồng và của CTCP Phốt Phô Việt Nam (công ty con) là 440 tỷ đồng.

14.3 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam được lập dựa trên những chiến lược Công ty xây dựng để phát triển hoạt động kinh doanh, điều kiện hoạt động thực tế của Công ty và tình hình thị trường kinh doanh tại thời điểm lập kế hoạch:

▪ **Về hoạt động sản xuất kinh doanh**

- Mục tiêu quan trọng nhất: trong tình hình kinh tế đất nước chưa thoát khỏi suy thoái, toàn Công ty phải giữ vững ổn định sản xuất về công suất, chất lượng và tiêu thụ tốt sản phẩm với giá cả linh hoạt; sản xuất luôn gắn liền với an toàn lao động, vệ sinh môi trường, tăng trưởng bền vững và đạt hiệu quả kinh tế phù hợp. Duy trì hoạt động ổn định của máy móc thiết bị, giữ vững và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, tìm kiếm thêm những nguồn cung ứng vật tư nguyên liệu, thiết bị để có giá cạnh tranh phục vụ cho sản xuất và dự phòng, rà soát và điều chỉnh lại (nếu có) hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật. Tiếp tục triển khai một cách đồng bộ, có hệ thống và chính quy công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường.
- Tiếp tục duy trì mối quan hệ hợp tác lâu dài, bền vững với các đối tác trong và ngoài nước trên nguyên tắc hai bên cùng có lợi để cùng nhau phát triển.
- Chú trọng đẩy mạnh công tác bán hàng, marketing, phát triển mạng lưới khách hàng thường xuyên, tạo cơ sở vững chắc cho hoạt động kinh doanh của từng đơn vị thành viên trong công ty.
- Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị thành viên tạo thành một khối liên kết mạnh mẽ, xây dựng Công ty ngày càng phát triển vững mạnh.
- Tập trung hoàn thiện và ổn định các dây chuyền sản xuất hiện hữu, tiến hành nghiên cứu phát triển sản phẩm mới nhằm đa dạng hóa sản phẩm.
- Song song với công tác phát triển thị trường, Công ty cũng không ngừng tăng cường công tác quản lý hiệu quả hoạt động bán hàng, bảo đảm tính chủ động, tích cực trong công việc bán hàng tăng sản lượng và doanh thu tiêu thụ, đồng thời quản lý công nợ bán hàng, xác định thời hạn thanh toán hợp lý, tăng nhanh vòng quay của vốn, an toàn vốn trong sản xuất kinh doanh.
- Tăng cường công tác kiểm tra vệ sinh an toàn lao động, đảm bảo sản xuất an toàn trong khi sản xuất ở dòng điện cao.

▪ **Về đầu tư phát triển**

- Nhiệm vụ trọng tâm của Công ty và các đơn vị thành viên sau cổ phần hóa: tập trung đầu tư để hoàn thiện nhằm giữ ổn định, từng bước nâng cao năng lực sản xuất của các dây chuyền sản xuất hiện hữu, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, kho bãi... để đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

- Tích cực tìm kiếm những địa điểm mới để chuẩn bị công tác di dời toàn bộ 3 nhà máy ra khỏi KCN Biên Hòa 1, Tỉnh Đồng Nai theo lộ trình chung.
- Luôn chuẩn bị sẵn những phương án, dự án đầu tư phát triển để có thể triển khai ngay khi điều kiện cho phép.
- Tại các đơn vị thành viên: tập trung đầu tư mua sắm các trang thiết bị và công nghệ hiện đại để hoàn thiện và nâng cao năng lực sản xuất của các dây chuyền sản xuất hiện hữu, tăng cường sức cạnh tranh trên thị trường, tiếp tục đẩy mạnh sự phối hợp giữa các các đơn vị thành viên với văn phòng công ty để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

▪ ***Về hoạt động tài chính***

- Giữ vững quan hệ và uy tín với các ngân hàng, tổ chức tín dụng đã có quan hệ lâu năm.
- Cơ cấu lại các chỉ tiêu tài chính nhằm giảm thiểu chi phí và tối đa hóa lợi nhuận trong sản xuất kinh doanh.
- Nâng cao vòng quay vốn trong kinh doanh, giảm các khoản nợ của khách hàng. Sử dụng triệt để lợi thế về nguồn lực tài chính.

▪ ***Về tổ chức bộ máy và chính sách dành cho CBCNV***

- Kiện toàn bộ máy hoạt động theo hướng tinh gọn cùng với việc đào tạo, nâng cao trình độ cho toàn thể cán bộ công nhân viên. Xây dựng đào tạo nguồn nhân lực trẻ, khỏe, có trình độ chuyên môn, ngoại ngữ cao, năng động sáng tạo, tận tâm với công việc để từng bước kế thừa và tiếp thu kinh nghiệm từ đội ngũ cán bộ giàu kinh nghiệm.
- Cải tiến chế độ tiền lương, tiền thưởng nhằm khuyến khích người lao động làm việc, tăng hiệu suất và chất lượng công việc, thu hút chất xám cho Công ty.
- Nâng cao tinh thần trách nhiệm cá nhân, hiệu quả công việc, khuyến khích tinh thần chủ động và sáng tạo của mỗi cá nhân trong Công ty.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty Cổ phần Hoá chất cơ bản miền Nam được tính toán dựa trên kết quả kinh doanh của các năm quá khứ để đánh giá năng lực sản xuất của Công ty kết hợp với những nhận định tiềm năng phát triển ngành và vị thế của Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm hóa chất cơ bản tại Việt Nam.

Trên cơ sở thu thập thông tin, phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính hiện nay của Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam cùng với việc phân tích, đánh giá về triển vọng phát triển kinh tế, Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á cho rằng, nếu không có những diễn biến bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đề ra trong các

năm 2014 và 2015 là có tính khả thi và Công ty cũng đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức cho cổ đông như kế hoạch.

Chúng tôi lưu ý rằng nhận xét trên của chúng tôi chỉ có tính chất tham khảo cho các nhà đầu tư. Chúng tôi không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết

Không có.

V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đồng.

3. Tổng số chứng khoán niêm yết

Tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết là 44.200.000 cổ phiếu.

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết

Theo quy định tại Điều 53 Nghị định số 58/2012/NĐ - CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, quy định: “Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ”. Theo đó, số cổ phần hạn chế chuyển nhượng đối với các cá nhân và tổ chức theo quy định trên của Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam kể từ ngày niêm yết là **7.426.174** cổ phần, cụ thể như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ nắm giữ tại tổ chức niêm yết	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Ghi chú
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng					
1	Lê Văn Hùng	Chủ tịch HĐQT	2.500	0,006	
2	Lê Thanh Bình	Thành viên HĐQT	1.700	0,004	
3	Trịnh Tuấn Minh	Thành viên HĐQT	0	0	
4	Nguyễn Hữu Thọ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	53.400	0,12	
5	Phạm Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	0	0	
6	Nguyễn Hoài Phú	Phó Tổng Giám đốc	23.100	0,05	

Stt	Họ và tên	Chức vụ nắm giữ tại tổ chức niêm yết	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Ghi chú
7	Hoàng Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc	1.900	0,004	
8	Lê Thị Ngọc Diệp	Kế toán trưởng	2.100	0,005	
Ban kiểm soát					
1	Lê Thuý Mai	Trưởng BKS	0	0	
2	Nguyễn Thanh Bình	Thành viên BKS	23.200	0,052	
3	Lê Tùng Lâm	Thành viên BKS	1.500	0,003	
Cổ đông lớn là người có liên quan với HĐQT, BGĐ, KTT					
1	Vietnam Investment Property Holdings Limited	Cổ đông lớn	3.316.774	7,50	
2	Vietnam Investment Limited	Người có liên quan	2.100.000	4,75	
3	Vietnam Enterprise Limited	Người có liên quan	1.900.000	4,30	
	Tổng		7.426.174	16,649	

Nguồn: Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam

5. Phương pháp tính giá

Giá cổ phiếu Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam được tính toán theo Phương pháp so sánh với các doanh nghiệp cùng hoạt động trong ngành hóa chất và liên quan đến hóa chất (P/E và P/BV).

5.1 Tiêu chí lựa chọn công ty để so sánh

- ✓ Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực hóa chất, liên quan đến hóa chất có cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán (HNX/ HOSE). Do trên thị trường niêm yết, có ít cổ phiếu của công ty có hoạt động tương tự như HCCB nên việc lựa chọn các doanh nghiệp cùng ngành với HCCB cũng chỉ mang tính tương đối;
- ✓ Quy mô vốn điều lệ của các công ty lựa chọn để so sánh chênh lệch không quá 10 lần vốn điều lệ của Công ty.

5.2 Công thức tính theo phương pháp P/E

$$P = EPS \times (P/E)_{BQ}$$

Trong đó:

P : Giá 1 cổ phần

EPS : Thu nhập trên mỗi cổ phần (tính cho 4 quý gần nhất đến thời điểm định giá)

$(P/E)_{BQ}$: Hệ số giá trị cổ phiếu thị trường/thu nhập trên mỗi cổ phần bình quân

▪ **Xác định EPS 4 quý gần nhất (giai đoạn 01/01/2014 – 31/12/2014)**

EPS 4 quý gần nhất được ước tính căn cứ trên BCTC Quý I, Quý II, Quý III và Quý IV năm 2014 của các 03 Công ty đang được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội đáp ứng được các tiêu chí so sánh, cụ thể như sau:

Mã chứng khoán	Tên công ty	Lợi nhuận sau thuế 4 quý năm 2014 (đồng)	Số lượng CP đang lưu hành bình quân	EPS 4 quý gần nhất (Đồng/CP)
CPC	Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Cần Thơ	11.270.223.135	4.081.450	2.761
HVT	Công ty CP Hóa chất Việt Trì	23.713.087.882	7.848.772	3.021
LAS	Công ty CP Suphophat Hóa chất Lâm Thao	438.787.288.499	77.832.000	5.638

5.3 Công thức tính theo phương pháp P/BV

$$P = BV \times (P/BV)_{BQ}$$

Trong đó:

P : Giá 1 cổ phần

BV : Giá trị sổ sách mỗi cổ phiếu tại thời điểm 31/12/2014

$(P/BV)_{BQ}$: Hệ số giá trị cổ phiếu thị trường/giá trị cổ phiếu sổ sách bình quân

5.4 Xác định $(P/BV)_{BQ}$ và $(P/E)_{BQ}$:

Mã cổ phiếu	EPS 4 quý gần nhất (đồng/CP)	BV (31/12/2014) (đồng/Cổ phần)	P (04/02/2015) (đồng/Cổ phần)	P/E	P/B
CPC	2.761	19.696	23.500	8,51	1,19
HVT	3.021	16.531	18.800	6,22	1,14

Mã cổ phiếu	EPS 4 quý gần nhất (đồng/CP)	BV (31/12/2014) (đồng/Cổ phần)	P (04/02/2015) (đồng/Cổ phần)	P/E	P/B
LAS	5.638	19.222	32.300	5,73	1,68
Bình quân				6,82	1,34

5.5 Xác định giá cổ phiếu

Giá cổ phiếu của Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam được xác định như sau:

VCSH tại thời điểm 31/12/2014	584.484.956.394	đồng
Tổng số CP đang lưu hành	44.200.000	cổ phần
Giá trị sổ sách mỗi CP (BV)	13.224	đồng/ Cổ phần
Thu nhập trên mỗi CP 4 quý gần nhất (EPS)	3.258	đồng/Cổ phần
P/B bình quân ngành	1,34	lần
P/E bình quân ngành	6,82	lần

Giá cổ phiếu

$P = BV \times P/BV_{BQ}$	17.676	đồng/ Cổ phần
$P = EPS \times P/E_{BQ}$	22.222	đồng/ Cổ phần

5.6 Tổng hợp kết quả

Kết quả định giá cổ phiếu Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam được tổng hợp như sau:

Phương pháp	Giá cổ phần (đồng/cổ phần)	Tỷ trọng
Phương pháp P/E	22.222	50%
Phương pháp P/BV	17.676	50%
Giá bình quân 1 cổ phần	19.949	

Công ty dự kiến giá cổ phiếu giao dịch trong ngày đầu tiên trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh là **20.000 đồng/cổ phần**.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam không quy định về giới hạn về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phần của Công ty.

Tuy nhiên, sau khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM, tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài sẽ tuân theo quy định tại

Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Theo đó, tổ chức, cá nhân nước ngoài mua bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu niêm yết của một tổ chức đăng ký niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán. Tại ngày 01/12/2014, tỷ lệ sở hữu của bên nước ngoài trong vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam là 16,55%.

7. Các loại thuế có liên quan

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng (nội địa và nhập khẩu), thuế tài nguyên, thuế nhà đất, thuế môn bài, thuế xuất nhập khẩu, thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế khác theo quy định hiện hành.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Trụ sở chính: 56 – 68 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (08) 3821 8666 **Fax:** (08) 3914 4372

Chi nhánh Hà Nội: 181 Nguyễn Lương Bằng, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : (04) 3944 5175 **Fax:** (04) 3944 5178

Chi nhánh Đông Sài Gòn: Tầng 7, Tòa nhà 134/1 Tô Hiến Thành, Q.10, TP. HCM

Điện thoại : (08) 3862 9666 **Fax:** (08) 3868 4748

Website: www.dag.vn

2. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ: 01 Lê Phụng Hiểu, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (04) 3824 1990 **Fax:** (04) 3825 3973

Website: www.aasc.com.vn

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THUẾ, KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN AVINA-IAFC

Địa chỉ: Phòng 12A03, D11, Tòa nhà SUNRISE, Trần Thái Tông, Cầu Giấy, TP.Hà Nội

Điện thoại: (04) 37950833 **Fax:** (04) 37950832

Website: www.avina-iafc.vn

VI. PHỤ LỤC LIÊN QUAN CỦA BẢN CÁO BẠCH

Phụ lục	Danh mục
Phụ lục I	Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
Phụ lục II	Bản sao hợp lệ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty
Phụ lục III	Báo cáo tài chính năm 2012, 2013 đã kiểm toán và Báo cáo tài chính năm 2014
Phụ lục IV	Quy chế quản trị công ty

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 02 năm 2015

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



LÊ VĂN HÙNG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

LÊ THÚY MAI

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HỮU THỌ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÊ THỊ NGỌC DIỆP

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



TRƯƠNG NGUYỄN THIÊN KIM